



**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng**

**Thời gian:** 7h30' ngày 22 tháng 6 năm 2020;

**Địa điểm:** Hội trường tầng 02 - Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Địa chỉ: Km7, QL4A, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

**Đoàn chủ tọa Đại hội, gồm:**

1. Ông Bùi Tiến Hải – Chủ tịch HĐQT Công ty.
2. Ông Nguyễn Văn Phương – Thành viên HĐQT, giám đốc Công ty.
3. Ông Trịnh Văn Tuấn – Thành viên HĐQT Công ty.

Thời gian	TT	Nội dung	Thực hiện
7h30-8h00	1	Tiếp đón Đại biểu và Cổ đông	Ban tổ chức
	2	Đăng ký và kiểm tra thông tin cổ đông	Ban Thẩm tra tư cách CD
8h00-8h30	3	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Ban tổ chức
	4	Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội	Ban Thẩm tra tư cách CD
	5	Giới thiệu và mời Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa	Ban tổ chức
	6	Giới thiệu và thông qua Ban thư ký Giới thiệu và thông qua Ban kiểm phiếu	Chủ tọa Đại hội
	7	Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội	Chủ tọa Đại hội
	8	Thông qua chương trình Đại hội	Chủ tọa Đại hội
	9	Báo cáo của HĐQT về việc bổ nhiệm Giám đốc Công ty	Chủ tọa Đại hội
8h30-11h50	10	Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	Chủ tọa Đại hội
	11	Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 - 2022.	Chủ tọa Đại hội
	12	Thông qua báo cáo kết quả SXKD, ĐTXD, thực hiện NQ ĐHĐCĐ năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020	Chủ tọa Đại hội
	13	Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020	Chủ tọa Đại hội
	14	Thông qua báo cáo hoạt động của BKS 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020	Ban kiểm soát
	15	Thông qua BC tài chính năm 2019 đã được kiểm toán	Kế toán trưởng

Thời gian	TT	Nội dung	Thực hiện
	16	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020	Kế toán trưởng
	17	Thông qua điều chỉnh cơ cấu Tổng mức đầu tư Dự án Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng	Chủ tọa Đại hội
	18	Thông qua việc Tổng công ty khoáng sản - TKV (Vimico) và các đối tác liên danh thực hiện khai thác quặng sắt tại khu Bắc mỏ sắt Nà Rạ từ năm 2020	Chủ tọa Đại hội
	19	Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020	Ban kiểm soát
	20	Thông qua việc thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2019 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2020	Chủ tọa Đại hội
	21	<b>Đại hội nghỉ giải lao</b>	
	22	Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung các báo cáo và tờ trình nêu trên	Chủ tọa Đại hội
	23	Biên bản kiểm phiếu biểu quyết	Ban kiểm phiếu
	24	Thông qua Biên bản và nghị quyết Đại hội	Thư ký Đại hội
11h55-12h00	25	Bế mạc Đại hội	Chủ tọa Đại hội
	26	Chào cờ kết thúc Đại hội	Ban tổ chức

## BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

**QUY CHẾ TỔ CHỨC**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (sau đây gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và thể lệ biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.
3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung được quy định tại Quy chế này.

**Điều 2. Mục tiêu**

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp Đại hội được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty.

**Chương II**  
**ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐHĐCĐ,**  
**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI THAM DỰ ĐHĐCĐ**

**Điều 3. Điều kiện tham dự ĐHĐCĐ**

- Là đại biểu khách mời tham dự.
- Thành viên HĐQT, thành viên BKS và Ban điều hành Công ty.
- Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 27/5/2020 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) xác nhận.

**Điều 4. Quyền của cổ đông và người được đại diện theo ủy quyền khi tham dự ĐHĐCĐ**

Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

1. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Ủy quyền cho người khác dự họp ĐHĐCĐ. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền thì ủy quyền cho người khác dự họp ĐHĐCĐ, người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

Trường hợp cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện.

3. Được Ban tổ chức thông báo công khai nội dung chương trình ĐHĐCĐ.

4. Phát biểu, thảo luận và biểu quyết tất cả các nội dung trong chương trình ĐHĐCĐ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Tại ĐHĐCĐ, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự ĐHĐCĐ được nhận Thẻ biểu quyết (trong đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số cổ phần có quyền biểu quyết) của cổ đông đó sau khi đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ với Ban kiểm tra thông tin cổ đông.

6. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại ĐHĐCĐ.

7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại ĐHĐCĐ. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký, trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

#### **Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tham dự ĐHĐCĐ**

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự ĐHĐCĐ mang theo các giấy tờ sau:

a) Giấy chứng minh thư nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực.

b) Giấy ủy quyền theo mẫu gửi kèm theo Thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Trường hợp được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ: nếu cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó; nếu cổ đông là pháp nhân/ tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.

c) Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban kiểm tra thông tin cổ đông.

2. Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự ĐHĐCĐ

không nhận Thẻ biểu quyết tại ĐHĐCĐ nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận Thẻ biểu quyết.

3. Người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

4. Trong thời gian diễn ra ĐHĐCĐ, cổ đông/ đại diện của cổ đông phải tuân thủ theo hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của ĐHĐCĐ, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định của Điều lệ Công ty.

6. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết mà không thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như là "không có ý kiến" với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐHĐCĐ sau đó. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết, nhưng đã thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó được coi là không tham gia biểu quyết tại Đại hội.

#### **Điều 6. Chủ tọa Đại hội**

1. Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa Đại hội.

2. Chủ tọa Đại hội có thể mời thêm thành viên HĐQT, Ban điều hành Công ty để cùng điều hành ĐHĐCĐ.

3. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm sau:

a) Chủ trì, điều khiển ĐHĐCĐ;

b) Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Đại hội;

c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d) Trả lời hoặc chỉ định thành viên Ban chủ tọa trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

đ) Làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung, dân chủ, điều hành Đại hội một cách hợp lệ, nghiêm túc và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền sau:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội;

c) Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác theo quy định tại Khoản 8 Điều 142, Luật Doanh nghiệp và Khoản 7 Điều 20, Điều lệ công ty.

### **Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thư ký Đại hội**

1. Thư ký Đại hội gồm 02 thành viên do Chủ tọa đề cử để giúp việc ĐHĐCĐ và được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Thư ký Đại hội có nhiệm vụ:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung của Đại hội.

b) Dự thảo kết luận và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu. Trình bày trước ĐHĐCĐ về biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Đại hội.

c) Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu, ý kiến khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

### **Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu tối đa không quá 11 (mười một) thành viên, gồm 01 (một) Trưởng ban và các thành viên kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm phiếu

a) Hướng dẫn cổ đông tham dự ĐHĐCĐ cách sử dụng thẻ biểu quyết. Thực hiện việc kiểm, đếm thẻ biểu quyết theo từng loại: tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết.

b) Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại ĐHĐCĐ.

c) Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của ĐHĐCĐ.

d) Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

e) Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cho Thư ký Đại hội.

f) Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

### **Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm tra thông tin cổ đông**

1. Ban kiểm tra thông tin cổ đông tối đa không quá 3 (ba) thành viên, gồm Trưởng ban và các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra thông tin cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự ĐHĐCĐ và khách mời xuất trình Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết và các tài liệu khác có liên quan đến cuộc họp.

c) Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra thông tin cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ (khi cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban tổ chức ĐHĐCĐ hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

2. Trường hợp người đến dự họp không đầy đủ tư cách tham dự ĐHĐCĐ thì Ban kiểm tra thông tin cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp thẻ biểu quyết và các tài liệu khác có liên quan đến cuộc họp.

### **Chương III**

## **CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI**

### **Điều 10. Tiến hành Đại hội**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông đã chốt ngày 27/5/2020 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam xác nhận. Ban kiểm tra thông tin cổ đông thông báo số lượng tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

2. Trường hợp ĐHĐCĐ không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 nói trên thì việc triệu tập và ĐHĐCĐ các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội**

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.

2. Trình tự tổ chức Đại hội (*Xem chương trình Đại hội gửi kèm theo*)

3. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp, các thay đổi phải được ĐHĐCĐ thông qua.

### **Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội**

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, đưa ra ý kiến chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa hoặc điền vào phiếu câu hỏi gửi cho Thư ký đại hội để chuyển tới Chủ tọa đại hội.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn, tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội thông qua. Chủ tọa Đại hội có quyền đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

3. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 5 phút. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ

đồng lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Chủ tọa phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

### **Điều 13. Thẻ biểu quyết tại Đại hội**

1. Nguyên tắc biểu quyết: Các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

2. Hình thức biểu quyết: Cổ đông biểu quyết từng nội dung theo chương trình Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết nội dung biểu quyết được quy định cụ thể tại chương trình đại hội).

a) Khi biểu quyết một nội dung được Đại hội đưa ra, các cổ đông biểu quyết như sau:

- Bằng hình thức giơ thẻ: Cổ đông giơ thẻ biểu quyết lên cao;

b) Đối với từng nội dung cần biểu quyết, Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến theo trình tự: tán thành; không tán thành; không có ý kiến.

3. Trường hợp phiếu không hợp lệ: (i) phiếu không do Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng phát hành (không đóng dấu của Công ty) (ii) Phiếu không có chữ ký và không ghi đầy đủ họ tên của cổ đông/ người được ủy quyền (iii) phiếu bị tẩy xóa hoặc ghi thêm những nội dung khác không do Chủ tọa đại hội yêu cầu (iv) phiếu không được đánh dấu bất kỳ một (01) ô nào trong từng một nội dung biểu quyết hoặc đánh dấu nhiều hơn một (01) ô cần lấy ý kiến.

### **4. Điều kiện thông qua**

Nghị quyết về các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 14. Thẻ biểu quyết**

1. Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban kiểm tra thông tin cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp việc cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

2. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ.

### **Điều 15. Bầu cử Ban kiểm soát**

1. Nguyên tắc bầu cử Ban kiểm soát

Việc bầu cử thành viên Ban kiểm soát sẽ được thực hiện theo phương thức bầu dòn phiếu, theo hình thức công khai, trực tiếp và bỏ phiếu kín.



Phiếu bầu do Ban kiểm phiếu phát. Trên mỗi phiếu có ghi tên ứng viên được đề cử vào Ban kiểm soát và được đóng dấu cơ quan treo trên góc phiếu bầu.

Khi được phát phiếu bầu, cổ đông/đại diện cổ đông phải kiểm tra lại tổng số cổ phần sở hữu mà họ đại diện (Tổng số phiếu biểu quyết mà họ đại diện) ghi trên các phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu bầu cử được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên Phiếu bầu.

## 2. Tổ chức kiểm phiếu

Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại địa điểm họp Đại hội ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Trước khi mở thùng phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu không được sử dụng.

Ban kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

Những phiếu sau đây được coi là không hợp lệ:

- Phiếu không do Ban kiểm phiếu phát.
- Ban tổ chức không chịu trách nhiệm những trường hợp cổ đông làm mất phiếu bầu hoặc viết sai trên phiếu bầu.
- Phiếu tẩy xóa hoặc ghi tên người ngoài ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

## 3. Nguyên tắc lựa chọn ứng cử viên trúng cử vào Ban kiểm soát

Việc lựa chọn ứng cử viên trúng cử vào Ban kiểm soát được căn cứ vào tổng số phiếu biểu quyết mà ứng cử viên nhận được.

## 4. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp, số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho ứng viên vào BKS.

Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

## **Điều 16. Biên bản họp Đại hội, dự thảo nghị quyết Đại hội**

1. Biên bản họp Đại hội: Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký ghi vào biên bản họp Đại hội. Chủ tọa và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản họp ĐHĐCĐ.

2. Biên bản họp phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Biên bản ĐHĐCĐ phải được công bố trên website Công ty trong thời hạn 24 giờ và gửi tới các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bế mạc ĐHĐCĐ.

3. Căn cứ biên bản họp Đại hội, báo cáo kết quả kiểm tra thông tin cổ đông, báo cáo kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu và các tài liệu ghi nhận diễn biến, kết quả của ĐHĐCĐ phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản ĐHĐCĐ là cơ sở để đưa ra Nghị quyết ĐHĐCĐ.

#### **Điều 17. Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ**

Căn cứ biên bản họp Đại hội, báo cáo kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu. Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp kết quả và đưa vào dự thảo Nghị quyết. Nghị quyết của ĐHĐCĐ gửi tới các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ bế mạc.

### **Chương IV**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

##### **Điều 18. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng bao gồm 04 chương, 18 điều. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

2. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này. Các cổ đông tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

3. ĐHĐCĐ quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Bùi Tiến Hải**

Cao Bằng, ngày 05 tháng 6 năm 2020

**QUY CHẾ**  
**BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG NHIỆM KỲ 2017 - 2022**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng thông qua quy chế bầu cử bổ sung thay thế thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 - 2022 như sau:

**I. Đối tượng thực hiện bầu cử**

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông chốt ngày 27/5/2020).

**II. Danh sách ứng cử, đề cử ứng viên để bầu vào BKS**

Theo danh sách do Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng tổng hợp và được ĐHĐCĐ thông qua. Danh sách ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

**III. Phiếu bầu và các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ**

**1. Phiếu bầu:**

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền bầu cử theo mã số tham dự;
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu BKS theo mã số tham dự;
- Trường hợp phiếu bầu ghi sai, cổ đông đề nghị Ban Tổ chức đổi phiếu bầu khác;

**2. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:**

- Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty;
- Phiếu tẩy xóa hoặc ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng viên đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng số quyền bầu cử cho những ứng viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền bầu cử của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền;
- Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.

#### **IV. Số thành viên được bầu**

Số lượng thành viên BKS được bầu bổ sung thay thế: 02 thành viên.

#### **V. Phương thức bầu cử**

Việc bầu cử thực hiện bằng cách bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó:

- Mỗi cổ đông có tổng số quyền bầu cử tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền): nhân với 02 (số thành viên BKS được bầu).

- Cổ đông thực hiện bầu cử bằng cách ghi trực tiếp số quyền bầu cử của mình cho các ứng viên mà mình lựa chọn. Số quyền bầu cử cho từng ứng viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông/đại diện cổ đông đối với mỗi ứng viên.

- Tổng số quyền bầu cử cổ đông bầu cho các ứng viên không được vượt quá tổng số quyền bầu cử của cổ đông/đại diện cổ đông đó.

- Cổ đông có thể lựa chọn chia đều số quyền bầu cho các ứng viên (tích dấu X hoặc V) vào cột "Số phiếu bầu" trên Phiếu bầu cử.

- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi bỏ phiếu và được kiểm tra với sự chứng kiến của cổ đông;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội đồng cổ đông.

#### **VI. Nguyên tắc trúng cử**

- Người trúng cử được xác định theo số quyền bầu cử nhận được từ các cổ đông thực hiện bầu cử, tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số quyền bầu cử cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên BKS cần bầu;

- Trường hợp có những ứng viên đạt tỷ lệ % số cổ đông tín nhiệm ngang nhau mà cần phải loại bớt để đạt đủ số thành viên trúng cử theo quy định thì sẽ tổ chức bầu lại giữa các ứng viên này để chọn đủ số thành viên;

- Trường hợp bầu cử không đạt đủ thành viên BKS, Đại hội đồng cổ đông sẽ tiếp tục bầu cử các đợt tiếp sau cho đến khi đủ số thành viên.

Quy chế này và phụ lục đính kèm được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.

#### **Nơi nhận:**

- Cổ đông công ty;

- Lưu: VP, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**Bùi Tiến Hải**

Số: 810/BC-GTCB

Cao Bằng, ngày 05 tháng 6 năm 2019

**BÁO CÁO**  
**V/v bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 11 tháng 10 năm 2006; Sửa đổi bổ sung lần 3 ngày 27 tháng 4 năm 2018;

Căn cứ Đơn xin thôi việc ngày 8/6/2019 của Ông Vương Thanh Giang - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Ngày 11/6/2019, Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV (VIMICO) đã có Quyết định số 710/QĐ-VIMICO về việc thay đổi nhân sự đại diện quản lý vốn, tham gia HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng; theo đó:

- Ông Vương Thanh Giang thôi làm người đại diện quản lý vốn của VIMICO tại Công ty, thôi tham gia HĐQT và từ nhiệm chức Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

- Cử ông Nguyễn Văn Phương làm người đại diện quản lý vốn của VIMICO tại Công ty, giới thiệu tham gia HĐQT và ứng cử chức Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty thay ông Vương Thanh Giang.

Ngày 18/6/2019, HĐQT Công ty đã họp và thống nhất miễn nhiệm thành viên HĐQT Công ty, miễn nhiệm chức danh Giám đốc Công ty đối với ông Vương Thanh Giang và Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Phương giữ chức Thành viên HĐQT Công ty, bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 18/6/2019.

HĐQT Công ty trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VP, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Bùi Tiến Hải**



TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV  
CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG

Số: 811/BC-GTCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 05 tháng 6 năm 2020

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ SXKD, ĐTXD, THỰC HIỆN NQ ĐHĐCĐ NĂM 2019**  
**VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020**

**TM. BAN ĐIỀU HÀNH**  
**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Phương**

Cao Bằng, tháng 6 năm 2020





# PHẦN THỨ NHẤT

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2019

### I. Đặc điểm tình hình:

#### 1. Thuận lợi:

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, ủng hộ của các Sở, UBND tỉnh Cao Bằng, của Tổng công ty khoáng sản - TKV, cùng với sự hợp tác giúp đỡ có hiệu quả của các đối tác khách hàng, các đơn vị bạn.

Đội ngũ công nhân vận hành dây chuyền đã từng bước làm chủ được công nghệ, năng suất chất lượng sản phẩm được nâng cao.

#### 2. Khó khăn:

Giá bán sản phẩm phôi thép trong năm giảm mạnh, Giá bán thấp nhất tháng 11 là 8,8tr/tấn, giá bình quân năm chỉ đạt 10,2 tr.đồng/tấn bằng 87%KHN (11,65 tr.đồng/tấn) và chỉ bằng 83% so với thực hiện năm 2018 (12,23 tr.đồng/tấn).

Khâu khai thác mỏ Khu nam gặp khó khăn do khai thác xuống sâu, cùng với đó công tác đầu tư khai thác Khu Bắc Mỏ sắt Nà Rạ tiến độ chưa triển khai được do các thủ tục giải phóng mặt bằng chậm. Do đó lượng quặng khai thác trong mỏ không cung cấp đủ nguyên liệu cho Nhà máy dẫn tới phải mua ngoài với giá cao.

Trình độ chuyên môn và năng lực quản lý, điều hành của một số cán bộ phòng, ban Công ty và các Phân xưởng còn hạn chế.

### II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD chủ yếu:

#### 1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Doanh thu đạt 2.377.127 tr.đồng bằng 84,99% kế hoạch năm;
- Lợi nhuận sau thuế: -133.365 tr.đồng;
- Quỹ lương: 73.950 tr.đ bằng 92% kế hoạch năm, tiền lương bình quân: 7,06 tr.đ/ng/thg, bằng 95% kế hoạch năm;
- Lao động sử dụng bình quân: 873 người, bằng 96% kế hoạch năm;
- Nộp ngân sách: 55.435 tr.đồng, bằng 86% kế hoạch năm;
- Giá trị sửa chữa lớn: 17.540 tr.đồng bằng 116% kế hoạch năm.

#### 2. Sản phẩm bán thành phẩm sản xuất:

- Quặng sắt nguyên khai thác cả năm đạt 225.066 tấn bằng 90% KH năm;
- Quặng 0-8mm đạt 89.651 tấn bằng 95,37% kế hoạch năm;
- Quặng 8-38mm đạt 70.499 tấn bằng 92,76% kế hoạch năm;
- Tinh quặng đạt 54.205 tấn bằng 108,41% kế hoạch năm;
- Quặng thiêu đạt 325.307 tấn bằng 99,09% kế hoạch năm;
- Gang lỏng đạt 213.402 tấn bằng 95,10% kế hoạch năm;

- Phôi thép thực hiện cả năm đạt 220.368/220.000 tấn bằng 100,17% KH năm và bằng 119% so với thực hiện năm 2018.

### **3. Sản phẩm sản xuất và tiêu thụ:**

#### **3.1. Sản phẩm sản xuất:**

- Phôi thép sản xuất đạt 220.368 tấn bằng 100,17% kế hoạch năm.

#### **3.2. Sản phẩm tiêu thụ:**

- Phôi thép tiêu thụ đạt 229.375 tấn bằng 95,57% kế hoạch năm.

*(Có phụ lục các chỉ tiêu kèm theo)*

## **III. Đánh giá kết quả thực hiện các mặt công tác chủ yếu năm 2019**

### **1. Công tác chỉ đạo sản xuất:**

Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2019 đã được đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban giám đốc Công ty đã ban hành kế hoạch sản xuất và các giải pháp điều hành kế hoạch giao cho các phân xưởng. Từng bước triển khai và áp dụng công tác khoán - quản trị, quản lý công đoạn sản xuất, giám sát tổ chức sản xuất, quản lý định mức, quản lý vật tư,... Hàng tháng tổ chức nghiệm thu khối lượng, chi phí các đơn vị trực thuộc nhằm kịp thời đánh giá các chỉ tiêu kế hoạch, kiểm soát việc thực hiện chi phí, đảm bảo hiệu quả sản xuất. Nhìn chung, sản lượng sản xuất các loại sản phẩm, bán thành phẩm đều đảm bảo theo kế hoạch đề ra và tăng so với thực hiện năm 2018.

### **2. Công tác kỹ thuật cơ bản:**

- **Công tác Khai thác:** Tập trung khai thác khu Nam (Riêng khu Bắc nguồn nguyên liệu chính chưa triển khai được do các thủ tục giải phóng mặt bằng chậm và gặp khó khăn). Khai thác mỏ thực hiện năm 2019 đều đảm bảo so với kế hoạch đề ra như: cung độ vận tải, sản lượng khai thác chọn lọc quặng sắt hàm lượng cao >58%Fe để nghiền thành sản phẩm quặng hợp cách, các chỉ tiêu công nghệ khoan nổ mìn, đảm bảo an toàn bãi thải, khai trường.

- **Công tác tuyển khoáng:** Do tính chất quặng, thiết bị nên các tháng mùa khô quặng tương đối khô ráo không bị dính bết nên khâu đập sàng hoạt động hiệu quả, từ tháng 6-9/2019 là mùa mưa nên dính bết khâu đập sàng dính bết ảnh hưởng đến năng xuất khâu đập sàng (năng suất trung bình đạt 58,57 T/h). Khâu nghiền tuyển năng suất bình quân đạt 24,65 T/h thấp hơn kế hoạch do lượng liệu cấp vào máy nghiền bị không đều khi độ ẩm cao, liệu hay bị treo tại buke trung gian. Thực thu khâu nghiền tuyển chưa cao, chỉ đạt 56%. Để khắc phục tồn tại này Công ty đang tiến hành nhiều giải pháp đột phá trong công tác tuyển khoáng nhằm nâng cao năng xuất máy nghiền, tăng thực thu, tăng sản lượng tinh quặng: Lắp đặt hệ thống bàn đãi thu hồi quặng sắt không từ; sử dụng hệ thống máy rửa cánh vuông giảm quặng dính sét, tăng năng xuất máy nghiền (triển khai cuối năm 2019 và đầu năm 2020).

- **Công tác luyện kim:** Công tác luyện kim trong năm 2019 cơ bản đạt yêu cầu đề ra, các chỉ tiêu tiêu hao đã được cải thiện rất nhiều so cùng kỳ năm 2018. Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất còn gặp một số khó khăn như nguyên liệu phải để ngoài trời (mưa ướt, độ ẩm cao) ảnh hưởng rất lớn đến công nghệ, chất lượng nguyên liệu (quặng sắt) đầu vào còn thấp hơn so với kế hoạch đề ra (chỉ đạt 59,26%Fe/62,5%FeKH), thiết bị hoạt động chưa thực sự ổn định chủ yếu thường xuyên xảy ra các sự cố hỏng quạt cao áp (Công ty đã thay quạt), Băng tải thiêu kết, Hệ thống phun than lò cao,...Kết quả Công ty đã tăng cường quản lý công nghệ tại tất cả các công đoạn sản xuất, giảm thiểu sản phẩm công đoạn trước có các chỉ tiêu vượt gây bất lợi cho sản xuất các khâu sau, năm 2019 sản xuất phôi thép đạt công suất thiết kế 220.368 tấn.

- **Công tác cơ điện:** Các thiết bị sau TĐT hoạt động ổn định, đảm bảo năng suất. Thời gian thực hiện TĐT rút ngắn so với tiến độ ban đầu. Công tác sửa chữa thường xuyên trong năm 2019 được lập và thực hiện đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất liên tục, không xảy ra sự cố thiết bị do chủ quan gây gián đoạn quá trình sản xuất. Tăng cường công tác gia công chế tạo, phục hồi vật tư thiết bị: gia công phục hồi van lò gió nóng,....

Cơ bản đội ngũ kỹ thuật cơ điện đã dần làm chủ được các hệ thống thiết bị, tuy nhiên việc nắm bắt công nghệ về Tự động hóa tại Công ty còn chậm, do lực lượng lao động trình độ chuyên môn trong lĩnh vực còn nhiều hạn chế (hiện tại vẫn đang thuê 01 chuyên gia Tự động hóa người Trung Quốc).

### **3. Công tác AT-MT:**

Công tác an toàn đã được Công ty rất quan tâm, thay đổi nhận thức từ CB quản lý đến người lao động. Công ty đã ban hành Nghị quyết liên tịch giữa Giám đốc – Công đoàn – Đoàn thanh niên về thực hiện công tác AT- VSLĐ; Chỉ thị của Đảng ủy về công tác ATMT; Tại mỗi thời điểm, mỗi sự kiện cụ thể Giám đốc công ty đều có các chỉ thị đảm bảo ATLĐ, PCTT, PCCN. Tổ chức huấn luyện an toàn, cung cấp đủ BHLĐ theo ngành nghề, chủ động khắc phục các kiến nghị, tồn tại của cấp trên. Chỉ đạo và tuyên truyền tạo ra ý thức tự giác chấp hành các quy trình vận hành thiết bị, các quy định từ cán bộ quản lý đến người lao động trực tiếp. Tuy nhiên trong năm Công ty Còn để xảy ra 1 vụ tai nạn nghiêm trọng (9/10) tại phân xưởng thép.

Công tác môi trường: Trong năm có nhiều chuyển biến đã khắc phục được một phần hệ thống thoát nước tại khu liên hợp và các hồ lắng đuôi xưởng tuyển, Gia cố thân đập xưởng tuyển, Quan tâm công tác trồng cây xanh, hoa, vệ sinh công nghiệp tại xưởng tuyển và khu liên hợp, kết quả quan trắc đạt giới hạn cho phép.

### **4. Công tác đầu tư, giải phóng mặt bằng:**

Thực hiện công tác đầu tư năm 2019 đạt thấp: Năm 2019 hoàn thành 01 công trình (hạng mục đầu tư mua xe cầu, ô tô bốc xếp phôi không thuê ngoài giảm chi phí); đạt: 4.800 tr.đ/15.823 tr.đ; bằng 30,33% KHN. Còn lại các hạng mục, công trình liên quan đến đầu tư, giải phóng mặt bằng và tiến hành khai thác Khu vực Mỏ Bắc Nà rựa triển khai chậm và phải kéo dài sang năm 2020.

## **5. Công tác tổ chức, tiền lương:**

Công ty đã thực hiện chương trình đổi mới cơ cấu lao động và rà soát định biên lao động tiên tiến theo đề án tái cơ cấu đơn vị giai đoạn 2017-2020 của Tổng công khoáng sản, Công ty duy trì đảm bảo cơ cấu lao động và định biên lao động duy trì SX đảm bảo sản lượng giao. Năm 2019 Công ty đã quyết liệt triển khai đổi mới cơ cấu lao động và rà soát định biên đến hết năm lao động quản lý đã đảm bảo 10,3%; Giảm từ 6 phân xưởng sản xuất còn 5 Phân xưởng (sát nhập các phân xưởng cơ điện và phân xưởng năng lượng); Sát nhập, tách, đổi tên các phòng và giảm từ 9 phòng ban còn 8 Phòng nhằm tinh gọn bộ máy điều hành và sản xuất hiệu quả. Giám chuyên gia Trung quốc tham gia vận hành công nghệ từ 15 người còn 7 người.

**Công tác lao động:** Công ty đã chỉ đạo các Phân xưởng thực hiện quản lý lao động theo hướng giảm lao động gián tiếp, ưu tiên sử dụng lao động có trình độ chuyên môn cao. Tổng số lao động đầu kỳ (01/01/2019) 891 lao động, tổng số lao động cuối kỳ (31/12/2019) 857 lao động.

**Công tác tiền lương:** Ban hành đơn giá tiền lương theo sản phẩm cho các đơn vị sản xuất (tuyển khoáng, thiêu kết, luyện gang, luyện thép) giao khoán theo các công đoạn sản xuất. Quỹ tiền lương thực hiện đạt 73,95 tỷ đồng /80,3 tỷ đồng bằng 92% KH, tiền lương bình quân đạt 7,06/7,43 triệu đồng/người/tháng bằng 95% KH.

## **6. Công tác Quản trị chi phí**

Công tác quản trị chi phí năm 2019 được Công ty quan tâm và củng cố. Công ty đã chỉ đạo nhiều biện pháp tiết giảm chi phí, đặc biệt tại thời điểm giá bán phôi thấp. Từng bước triển khai và áp dụng công tác khoán, quản trị, quản lý công trường, giám sát tổ chức sản xuất, quản lý định mức, vật tư... Hàng tháng tổ chức nghiệm thu khối lượng, chi phí tại các Phân xưởng nhằm kịp thời đánh giá các chỉ tiêu kế hoạch, kiểm soát việc thực hiện chi phí, đảm bảo hiệu quả sản xuất, cụ thể:

- Giá thành sản xuất phôi thép thực hiện cả năm đạt 10,2/10,6 tr.đồng/tấn bằng 96% KHN và bằng 92% so với thực hiện năm 2018.

- Giá thành tiêu thụ phôi thép thực hiện cả năm đạt 10,9/11,4 tr.đồng/tấn bằng 95,8%KHN và bằng 90,5% so với thực hiện năm 2018.

## **IV. Giải trình hiệu quả SXKD năm 2019 không đạt kế hoạch (Lỗ 133,635 tỷ đồng).**

### **1. Các yếu tố làm giảm lợi nhuận**

- Doanh thu giảm do giá bán sản phẩm: 331.926 tr.đồng.

- Chi phí phân bổ (242) tăng: 7.704 tr.đồng nguyên nhân do phát sinh các hạng mục sửa chữa có giá trị lớn như Hệ thống lò trộn – Luyện thép: 4.770 tr.đồng; Hệ thống lò gió nóng – Luyện gang: 3.881 tr.đồng.

- Chi phí tăng do sửa chữa thường xuyên máy móc thiết bị 4.830 tr.đồng, nguyên nhân do phát sinh chi phí sửa chữa hệ thống quạt gió lò cao (5.423 tr.đồng).

- Chi phí tăng do việc thực hiện định mức tiêu hao các vật tư công nghệ vượt so với kế hoạch 4.253 tr.đồng (có bản chi tiết các chỉ tiêu tăng/giảm kèm theo).

- Chi phí cố định (Khấu hao, Bảo hiểm) tăng: 460 tr.đồng.

- Chi phí quản lý (không bao gồm lương, khấu hao, bảo hiểm) tăng 1.954 tr.đồng.

Tổng giá trị các nguyên nhân làm giảm lợi nhuận: 351.128 tr.đồng.

## **2. Các yếu tố làm tăng lợi nhuận**

- Do đơn giá vật tư tiêu hao giảm so với kế hoạch 119.765 tr.đồng, trong đó chủ yếu do giảm giá mua than cốc (-63.967 tr.đồng); sắt thép phế (-31.193 tr.đồng); nguyên liệu sắt (-41.643 tr.đồng) và tăng do huy động than cốc vụn trong công đoạn thiêu kết (18.646 tr.đồng)...

- Chi phí tài chính giảm 33.150 tr.đồng (do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ).

- Chi phí tiền lương giảm 6.364 tr.đồng do hiệu quả SXKD.

Tổng giá trị các nguyên nhân làm tăng lợi nhuận: 159.279 tr.đồng.

Từ các nguyên nhân cụ thể nêu trên, kế hoạch năm 2019 chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế 58.339 tr.đồng, tổng giá trị các nguyên nhân làm giảm lợi nhuận 351.128 tr.đồng, tổng giá trị các nguyên nhân làm tăng lợi nhuận 159.279 tr.đồng. Vì vậy, kết thúc năm 2019 lợi nhuận của Công ty -133.365 tr.đồng, ngoài nguyên nhân do điều kiện khách quan cũng còn không ít những nguyên nhân chủ quan. HĐQT Công ty, Ban điều hành Công ty đã triển khai xác định cụ thể các nguyên nhân và có những giải pháp khắc phục cụ thể trong thời gian tới.

## **V. Đánh giá chung**

Mặc dù còn gặp rất nhiều khó khăn, nhưng với sự chỉ đạo của HĐQT, Ban giám đốc đã quyết liệt, điều chỉnh hợp lý trong điều hành, sự phối hợp giữa các Phòng, Phân xưởng sản xuất từng bước nhịp nhàng. Công ty đã đề xuất, áp dụng nhiều giải pháp kinh tế, kỹ thuật,... nên trong năm sản lượng phối thép đã đạt sản lượng thiết kế, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Tuy nhiên trong năm công tác điều hành sản xuất vẫn có một chỉ tiêu KTKT công nghệ vượt và giá bán sản phẩm phối thép trong năm giảm mạnh (Giá bán thấp nhất tháng 11 là 8,8tr/tấn) nên kết quả SXKD năm 2019 không có hiệu quả (SX lỗ).

## PHẦN THỨ HAI MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐIỀU HÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2020

Nhận định tình hình: Năm 2020 vẫn là một năm sẽ có nhiều khó khăn, thách thức đối với Công ty Gang thép Cao Bằng, mặc dù nền kinh tế vĩ mô trong nước vẫn đảm bảo tăng trưởng, nhưng diễn biến nền kinh tế thế giới rất khó lường do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại, áp lực của dịch viêm phổi cấp Covid-19 và thị trường giá kim loại 2020 có biến động và sẽ không thể phục hồi ở mức cao. Trong đó giá quặng sắt, nguyên nhiên vật liệu đầu vào như: than (than cốc, than cám), các chất hợp kim, điện,... dự báo tăng giá. Bên cạnh đó tài nguyên, điều kiện khai thác mỏ khu Nam ngày càng khó khăn do đến giai đoạn kết thúc, hàm lượng quặng nguyên khai giảm. Mỏ khu Bắc gặp khó khăn giải phóng mặt bằng nên chưa huy động khai thác được sản lượng, thiết bị khu liên hợp xuống cấp,... Trước tình hình đó, đòi hỏi Công ty phải có các giải pháp điều hành sản xuất hợp lý, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất có lãi, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

### **I. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu năm 2020:**

#### **1. Các chỉ tiêu chủ yếu:**

- Doanh thu đạt 2.356.800 tr.đồng bằng 99,14% so với năm 2019;
- Lợi nhuận sau thuế: 32.968 tr.đồng;
- Quỹ lương: 76.943 tr.đồng bằng 104% so với năm 2019; tiền lương bình quân: 7,37 tr.đồng/tháng, bằng 104% so với năm 2019;
- Lao động sử dụng bình quân: 870 người, bằng 99,66% so với năm 2019;
- Nộp ngân sách: 45.000 tr.đồng, bằng 75% so với năm 2019;
- Giá trị sửa chữa lớn: 30.290 tr.đồng bằng 172% so với năm 2019;
- Giá trị đầu tư xây dựng: 36.034 tr.đồng.

#### **2. Sản phẩm bán thành phẩm sản xuất:**

- Quặng sắt nguyên khai thác: 200.000 tấn;
- Quặng hợp cánh (0-8mm): 50.000 tấn;
- Quặng hợp cánh (0-38mm) 50.000 tấn;
- Tinh quặng tuyển: 93.000 tấn;
- Quặng thiêu kết 328.800 tấn;
- Gang lỏng đạt 215.600 tấn.

#### **3. Sản phẩm sản xuất và tiêu thụ:**

##### **3.1. Sản phẩm sản xuất:**

- Phôi thép sản xuất đạt 220.000 tấn bằng 100,% so với năm 2019.

##### **3.2 Sản phẩm tiêu thụ:**

- Phôi thép tiêu thụ đạt 220.000 tấn bằng 95,91% so với năm 2019.

(Có phụ lục các chỉ tiêu kèm theo)

## II. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐIỀU HÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2020

### 1. Công tác chỉ đạo sản xuất:

- Lấy mục tiêu đảm bảo AT-MT là hàng đầu, sản xuất phải đảm bảo ATMT; Tiếp tục tuyên truyền để người lao động hiểu, nắm rõ tình hình, tầm quan trọng, mức độ cần thiết của nhiệm vụ, công việc được giao.

- Tiếp tục chấn chỉnh, duy trì kỷ luật trong công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất từ Công ty đến các đơn vị. Nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu, xử lý nghiêm khắc lãnh đạo các đơn vị, phòng ban không hoàn thành nhiệm vụ được giao, sản xuất không hoàn thành kế hoạch, để xảy ra tai nạn lao động.

- Chỉ đạo các Phân xưởng bám sát kế hoạch Công ty giao để tổ chức sản xuất một cách linh hoạt, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, đồng thời tập trung thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí để giảm giá thành.

- Chỉ đạo cân đối tăng sản lượng quặng khai thác (tăng quặng hợp cách); tăng sản lượng quặng tinh sản tại Phân xưởng Khai tuyển và quan tâm đến các khâu chuẩn bị nguyên liệu để luôn đảm bảo đủ nguyên liệu cho nhà máy luyện kim, hạn chế phải mua ngoài và tuyệt đối không được dừng sản xuất do thiếu nguyên liệu.

- Tổ chức bộ máy chuyên môn quản lý gắn liền với sản xuất, phát huy vai trò chức năng của các phòng Công ty nhằm điều phối tốt hơn nữa công tác khai thác, tuyển khoáng, luyện kim, công tác sửa chữa cơ điện.

### 2. Công tác kỹ thuật cơ bản:

- **Công tác Khai thác:** Đôn đốc nhà thầu khai thác theo đúng kế hoạch đã đề ra, giảm tổn thất làm nghèo. Thường xuyên cập nhật ranh giới, sự biến động của thân quặng để điều chỉnh phương hướng công trường cho phù hợp với hiện trạng thực tế. Mục tiêu điều hành tăng sản lượng quặng hợp cách năm 2020 lớn hơn 100.000 tấn.

- **Công tác tuyển khoáng:** Tăng cường công tác chăm sóc, bảo dưỡng thiết bị đảm bảo duy trì thiết bị hoạt động liên tục thường xuyên nhằm tăng năng suất máy nghiền bi đạt từ (29-30)t/h. Trong đó chú trọng công tác quản lý bảo dưỡng thiết bị cơ điện: máy nghiền bi, băng tải xích, nghiền côn, các thiết bị cơ điện,...

Thực hiện giải pháp ổn định công nghệ, thu hồi thêm tinh quặng từ quặng đuôi xưởng tuyển (quặng sắt không từ) sau khi lắp thêm hệ thống bàn đãi nhằm nâng cao sản lượng tinh quặng sắt và tăng thực thu từ 65% trở lên.

- **Công tác luyện kim:** Lập kế hoạch cung ứng đủ nguyên, nhiên vật liệu chi tiết từng chủng loại để điều hành trung hòa, phối trộn đảm bảo hàm lượng và các chỉ tiêu từ khâu đầu tiên kết, tối đa hóa năng suất lò cao. Trong điều hành có thể thay đổi cơ cấu nguyên liệu phù hợp với tình hình thực tế (tăng lượng dùng quặng limonit giàu Mn, tăng sử dụng tinh quặng Sin Quyền) để đảm bảo phẩm vị quặng thiêu kết cấp cho lò cao, giảm chi phí SiMn cho luyện thép (ước tính giảm 1,5 kg/T.phôi). Tận thu, cân đối sử dụng bụi giàu Cacbon phối liệu cùng than cám 4a nhằm tiết giảm tiêu hao.

Tập trung giảm tiêu hao than cốc trong sản xuất gang lỏng, cụ thể: (i) bảo dưỡng MMTB, đặc biệt đối với hệ thống phun than để duy trì cường độ hóa lò cao bằng phun than bột (>130 kg/T.gang), đảm bảo tiêu hao than cốc nhỏ hơn 445kg/tấn nước gang; (ii) hạn chế tối đa số lần dừng lò cao trong năm.(iii) Kiểm soát chặt chẽ công nghệ nấu luyện trong lò thổi đảm bảo thành phần hoá học sắt với mức thép yêu cầu, hạn chế để sản phẩm trượt mức.

Tập trung làm chủ công nghệ, vận hành thiết bị từ đó nghiên cứu các giải pháp lý hóa sản xuất, sáng kiến cải tiến kỹ thuật để tiết giảm các chỉ tiêu nguyên, nhiên, vật liệu,... hạ giá thành sản phẩm.

- **Công tác cơ điện:** Xây dựng chi tiết kế hoạch Trung đại tu, sửa chữa thường xuyên máy móc thiết bị và điều hành theo tháng, quý sát với tình hình sản xuất thực tế, trên cơ sở đảm bảo thời gian, tiến độ và chất lượng. Triển khai công tác kiểm toán điện năng trong toàn Khu liên hợp để quản trị tiêu hao, theo đó thực hiện các giải pháp tiết kiệm.

Khuyến khích công tác gia công chế tạo một số vật tư phục vụ sản xuất: Băng tải gầu xích Luyện Gang; Van lò gió nóng; Miệng Lò chuyển Luyện Thép, con lăn,... hạn chế mua những vật tư mà năng lực Công ty thực hiện gia công được.

### **3. Công tác AT-MT:**

Công ty tiếp tục quan tâm, thay đổi nhận thức và chủ động khắc phục tồn tại công tác AT-MT. Công tác điều hành kiên quyết với mục tiêu sản xuất an toàn, môi trường đảm bảo. Tiếp tục triển khai các công trình AT-MT nhằm cải thiện hình ảnh của Công ty. Tập trung kiểm tra và xử lý nghiêm hiện tượng làm bừa làm ẩu, không thực hiện đúng thiết kế, quy định; người đứng đầu không quan tâm, nhận thức không đúng và không chấp hành các quy định, kiến nghị về an toàn, kỹ thuật,...

Công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành nội quy, quy trình của người lao động sẽ được tăng cường. Nâng cao năng lực quản lý cán bộ an toàn, trách nhiệm của đội ngũ an toàn viên. Giải quyết dứt điểm các nguồn phát tán bụi, đất đá: Sửa chữa các hệ thống lọc bụi túi vải, lắp đặt hệ thống che chắn tại các boongke cấp liệu, băng tải, lắp đặt bổ sung các hệ thống phun nước, phun sương tại các phễu xả bụi,....

Tăng cường kiểm tra công tác vệ sinh công nghiệp, nâng cao ý thức của người lao động. Tiếp tục trồng các cây xanh quanh khu vực sản xuất đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp. Sắp xếp vật tư, lối đi lại, cảnh báo khu vực nguy hiểm tại các phân xưởng.

### **4. Công tác đầu tư, giải phóng mặt bằng:**

Chuẩn bị tốt các điều kiện để chuẩn bị khai thác khu bắc mỏ sắt Nà Rua: Công ty sẽ chủ động và phối hợp với địa phương giải quyết tốt các vấn đề còn vướng mắc như Xây dựng khu tái định cư, vấn đề đổ thải (đất lúa 11,6ha); nắn điều chỉnh tuyến đường giao thông nối quốc lộ số 3 và số 4. Mục tiêu phấn đấu trong năm 2022 có sản phẩm quặng khai thác khu bắc cung cấp cho khu liên hợp gang thép.



## **5. Công tác tài chính, kinh doanh:**

Công tác tài chính: Hiện tài chính công rất khó khăn do vậy cần cân đối dòng tiền, cấp đủ vốn phục vụ sản xuất, đầu tư, đặc biệt dòng tiền chủ động mua các nguyên, nhiên liệu chính như: Quặng sắt, than cốc, ...có giá thấp nhất. Thường xuyên rà soát chi phí bán hàng, chi phí quản lý, làm việc với ngân hàng giảm từ 0,5-1% lãi vay,....

Bán hàng: Công ty sẽ chủ động sản xuất các Sản phẩm phôi có mác theo yêu cầu khách hàng ( Khách hàng có thể đặt hàng sản xuất theo lô lớn hơn 3000 tấn) như: Thép CT5, CT3, SD295, Q235,... Từ đó Công sẽ phối hợp với Tổng Công ty khoáng sản - TKV tăng cường tiêu thụ sản phẩm phôi thép CT5, CT3 trong nội bộ Tập đoàn với sản lượng  $\geq 100.000$ tấn.

Mở rộng thị trường tiêu thụ (thông qua các Công ty thương mại, tiến tới có cơ chế bán trực tiếp cho các nhà sản xuất cán thép xây dựng,..) trên cơ sở ưu tiên bán cho các khách hàng trả giá cao, sản xuất ổn định, tài chính vững, trả tiền trước khi xuất hàng.

## **6. Công tác tổ chức, tiền lương:**

Tiếp tục đổi mới cơ cấu, định biên lại các phòng quản lý nghiệp vụ Công ty phù hợp với mô hình sản xuất. Tăng cường công tác đào tạo CNKT vận hành tại các vị trí quan trọng như: Luyện kim, Tuyển khoáng, VH điện 110Kv. Kiên quyết xử lý đối với những lao động vi phạm nội quy, kỷ luật lao động.

Bạn hành sửa đổi bổ sung đơn giá tiền lương tại các Phân xưởng năm 2020 theo các công đoạn sản xuất phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Triển khai phương án và có định hướng để giải quyết chế độ của người lao động phù hợp với chế độ chính sách và thực tế sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo phương châm tăng hiệu quả sản xuất và tăng thu nhập cho người lao động

## **7. Công tác Quản trị chi phí:**

- **Công tác quản trị chi phí:** Đổi mới công tác quản trị, nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch sản xuất, điều hành chi phí theo kế hoạch, hạn chế tối đa các phát sinh. Quản lý chặt chẽ với các vật tư chiếm tỷ trọng lớn như vật tư công nghệ, điện năng, xăng dầu, các loại nguyên nhiên liệu đầu vào khâu luyện kim.

Rà soát và bổ sung đối với các quy chế, quy định nội bộ của Công ty liên quan đến công tác khoán - quản trị chi phí, công tác nghiệm thu khối lượng, chi phí sản xuất cho phù hợp với mô hình hoạt động và quy định của nhà nước, đẩy mạnh việc triển khai áp dụng giao khoán định mức KTKT sản xuất ngay từ đầu năm, hàng tháng giao kế hoạch khối lượng, duyệt kế hoạch cung ứng vật tư, tổ chức nghiệm thu tháng.

Nâng cao chất lượng công tác nghiệm thu nội bộ của Công ty đối với các Phân xưởng. Tuyên truyền để từng người lao động hiểu được ảnh hưởng của yếu tố sản lượng, thực hiện các chỉ tiêu KTKT đến giá thành sản xuất của các sản phẩm trong toàn Công ty để có giải pháp tiết kiệm, giảm chi phí.

- **Công tác vật tư:** Thực hiện công tác mua sắm vật tư thông qua hình thức chào giá cạnh tranh, lấy chất lượng sản phẩm là hàng đầu. Ưu tiên ký hợp đồng với khách hàng cung ứng lâu dài, giá ổn định để giảm giá thành. Phần đầu năm 2020 tiết giảm từ 3% trở lên đối với các vật tư công nghệ.

#### **8. Các mặt công tác khác:**

Tích cực tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao, an sinh xã hội. Phát triển hài hòa lợi ích của doanh nghiệp, tham gia đóng góp với địa phương nơi đơn vị đứng chân.

Phối hợp cùng tổ chức Công Đoàn và Đoàn thanh niên Công ty xây dựng các phong trào thi đua sâu rộng với các mục tiêu cụ thể để thúc đẩy tinh thần hăng say lao động sản xuất, nâng cao trách nhiệm của người lao động.

### **PHẦN THỨ BA KẾT LUẬN**

Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019, Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu về sản lượng sản xuất, công nhân trực tiếp vận hành dây chuyền sản xuất đã từng bước làm chủ được công nghệ, sản xuất dần ổn định, năng suất, chất lượng sản phẩm đã được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên cũng cần nghiêm túc nhìn nhận những yếu kém trong công tác quản lý, điều hành để rút ra bài học kinh nghiệm nhằm phát huy những thành tích đã đạt được, khắc phục ngay những tồn tại, thực hiện tốt các giải pháp đã nêu trong báo cáo.

Bước sang năm kế hoạch 2020, tuy còn nhiều khó khăn, thách thức phải đối mặt song chúng ta tin tưởng rằng với truyền thống **Kỷ luật - Đồng tâm**, sự đồng thuận, đoàn kết, nhất trí của CBCNV, sự quan tâm chỉ đạo, định hướng, giúp đỡ của HĐQT công ty, của Tổng công ty khoáng sản- TKV và chính quyền địa phương tỉnh Cao Bằng, Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng sẽ quyết tâm hoàn thành toàn diện các mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2020.

Xin trân trọng cảm ơn./.

#### **Nơi nhận:**

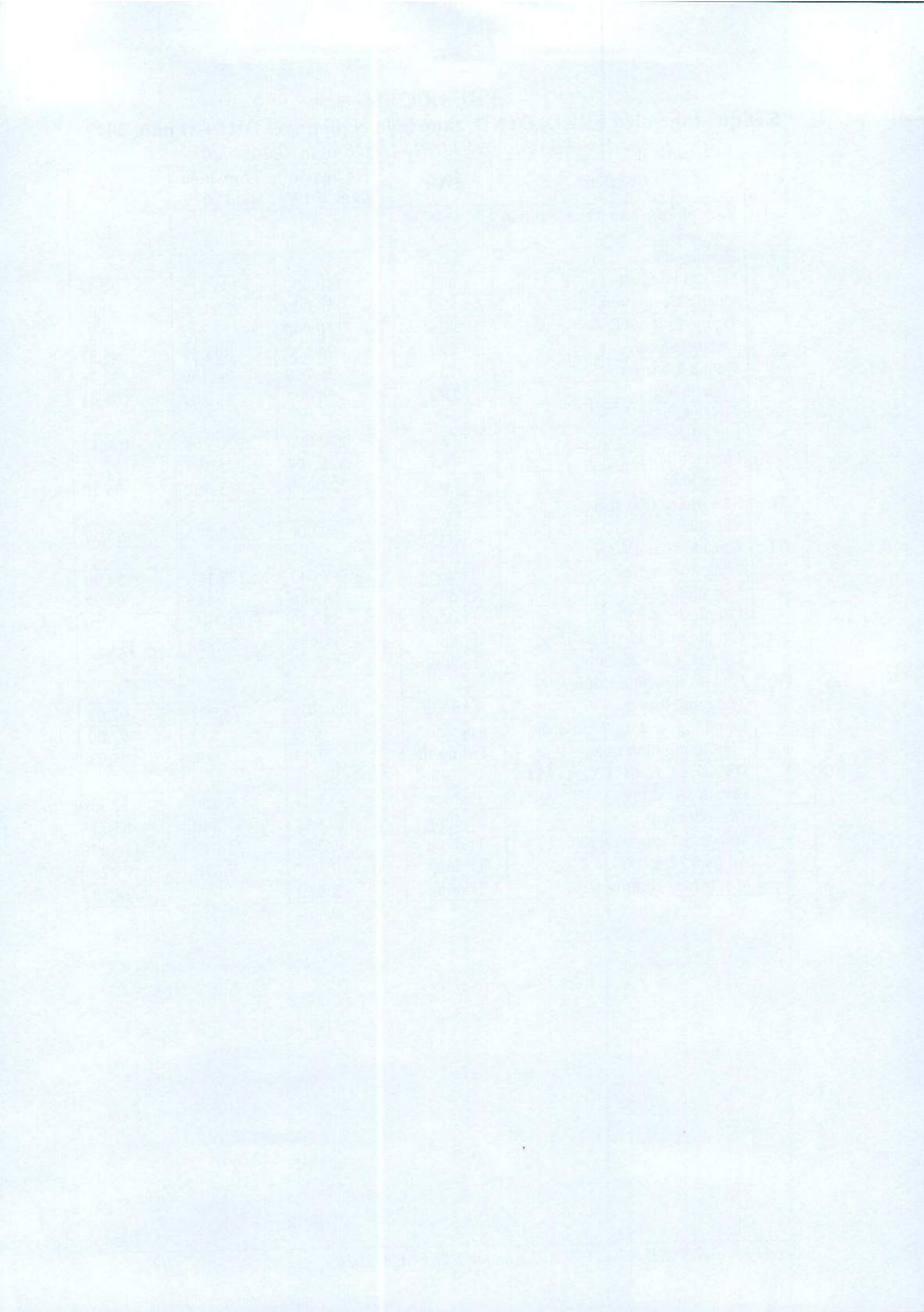
- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP, HĐQT.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Phương**

**PHỤ LỤC 01:**  
**Kết quả thực hiện SXKD, ĐTXD, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019**  
*(Kèm theo Báo cáo số 811/BC-GTCB ngày 05/6/2020)*

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ %
<b>I</b>	<b>Sản phẩm, bán thành phẩm sản xuất</b>				
1	<i>Khai tuyển</i>				
-	Đất, đá bóc thải	M3	750.000	206.375	27,52
-	Quặng sắt nguyên khai	Tấn	250.000	225.066	90,03
	<i>Trong đó: Quặng hợp cách</i>	<i>Tấn</i>	<i>150.000</i>	<i>154.335</i>	<i>102,89</i>
-	Quặng 0-8mm	Tấn	94.000	89.651	95,37
-	Quặng 8-38mm	Tấn	76.000	70.499	92,76
-	Tinh quặng	Tấn	50.000	54.205	108,41
2	<i>Luyện kim</i>				
-	Phôi thép	Tấn	220.000	220.368	100,17
-	Quặng thiêu kết	Tấn	328.297	325.307	99,09
-	Gang lỏng	Tấn	224.400	213.402	95,10
<b>II</b>	<b>Sản phẩm tiêu thụ</b>				
-	Phôi thép	Tấn	240.000	229.375	95,57
<b>III</b>	<b>Các chỉ tiêu giá trị</b>				
-	Tổng doanh thu	Tr.đồng	2.797.043	2.377.127	84,99
-	Nộp ngân sách	Tr.đồng	58.486	55.435	94,78
-	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	58.339	(133.365)	/
-	Chi phí quản lý + bán hàng	Tr.đồng	31.993	35.822	111,97
-	Lãi vay + CP tài chính	Tr.đồng			
<b>IV</b>	<b>Chế độ người lao động</b>				
-	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	80.305	73.941	92,08
-	Lao động sử dụng bình quân	người	900	873	97,00
-	Tiền lương bình quân	Trđ/ng/th	7,43	7,06	94,93
<b>V</b>	<b>ĐTXD, SCL, SCTX, ATMT</b>				
-	Đầu tư xây dựng	Tr.đồng	15.823	4.800	30,33
-	Sửa chữa lớn	Tr.đồng	20.943	17.540	83,75
-	Sửa chữa thường xuyên	Tr.đồng	30.186	35.016	116,00
-	An toàn - Bảo hộ lao động	Tr.đồng	7.697	7.370	95,75
-	Môi trường thường xuyên	Tr.đồng	2.380	923	38,78



**PHỤ LỤC 02**  
**CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ SXKD NĂM 2019**

1. Doanh thu tăng/giảm do giá bán thực tế so với kế hoạch -331,926 tỷ đồng

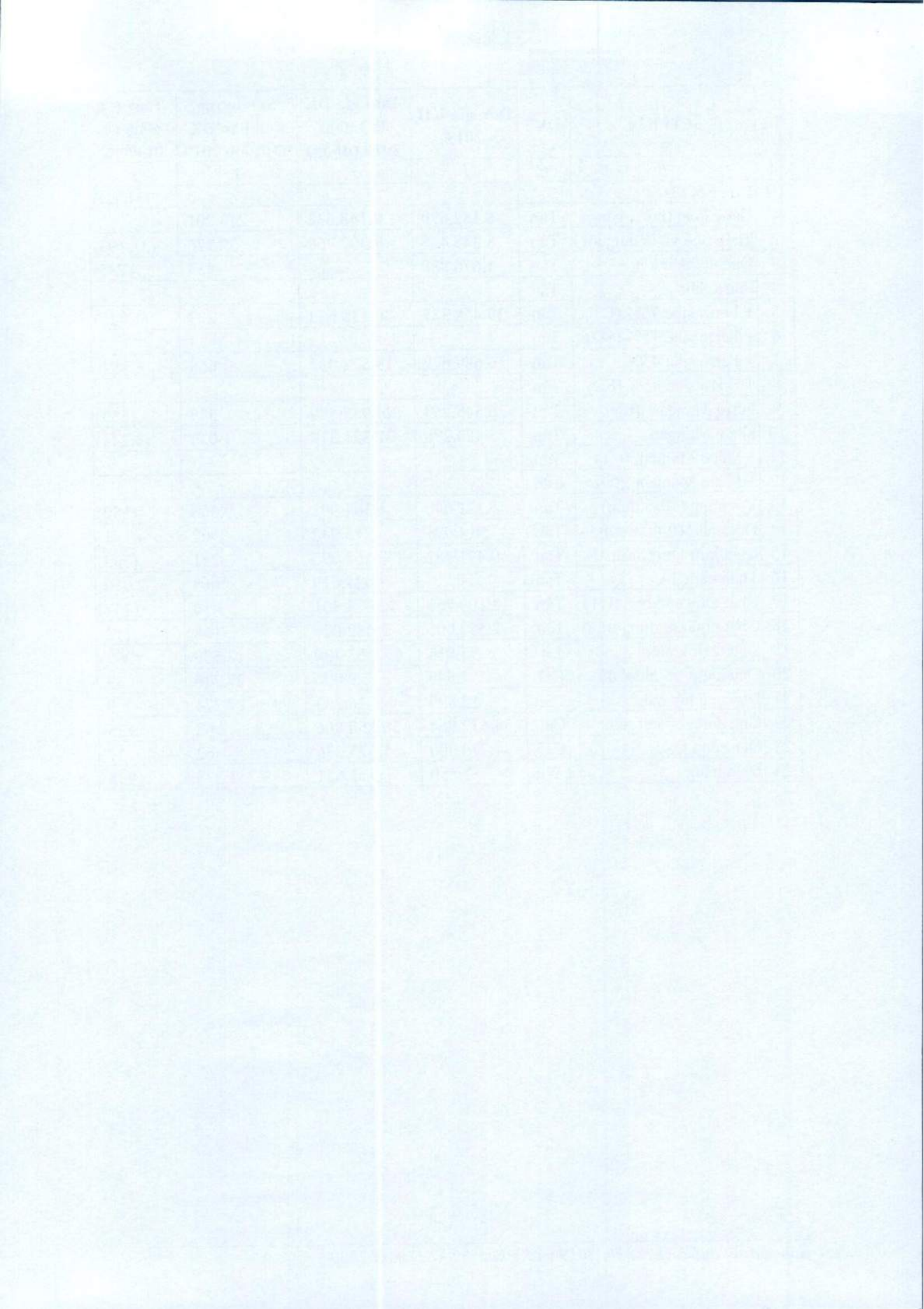
TT	Chỉ tiêu	Giá bán BQ KH 2019 (đồng/tấn)	Giá bán BQ DK TH năm 2019 (đồng/tấn)	Kế hoạch SL tiêu thụ (tấn)	Sản lượng TH năm 2019 (tấn)	Doanh thu (tr.đồng)
A	B	1	2	3	4	5=(2-1)*4
1	Phôi thép	11.654.344	10.207.253	240.000	229.375	(331.926)
	+ CT5	12.175.494	10.784.335	80.000	80.068	(111.387)
	+ SD+ loại 2	11.393.769	9.474.441	160.000	149.307	(286.570)

2. Chi phí tăng/giảm do đơn giá thực hiện so với kế hoạch -119,765 tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đơn giá KH 2019	Đơn giá DK BQ năm 2019 (đồng)	Sản lượng tiêu hao DK TH năm 2019	Tăng (+); giảm (-) (tr.đồng)
A	B	C	1	2	3	4
	<b>Tổng cộng</b>					<b>(119.765)</b>
<b>I</b>	<b>THIÊU KẾT</b>					<b>(12.643)</b>
1	Quặng cám (0-8mm)	Tấn	960.876	848.297	185.295	(20.860)
2	Mạt sắt (vẩy cán)	Tấn		1.800.000	434	781
3	Tinh quặng (<1mm)	Tấn	1.401.116	1.271.551	98.083	(12.708)
4	Đá vôi (0-3mm)	Tấn	160.766	169.505	17.827	156
5	Vôi sống (0-5mm)	Tấn	1.321.040	1.304.598	21.407	(352)
6	Đôlomit (0-3mm)	Tấn	214.995	229.885	14.248	212
7	Thanh ghi thiêu kết	Cái	255.581	256.312	9.154	7
8	Than cám/than cốc vụn	Tấn	3.168.000	4.019.691	21.893	18.646
9	Điện năng	kWh	1.550	1.642	16.123.692	1.475
<b>II</b>	<b>LUYỆN GANG</b>					<b>(72.500)</b>
1	Quặng thiêu kết	Tấn	1.676.888	1.569.485	325.307	
2	Quặng sắt cục (8-38mm)	Tấn	387.581	260.191	63.389	(8.075)
3	Đá vôi (10-40 mm)	Tấn	160.766	178.049	2	0
4	Huỳnh thạch	Tấn	6.150.000	7.276.826	31	35
5	Mắt gió nhỏ	Cái	8.647.720	20.809.944	41	499
6	Mắt gió vừa	Cái	28.746.667	113.068.800	1	84
9	Mũi khoan lỗ gang Φ60	Cái	27.800	74.102	1.369	63
10	Túi vải	Cái	555.602	473.552	1.008	(83)
11	Thép ống Φ16	Tấn	16.732.847	29.052.654	7	81
12	Thép tròn Φ25-32	Tấn	26.700.000	13.129.701	11	(145)
13	Cát sông	m3	312.716	266.406	808	(37)
14	Cùi	ste	478.397	399.900	115	(9)
15	Vỏ trấu (15kg/bao)	kg	2.387	2.009	25.145	(9)
16	Than cám 3A	Tấn	3.168.000	3.025.610	27.159	(3.867)
17	Than cốc	Tấn	10.200.000	9.539.382	96.828	(63.967)
18	Điện năng	kWh	1.550	1.628	37.516.651	2.930



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đơn giá KH 2019	Đơn giá DK BQ năm 2019 (đồng)	Sản lượng tiêu hao DK TH năm 2019	Tăng (+); giảm (-) (tr.đồng)
A	B	C	1	2	3	4
<b>III</b>	<b>LUYỆN THÉP</b>					<b>(34.621)</b>
1	Gang lỏng (nước gang)	Tấn	8.182.679	8.148.632	213.201	
2	Thép phế và liệu nguội k	Tấn	8.345.455	7.393.768	32.776	(31.193)
3	Quặng thiêu kết	Tấn	1.676.888	-	439	(735)
4	Ferro Silic	Tấn				-
5	+ Ferro silic 75% (CT)	Tấn	39.458.387	30.439.513	203	(1.827)
6	+ Ferro silic 75% (SD)	Tấn				
7	+ Ferro silic 45%	Tấn	16.689.072	19.522.437	668	1.891
8	+ Ferro silic 45% (SD)	Tấn				
9	Ferro Mangan (CT)	Tấn	26.548.253	24.955.589	349	(555)
10	Silico Mangan	Tấn	25.484.276	21.321.312	1.020	(4.244)
11	+ Silico Mangan (CT)	Tấn				
12	+ Silico Mangan (SD)	Tấn				
13	Vôi nung (10-50mm)	Tấn	1.321.040	1.304.901	9.306	(150)
14	Đôlômit (10-40 mm)	Tấn	214.995	215.942	902	1
15	Chất khử Oxi (SiCaAl)	Tấn	9.431.382	8.367.095	221	(235)
16	Than cám 3A	Tấn		3.025.610	664	2.010
17	Chất tăng các bon (CT)	Tấn	13.100.762	12.024.861	416	(447)
18	Chất phủ (sử dụng trâu)	Tấn	2.552.065	2.482.026	168	(12)
19	Dầu tách khuôn	Lít	75.014	53.130	13.550	(297)
20	Dầu kiểm tra nhiệt độ	Cái	7.540	9.496	27.246	53
21	Dụng cụ lấy mẫu	Cái	15.829	16.233	22.274	9
22	Ổng đồng bộ kết tinh	Cái	34.672.964	36.850.806	62	135
23	Đầu súng Oxy	Cái	4.770.000	5.373.236	62	37
24	Điện năng	kWh	1.550	1.651	9.253.375	938





3. Chi phí tăng/giảm do thực hiện tiêu hao so với kế hoạch 4,253 tỷ đồng

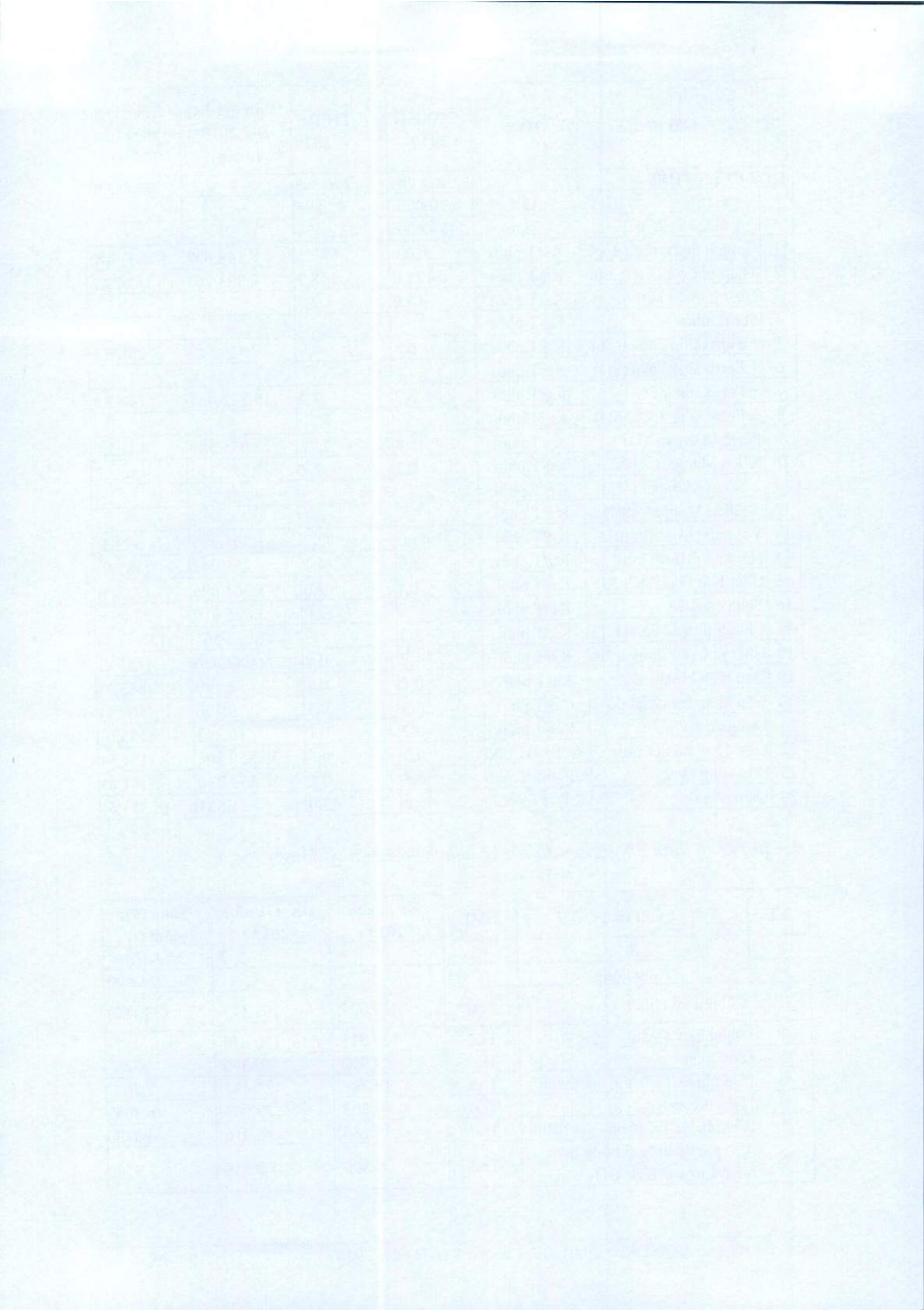
TT	Chi tiêu	DVT	ĐM KH 2019	TH DK 2019	Đơn giá BQ DK 2019 (đồng)	Tăng (+); giảm (-) (tr.đồng)
	<b>Tổng cộng</b>					<b>4.253,4</b>
<b>I</b>	<b>THIÊU KẾT</b>			<b>325.306,9</b>		<b>(2.138,8)</b>
1	Quặng cám (0-8mm)	Kg/TQtk	591,0	610,0	848.297	5.254,4
2	Mạt sắt (vẩy cám)	Kg/TQtk				
3	Tinh quặng (<1mm)	Kg/TQtk	322,0	301,5	1.271.551	(8.476,0)
4	Quặng phân từ lò cao	Kg/TQtk				
5	Quặng 8-38 lót liệu	Kg/TQtk				
4	Đá vôi (0-3mm)	Kg/TQtk	70,0	54,8	169.505	(838,2)
5	Vôi sống (0-5mm)	Kg/TQtk	80,0	65,8	1.304.598	(6.023,6)
6	Đôlomit (0-3mm)	Kg/TQtk	60,0	43,8	229.885	(1.211,5)
7	Thanh ghi thiêu kết	Cái/TQtk	0,03	0,028	256.312	(155,1)
8	Than cám/than cốc vụn	Kg/TQtk	60,0	67,3	4.019.691	9.543,6
9	Điện năng	kWh/TQtk	50,0	49,6	1.642	(232,5)
<b>II</b>	<b>LUYỆN GANG</b>			<b>213.402,1</b>		<b>66.257,3</b>
1	Quặng thiêu kết	Kg/T.GL	1.463,0	1.524,4	1.569.485	20.560
2	Quặng sắt cục (8-38mm)	Kg/T.GL	257,1	297,0	260.191	2.216
1	Đá vôi (10-40 mm)	Kg/T.GL	3,1	0,0	178.049	(118,1)
2	Huỳnh thạch	Kg/T.GL	0,1	0,1	7.276.826	69,4
3	Mắt gió nhỏ	cái/1000 Tgl	0,2	0,2	20.809.944	(37,2)
4	Mắt gió vừa	cái/1000 Tgl	0,0	0,0	113.068.800	(854,5)
5	Ống cong	cái/1000 Tgl	0,1	-	-	-
6	Ống thổi thẳng	cái/1000 Tgl	0,1	-	-	-
7	Mũi khoan lỗ gang Φ60	cái/1000 Tgl	2,0	6,4	74.102	69,7
8	Túi vải	cái/1000 Tgl	5,0	4,7	473.552	(29,0)
9	Thép ống Φ16	Kg/T.GL	0,1	0,0	29.052.654	(428,5)
10	Thép tròn Φ25-32	Kg/T.GL	0,0	0,1	13.129.701	56,5
11	Cát sông	m3/1000 Tgl	5,0	3,8	266.406	(69,0)
12	Cùi	ste/1000Tgl	1,0	0,5	399.900	(39,4)
13	Vỏ trấu (15kg/bao)	kg/1000 Tgl	100,0	117,8	2.009	7,6
14	Than cám 3A	Kg/T.GL	125,0	127,3	3.025.610	1.464,3
15	Than cốc	Kg/T.GL	430,0	453,7	9.539.382	48.322,4
16	Điện năng	KWh/T.GL	190,0	175,8	1.628	(4.932,7)



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	ĐM KH 2019	TH DK 2019	Đơn giá BQ DK 2019 (đồng)	Tăng (+); giảm (-) (tr.đồng)
<b>III</b>	<b>LUYỆN THÉP</b>		<b>220.000</b>	<b>220.368</b>		<b>(59.865,0)</b>
*	+ CT5	Tấn	70.000	87.894		
*	+ SD295+ loại 2	Tấn	150.000	132.474		
1	Gang lỏng (nước gang)	Kg/T.phôi	1.020,0	967,5	8.148.632	(94.314,8)
2	Thép phế và liệu nguội	Kg/T.phôi	125,0	148,7	7.393.768	38.672,6
3	Quặng thiêu kết	Kg/T.phôi	10,0	2,0		-
4	Ferro Silic	Kg/T.phôi				-
5	+ Ferro silic 75% (CT)	Kg/T.phôi	0,6	0,9	30.439.513	2.076,1
6	+ Ferro silic 75% (SD)	Kg/T.phôi			-	-
7	+ Ferro silic 45%	Kg/T.phôi	2,7	3,0	19.522.437	1.287,8
8	+ Ferro silic 45% (SD)	Kg/T.phôi				-
9	Ferro Mangan (CT)	Kg/T.phôi	1,8	3,97	24.955.589	4.865,5
10	Silico Mangan	Kg/T.phôi	7,3	7,7	21.321.312	1.673,7
11	+ Silico Mangan (CT)	Kg/T.phôi				-
12	+ Silico Mangan (SD)	Kg/T.phôi				-
13	Vôi nung (10-50mm)	Kg/T.phôi	47,0	42,2	1.304.901	(1.372,3)
14	Đôlômit (10-40 mm)	Kg/T.phôi	8,0	4,1	215.942	(185,9)
15	Chất khử Oxi (SiCaAl)	Kg/T.phôi	1,4	1,0	8.367.095	(732,5)
16	Than cám 3A	Kg/T.phôi		3,0	3.025.610	2.009,9
17	Chất tăng các bon (CT)	Kg/T.phôi	3,3	1,9	12.024.861	(3.798,3)
18	Chất phủ (sử dụng trấu)	Kg/T.phôi	1,0	0,8	2.482.026	(131,0)
19	Dầu tách khuôn	Lít/T.phôi	0,1	0,1	53.130	(685,1)
20	Đầu kiểm tra nhiệt độ	Cái/T.phôi	0,3	0,1	9.496	(369,1)
21	Dụng cụ lấy mẫu	Cái/T.phôi	0,2	0,1	16.233	(175,0)
22	Ống đồng bộ kết tinh	Cái/1000T.phô	0,3	0,3	36.850.806	(151,5)
23	Đầu súng Oxy	Cái/1000T.phô	0,3	0,2	5.373.236	(161,8)
24	Điện năng	KWh/T.phôi	65,0	42,0	1.651	(8.373,5)

4. Chi phí cố định tăng/giảm so với kế hoạch -24,565 tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019	DK TH năm 2019	Tăng (+); giảm (-)
A	B	C	1	2	3=2-1/2
	<b>Tổng cộng</b>				<b>(24.565)</b>
1	Chi phí tài chính	Tr.đ	135.327	102.177	(33.150)
2	Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	120.511	120.628	117
3	Bảo hiểm	Tr.đ	9.992	10.335	343
3	Chi phí SCL (trong giá thành)	Tr.đ	19.787	27.491	7.704
4	Tiền lương	Tr.đ	80.305	73.941	(6.364)
5	Chi phí SCTX (trong giá thành)	Tr.đ	30.186	35.016	4.830
6	Chi phí quản lý (không bao gồm Lương+KH+BH)	Tr.đ	6.599	8.553	1.954



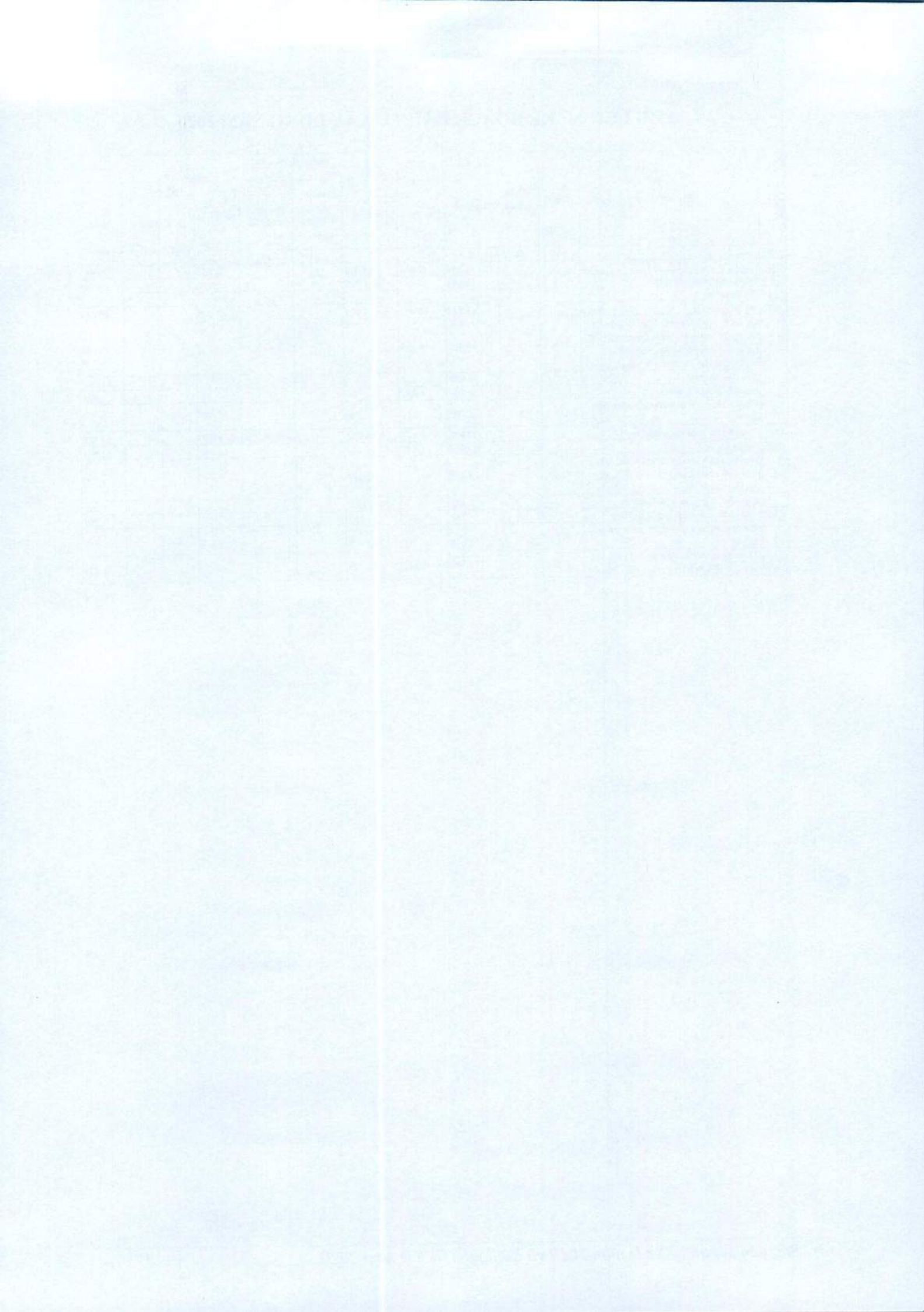
**PHỤ LỤC 03**  
**CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ %
<b>I</b>	<b>Sản phẩm, bán thành phẩm sản xuất</b>				
<b>1</b>	<b>Khai tuyển</b>				
-	Đất, đá bóc thải	M3	206.375	600.000	290,73
-	Quặng sắt nguyên khai	Tấn	225.066	200.000	88,86
	<i>Trong đó: Quặng hợp cách</i>	<i>Tấn</i>	<i>154.335</i>	<i>100.000</i>	<i>64,79</i>
-	Quặng 0-8mm	Tấn	89.651	50.000	55,77
-	Quặng 8-38mm	Tấn	70.499	50.000	70,92
-	Tinh quặng	Tấn	54.205	93.000	138,36
<b>2</b>	<b>Luyện kim</b>				
-	Phôi thép	Tấn	220.368	220.000	99,83
-	Quặng thiêu kết	Tấn	325.307	328.800	105,38
-	Gang lỏng	Tấn	213.402	215.600	100,41
<b>II</b>	<b>Sản phẩm tiêu thụ</b>				
-	Phôi thép	Tấn	229.375	220.000	95,91
<b>III</b>	<b>Các chỉ tiêu giá trị</b>				
-	Tổng doanh thu	Tr.đồng	2.377.127	2.356.800	99,14
-	Nộp ngân sách	Tr.đồng	55.435	45.020	75,07
-	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	(133.365)	32.968	/
-	Chi phí quản lý + bán hàng	Tr.đồng	35.822	37.563	106,59
-	Lãi vay + CP tài chính	Tr.đồng	98.771	101.458	102,72
<b>IV</b>	<b>Chế độ người lao động</b>				
-	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	73.941	76.943	104,06
-	Lao động sử dụng bình quân	người	873	870	99,66
-	Tiền lương bình quân	Trđ/ng/th	7,06	7,370	104,39
<b>V</b>	<b>ĐTXD, SCL, SCTX, ATMT</b>				
-	Đầu tư xây dựng	Tr.đồng	4.800	36.034	750,74
-	Sửa chữa lớn	Tr.đồng	17.540	30.290	172,69
-	Sửa chữa thường xuyên	Tr.đồng	35.016	32.964	94,14
-	An toàn - Bảo hộ lao động	Tr.đồng	7.370	6.316	85,70
-	Môi trường thường xuyên	Tr.đồng	923	2.395	259,48



**PHỤ LỤC 04: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2020**

TT	Tên công trình	Đơn vị	Khối lượng	Kế hoạch năm 2020							
				Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư			Nguồn vốn			
					Xây dựng	Thiết bị	Quản lý, tư vấn, GPMB, khác...	Tổng số	Vốn chủ sở hữu Trong đó: Khấu hao TSCĐ	Phúc lợi	Huy động khác
5	6	7	8	12	13	14	15	16			
	<b>Tổng số</b>			<b>36 034</b>	<b>17 611</b>	<b>18 423</b>			<b>6 650</b>		<b>29 384</b>
<b>I</b>	<b>Công trình chuyển tiếp</b>			<b>18 164</b>	<b>16 464</b>	<b>1 700</b>			<b>1 700</b>		<b>16 464</b>
<b>I.1</b>	<b>Dự án nhóm A</b>										
<b>I.2</b>	<b>Dự án nhóm B</b>			<b>18 164</b>	<b>16 464</b>	<b>1 700</b>			<b>1 700</b>		<b>16 464</b>
1	Dự án đầu tư khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng - Tổng công ty Khoáng sản-Vinacomin đạt 350.000 tấn/năm	DA	1	16 464	16 464						16 464
	<i>Nân suối Goong</i>			<i>11 664</i>	<i>11 664</i>						<i>11 664</i>
	<i>Đề chuẩn Bãi thải số 03</i>			<i>4 800</i>	<i>4 800</i>						<i>4 800</i>
2	Nâng cao thực thu quặng sắt bằng Bàn đai	DA	1	1 700		1 700			1 700		
<b>II</b>	<b>Công trình khởi công mới</b>			<b>17 870</b>	<b>1 147</b>	<b>16 723</b>			<b>4 950</b>		<b>12 920</b>
<b>II.3</b>	<b>Dự án nhóm C</b>			<b>17 870</b>	<b>1 147</b>	<b>16 723</b>			<b>4 950</b>		<b>12 920</b>
1	Mua sắm máy quang phổ phát xạ, Máy phân tích nhiệt lượng tự động phục vụ sản xuất Gang thép	DA		1 450		1 450					1 450
	<i>Mua sắm máy quang phổ phát xạ</i>			<i>1 200</i>		<i>1 200</i>					<i>1 200</i>
	<i>Máy phân tích nhiệt lượng tự động</i>			<i>250</i>		<i>250</i>					<i>250</i>
2	Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất: 01 máy xúc, 02 ô tô	CT		4 950		4 950			4 950		
3	Hệ thống quan trắc tự động, liên tục khi thải Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng	CT		11 470	1 147	10 323					11 470





Số: 812 /BC-HĐQT

Cao Bằng, ngày 05 tháng 6 năm 2020

**BÁO CÁO**  
**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019**  
**VÀ KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM 2020**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 11/10/2006; Sửa đổi, bổ sung lần 3 ngày 27/4/2018;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng xin báo cáo Đại hội ĐCĐ thường niên năm 2020 về tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, hoạt động của HĐQT năm 2019; Phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động năm 2020.

**I. Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và hoạt động của HĐQT năm 2019**

**1. Đặc điểm tình hình**

Năm 2019 kinh tế xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh và đầu tư thương mại. Sự biến động khó lường trên thị trường tài chính, giá dầu diễn biến phức tạp tác động rất lớn đến các ngành sản xuất khác và kỳ vọng thị trường. Ở trong nước, kinh tế vĩ mô ổn định, nhưng cũng đối diện với nhiều khó khăn, như: Thời tiết, dịch bệnh, một số mặt hàng chủ lực tăng trưởng chậm lại,... Tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng năm 2019 việc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD có thuận lợi thì ít, khó khăn thì nhiều.

- Thị trường giá bán phôi thép trong nước và Quốc tế biến động giảm, giá bán bình quân năm 2019 của công ty đạt 10,2 tr.đồng/tấn/11,65 tr.đồng/tấn kế hoạch, bằng 87% kế hoạch năm và bằng 83% so với thực hiện năm 2018 (12,23 tr.đồng/tấn).

- Tình hình tài chính của Công ty rất khó khăn, thiếu vốn cho sản xuất, hàng tồn kho lớn.

- Nguồn nguyên liệu quặng sắt tự khai thác giảm về cả số lượng và chất lượng, do tài nguyên quặng sắt khu Nam mỏ Nà Rạ khai thác ở thời kỳ cuối, trong khi khu Bắc mới trong giai đoạn làm chuẩn bị đầu tư.

- Công tác tổ chức sản xuất, quản lý kỹ thuật công nghệ, trình độ tay nghề của cán bộ kỹ thuật và công nhân vận hành khu liên hợp còn nhiều hạn chế, thiếu và yếu.

**2. Báo cáo tình hình hoạt động của Công ty năm 2019**

**2.1. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019**

a) Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Tổng doanh thu đạt 2.377.127 tr.đồng, bằng 85,00% kế hoạch năm và bằng 131,81% so với thực hiện năm 2018;
- Nộp ngân sách đạt 55,435 tỷ đồng, bằng 94,78% kế hoạch năm, bằng 143,68% so với thực hiện năm 2018;
- Lợi nhuận trước thuế lỗ 133,365 tỷ đồng;
- Tổng quỹ tiền lương: 73.941 triệu đồng, bằng 92,08% kế hoạch năm;
- Tiền lương BQ thực lĩnh 7,06 tr.đ/ng/th bằng 94,93% kế hoạch năm;
- Lao động BQ trong kỳ 873 người, bằng 97% kế hoạch năm;
- Giá trị Đầu tư xây dựng đạt 4.800 triệu đồng, bằng 30,33% kế hoạch năm;
- Sửa chữa lớn: 17.540 triệu đồng, bằng 83,75% kế hoạch năm.

*b) Các chỉ tiêu sản lượng sản xuất chính:*

- Quặng sắt nguyên khai đạt 225.066 tấn, bằng 90,03% kế hoạch năm, bằng 81,01% so với thực hiện năm 2018;
- Phôi thép đạt 220.368 tấn, bằng 100,17% kế hoạch năm, bằng 118,77% so với thực hiện năm 2018;

*c) Tiêu thụ phôi thép:*

- Sản lượng tiêu thụ: Phôi CT5 đạt 80.068 tấn, bằng 100,08% kế hoạch năm; Phôi SD295 đạt 140.632, bằng 87,17% kế hoạch năm.

**2.2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019**

Hội đồng quản trị đánh giá năm 2019 hoạt động của công ty có cố gắng, đã đạt được một số kết quả nhất định trong công tác tổ chức quản lý và điều hành sản xuất, như: Sản lượng phôi thép đạt 220.000 tấn phôi thép/năm (đạt công suất thiết kế); Tỷ lệ tồn kho vật tư đạt 6,3 % (quy định 6,0%); Giá thành sản xuất phôi thép thực hiện cả năm đạt 10,2/10,6 tr.đồng/tấn bằng 96% kế hoạch năm và bằng 92% so với thực hiện năm 2018; Giá thành tiêu thụ phôi thép thực hiện cả năm đạt 10,9/11,4 tr.đồng/tấn bằng 95,8% kế hoạch năm và bằng 90,5% so với thực hiện năm 2018; Công tác quản lý lao động, tổ chức sản xuất có nề nếp hơn ... Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được thì Công ty còn những tồn tại và hoạt động chưa có hiệu quả:

- Năm 2019 hoạt động của công ty lỗ 133,4 tỷ đồng, lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2019 là 406,4 tỷ đồng (Nguyên nhân lỗ nêu trong Báo cáo của Ban điều hành; HĐQT và BKS đã phân tích nguyên nhân, có xem xét, đánh giá)
- Một số công đoạn sản xuất và thiết bị sản xuất của khu liên hợp vẫn phải phụ thuộc vào gia nước ngoài, như: Trạm ô xy, lò cao, luyện thép.
- Một số chỉ tiêu công nghệ và chỉ tiêu tiêu hao quan trọng chưa đạt so kế hoạch đề ra, như: Hàm lượng Fe thiêu kết; Tiêu hao than cốc vượt 5,5% kế hoạch; Tiêu hao than cám vượt 12% kế hoạch.

**2.3. Nguyên nhân gây lỗ của Công ty**

*a) Các yếu tố làm giảm lợi nhuận*

- Doanh thu giảm do giá bán sản phẩm: 331.926 tr.đồng;
- Chi phí phân bổ (242) tăng: 7.704 tr.đồng;
- Chi phí tăng do sửa chữa thường xuyên máy móc thiết bị: 4.830 tr.đồng;
- Chi phí tăng do việc thực hiện định mức: 4.253 tr.đồng;
- Chi phí cố định (Khấu hao, Bảo hiểm) tăng: 460 tr.đồng;
- Chi phí quản lý tăng: 1.954 tr.đồng.

Tổng giá trị các nguyên nhân làm giảm lợi nhuận: 351.128 tr.đồng.

*b) Các yếu tố làm tăng lợi nhuận*

- Do đơn giá vật tư tiêu hao giảm so với kế hoạch: 119.765 tr.đồng;
- Chi phí tài chính giảm 33.150 tr.đồng (do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ);
- Chi phí tiền lương giảm 6.364 tr.đồng do hiệu quả SXKD.

Tổng giá trị các nguyên nhân làm tăng lợi nhuận: 159.279 tr.đồng.

Từ các nguyên nhân cụ thể nêu trên, kế hoạch năm 2019 chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế 58.339 tr.đồng, tổng giá trị các nguyên nhân làm giảm lợi nhuận, làm tăng lợi nhuận. Vì vậy, kết thúc năm 2019 lợi nhuận của Công ty - 133.365 tr.đồng.

### **3. Hoạt động, thù lao và chi phí của HĐQT năm 2019**

#### **3.1. Hoạt động của HĐQT**

- Hội đồng quản trị công ty có 5 thành viên

  1. Ông Bùi Tiến Hải – Chủ tịch HĐQT;
  2. Ông Nguyễn Văn Phương – Thành viên HĐQT, Giám đốc công ty;
  3. Ông Nông Minh Huyền – Thành viên HĐQT;
  4. Ông Trịnh Văn Tuấn – Thành viên HĐQT;
  5. Ông Nguyễn Thành Đô – Thành viên HĐQT.

Trong năm 2019 công ty có sự thay đổi nhân sự HĐQT và Giám đốc công ty, theo đó ông Vương Thanh Giang – Thành viên HĐQT, giám đốc Công ty có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động, lý do: Giải quyết công việc gia đình. Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Phương người đại diện phần vốn của cổ đông Tổng công ty Khoáng sản – TKV làm thành viên HĐQT, Giám đốc công ty thay ông Vương Thanh Giang, từ ngày 18/6/2019.

- Hoạt động của HĐQT:

+ Với vai trò là người đại diện quyền lợi cho cổ đông của Công ty, trong năm 2019 HĐQT đã nêu cao vai trò, trách nhiệm, cùng với Ban điều hành công ty thực hiện nhiệm vụ cần trọng theo đúng chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần. HĐQT đã tổ chức, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra; Thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư (dự án đầu tư thiết bị bóc xếp phôi thép); Bổ nhiệm nhân sự quản lý cấp cao (Bổ nhiệm 01

đồng chí giữ chức vụ Giám đốc Công ty; 02 đồng chí giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty) và các nội dung khác theo thẩm quyền.

+ Hội đồng quản trị thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc Công ty thực hiện các nghị quyết, phối hợp với ban điều hành kịp thời có các biện pháp phù hợp, điều chỉnh hoạt động SXKD của công ty, chấn chỉnh bổ sung, hoàn thiện các mặt quản lý trong quản trị doanh nghiệp.

+ Phối hợp với BKS công ty để tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý chỉ đạo công ty thực hiện các mục tiêu Đại hội ĐCD đề ra và tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

+ Hội đồng quản trị đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định, tổ chức các phiên họp định kỳ và bất thường phù hợp với tình hình kinh tế xã hội, thị trường giá cả và tình hình biến động sản xuất của Công ty. Mỗi phiên họp của HĐQT đều được ghi chép thành biên bản, ban hành các nghị quyết, quyết định để điều hành công ty và tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết các cuộc họp trước đó.

+ Trong năm HĐQT đã tổ chức họp 12 phiên (trong đó 05 phiên họp thảo luận trực tiếp và 07 phiên họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản), ban hành 22 Nghị quyết liên quan đến hoạt động SXKD.

+ Các cuộc họp đều có đủ số thành viên HĐQT tham dự theo quy định, các thành viên HĐQT đều thể hiện trách nhiệm và thống nhất ý kiến.

### **3.2. Kết quả giám sát với Ban điều hành công ty**

- Các thành viên trong Ban điều hành công ty đều có trình độ, chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực hoạt động sản xuất của Công ty.

- Giám đốc Công ty đã có phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho các Phó Giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần, tháng và triển khai kế hoạch công việc kế tiếp.

- Giám đốc và Ban điều hành đã chủ động, nỗ lực thực hiện nhiệm vụ Đại hội ĐCD thông qua, quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần, trách nhiệm cao đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Hội đồng quản trị công ty giám sát việc sử dụng, quản lý và đầu tư tài sản, mua bán vật tư phục vụ SXKD; Giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Hình thức giám sát: HĐQT dự họp với ban điều hành kiểm điểm kết quả SXKD hàng tháng, quý; Giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của BKS công ty.

- Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT đều đúng thẩm quyền không gây cản trở hoạt động của Công ty và bộ máy điều hành. Việc kiểm tra, giám sát này giúp cho HĐQT làm việc tốt hơn.

### **3.3. Lương, thù lao và các chế độ khác của thành viên HĐQT**

Do năm 2019 hoạt động của Công ty không có hiệu quả, Vì vậy đề nghị Đại hội đồng cổ đông không thực hiện chi trả mức thù lao cho HĐQT, BKS năm 2019.

## **II. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2020**

### **1. Kế hoạch chỉ tiêu SXKD năm 2020**

Năm 2020 HĐQT công ty dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch các chỉ tiêu chính sản xuất kinh doanh

#### *a) Các chỉ tiêu chủ yếu*

- Tổng doanh thu 2.356.800 tr.đồng, bằng 100% so với thực hiện năm 2019;

- Lợi nhuận trước thuế 32,968 tỷ đồng;

- Tiền lương bình quân 7,37 tr.đ/ng/tháng, bằng 104,39% so với thực hiện năm 2019;

- Lao động bình quân trong kỳ 870 người, bằng 100% so với thực hiện năm 2019;

- Giá trị Đầu tư xây dựng 36.034 triệu đồng;

- Sửa chữa lớn 30.290 triệu đồng, bằng 172,69% so với thực hiện năm 2019.

#### *b) Các chỉ tiêu sản lượng chính*

- Quặng sắt nguyên khai: 200.000 tấn, bằng 97,75% so với thực hiện năm 2019;

- Phôi thép: 220.000 tấn, bằng 100% so với thực hiện năm 2019;

#### *c) Tiêu thụ phôi thép*

- Sản lượng phôi thép các loại tiêu thụ: 220.000 tấn.

### **2. Mục tiêu, chương trình hoạt động của HĐQT năm 2020**

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid – 19 và căng thẳng thương mại Mỹ - Trung làm kinh tế thế giới tiếp tục tăng chững chậm. Trong nước, nền kinh tế vĩ mô vẫn đảm bảo tăng trưởng, nhưng cũng chậm lại và đối diện nhiều khó khăn từ kinh tế thế giới. Hoạt động SXKD tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng năm 2020 dự kiến sẽ tiếp tục có nhiều khó khăn, do giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào biến động, trong khi thị trường kim loại (phôi thép) khó có khả năng phục hồi, nguồn cung dư thừa. Bên cạnh đó tài nguyên, điều kiện khai thác khu Nam mỏ Nà Rạ ngày càng khó khăn, giảm cả số lượng và hàm lượng quặng nguyên khai, khu Bắc đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Với những khó khăn, thách thức nhận định ở trên, năm 2020 HĐQT công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông các mục tiêu, chương trình hành động như sau:

1. Tập trung giám sát, phối hợp, chỉ đạo ban điều hành Công ty bán sát kế hoạch SXKD được Đại hội ĐCD thông qua để thực hiện hoàn thành kế hoạch đề ra, sản xuất không có tại nạn lao động, môi trường nhà máy “Xanh – Sạch – Đẹp”

2. Chỉ đạo Ban điều hành công ty thực hiện các giải pháp nâng cao các mặt quản lý, đẩy mạnh công tác quản lý kỹ thuật cơ bản, tăng cường quản lý chất lượng nguyên nhiên vật liệu đầu vào, nâng cao các chỉ tiêu công nghệ, mở rộng thị trường tiêu thụ và đa dạng hóa sản phẩm.

3. Phối hợp cùng Ban kiểm soát công ty chỉ đạo Ban điều hành tăng cường nhận diện các rủi ro trong sản xuất, đặc biệt là rủi ro thị trường tiêu thụ để có phương án tiêu thụ tốt hơn.

4. Chỉ đạo Ban điều hành lập kế hoạch cải thiện các chỉ tiêu tài chính, xử lý hàng tồn kho, tái cơ cấu tài sản của công ty để thu xếp vốn cho sản xuất.

5. Chỉ đạo Công ty làm việc với các đối tác, xã hội hóa, đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rạ đảm bảo kịp thời cung cấp quặng sắt cho Nhà máy sau năm 2021.

6. Chỉ đạo công ty đẩy nhanh quá trình làm chủ công nghệ nhà máy, giảm tối đa, tiên tiến không phải lệ thuộc vào thuê chuyên nước ngoài. Triển khai lập kế hoạch đào tạo cán bộ nguồn kế cận cho các ngành nghề sản xuất chính của công ty (khai thác, tuyển khoáng, luyện kim) và bổ sung lực lượng lao động kỹ thuật.

7. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của HĐQT, thành viên HĐQT thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Phát huy các mặt đã làm được và kịp thời khắc phục các mặt yếu.

8. Chỉ đạo công ty rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý, các quy chế, quy định phù hợp với thực tế, phù hợp với Điều lệ của Công ty và Pháp luật nhà nước. Thực hiện quy định công bố thông tin đối với công ty đại chúng theo quy định của thị trường chứng khoán và Pháp luật.

Trên đây là báo cáo của HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng về đánh giá thực trạng quản lý kinh doanh của Công ty năm 2019 và mục tiêu, kế hoạch hoạt động năm 2020, rất mong các Cổ đông và Quý vị đại biểu tham gia đóng góp ý kiến, giúp cho hoạt động của Hội đồng quản trị ngày càng tốt hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VP, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Bùi Tiên Hải**

Số: 813/BC-BKS

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2020

**BÁO CÁO  
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019  
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần gang thép Cao Bằng.

Căn cứ Nghị quyết số 646/NQ - CISCO của Đại hội đồng cổ đông ngày 22 tháng 04 năm 2019.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2019 ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Công ty cổ phần gang thép Cao Bằng được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty kết quả hoạt động của BKS năm 2019, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính và đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT, BGD trong năm 2019 như sau:

**I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019:**

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017 – 2022 gồm 03 người:

- Bà Nguyễn Thanh Hương – Trưởng Ban

- Ông Lê Văn Lương – Thành viên

- Bà Đào Vân Anh – Thành viên (*thay thế ông Đỗ Ngọc Hải từ ngày 31/07/2018 và đã trúng cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2017-2022 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 ngày 22/04/2019*)

BKS có các nhiệm vụ chính sau: thực hiện các quyền giám sát việc thực thi Điều lệ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên; giám sát các hoạt động tài chính; giám sát tính thực thi của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Điều hành (BDH) theo luật định.

Trong năm tài chính 2019, BKS hoạt động với vai trò giám sát trong công tác điều hành hoạt động Công ty, thực hiện công tác giám sát, đánh giá hoạt động tài chính, hoạt động SXKD của Công ty.

**1. Kết quả làm việc của BKS**

### 1.1. Kết quả giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019, Công ty đã thực hiện sản xuất kinh doanh trên cơ sở kế hoạch năm 2019 và kế hoạch 5 năm 2019-2023, kết quả:

- Sản lượng phôi thép sản xuất đạt 220 nghìn tấn, bằng 100,17% KH năm;
- Sản lượng phôi thép tiêu thụ đạt 229 nghìn tấn, bằng 92% KH năm;
- Doanh thu thực hiện đạt 2.381 tỷ đồng bằng 85% KH năm;
- Lợi nhuận thực hiện: (âm) 133 tỷ đồng, lợi nhuận kế hoạch là 58,3 tỷ đồng.
- Tổng quỹ lương: 74 tỷ đồng, bằng 92% KH năm;
- Lao động sử dụng bình quân: 873 người, bằng 96% KH năm;
- Tiền lương bình quân: 7,06 triệu đ/ng/tháng, bằng 95% KH năm;
- Nộp ngân sách: 55,2 tỷ đồng, bằng 86% KH năm;
- Giá trị Đầu tư xây dựng đạt 4,8 tỷ đồng bằng 30% KH năm.

### 1.2. Hoạt động giám sát đối với thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

- BKS đã giám sát công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019 đã thông qua. BKS được tham dự các cuộc họp HĐQT trong kỳ và có những đóng góp tích cực.

- Kết quả giám sát của BKS: trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ thông qua. HĐQT tuân thủ Điều lệ Công ty, luật pháp nhà nước. Đồng thời cùng với Ban lãnh đạo Công ty đưa ra các giải pháp, nhằm đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

### 1.3. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2019

#### *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.369.646.837.008	1.803.432.879.761
Giá vốn hàng bán	2.375.608.470.878	1.627.798.096.534
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-5.961.633.870	175.634.783.227
Doanh thu hoạt động tài chính	441.767.281	539.132.233
Chi phí tài chính	98.770.960.854	130.091.679.778
<i>Tr.đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>93.123.723.311</i>	<i>108.982.707.861</i>
Chi phí bán hàng	16.976.635.960	6.231.617.500
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.845.842.280	20.030.316.383
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-140.113.305.683	19.820.301.799
Thu nhập khác	7.038.433.521	12.726.274
Chi phí khác	290.536.192	1.007.948.057
Lợi nhuận khác	6.747.897.329	-995.221.783
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-133.365.408.354	18.825.080.016



**Tóm tắt tình hình tài chính tại 31/12/2019**

	31/12/2019	31/12/2018
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>620.319.096.367</b>	<b>855.027.117.324</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4.274.100.986	3.306.416.939
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	4.207.164.789	5.273.617.978
IV. Hàng tồn kho	602.156.180.446	833.939.195.917
V. Tài sản ngắn hạn khác	9.681.650.146	12.507.886.490
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>1.575.286.592.250</b>	<b>1.698.236.119.111</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	15.286.000.000	15.067.000.000
II. Tài sản cố định	1.526.691.909.104	1.642.860.391.871
IV. Tài sản dở dang dài hạn	1.639.538.377	10.357.648.248
VI. Tài sản dài hạn khác	31.669.144.769	29.951.078.992
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>2.195.605.688.617</b>	<b>2.553.263.236.435</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>2.171.942.928.746</b>	<b>2.396.235.068.210</b>
I. Nợ ngắn hạn	1.304.302.353.755	1.290.147.481.065
II. Nợ dài hạn	867.640.574.991	1.106.087.587.145
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>23.662.759.871</b>	<b>157.028.168.225</b>
I. Vốn chủ sở hữu	23.662.759.871	157.028.168.225
1. Vốn góp của chủ sở hữu	430.063.660.000	430.063.660.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-406.400.900.129	-273.035.491.775
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>2.195.605.688.617</b>	<b>2.553.263.236.435</b>

Qua xem xét thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019, Ban kiểm soát có ý kiến như sau:

- Công ty đã áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán, thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019:

Năm 2019 là năm thứ tư dây chuyền luyện gang thép của Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng đi vào hoạt động về cơ bản các thiết bị hoạt động tương đối ổn định, đạt được kế hoạch về sản lượng sản xuất (đạt 100,17%). Tổng thể đã có giải pháp kiểm soát việc thực hiện chi phí, tuy nhiên một số chỉ tiêu tiêu hao vẫn vượt kế hoạch như: Tiêu hao than cốc công đoạn luyện gang vượt 5.5% (tương ứng khoảng trên 40 tỷ đồng), chủ yếu do chất lượng quặng tinh thấp, quặng limonit chưa đạt. Ban lãnh đạo công ty cần có giải pháp quyết liệt trong việc kiểm soát giá mua, số lượng, chất lượng NVL đầu vào, và hoạt động ổn định của MMTB.

+ Giá thành sản xuất phôi thép thực hiện cả năm đạt 10,2/10,6 tr.đồng/tấn bằng 96% KHN và bằng 92% so với thực hiện năm 2018.

+ Giá thành tiêu thụ phôi thép thực hiện cả năm đạt 10,9/11,4 tr.đồng/tấn bằng 95,8%KHN và bằng 90,5% so với thực hiện năm 2018.

Tuy nhiên không đạt kế hoạch về sản lượng tiêu thụ (bằng 95,57% kế hoạch năm), đồng thời giá bán giảm mạnh (-13% so với giá bán kế hoạch). Dẫn đến Công ty không đạt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận: doanh thu chỉ đạt 85% kế hoạch, lợi nhuận âm -133 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận kế hoạch là 58,3 tỷ đồng. Với lỗ 133 tỷ đồng trong năm 2019 dẫn đến lỗ lũy kế của GTCB là 406 tỷ, so với số vốn của cổ đông góp là 430, 063 tỷ, làm mất vốn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến dòng tiền, khả năng hoạt động của Công ty.

- Về công tác đầu tư xây dựng: Giá trị Đầu tư xây dựng đạt thấp: 4,8 tỷ đồng bằng 30% KH năm. Công ty gặp khó khăn vướng mắc trong công tác đền bù GPMB và khó khăn thu xếp nguồn vốn thực hiện. Chưa thực hiện được các khối lượng đầu tư được giao trong năm như: GPMB bãi thải số 01, 03; Nắn suối Gòong; Đê chắn chân Bãi thải số 03 của dự án khai thác lộ thiên Mỏ sắt Nà rạ, hệ thống quan trắc tự động, hệ thống nâng cao thực thu xưởng tuyển.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty vẫn chưa thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng tại Nhà máy gang thép Cao Bằng, dự án khai thác mỏ sắt Nà Rạ. Đề nghị Công ty sớm quyết toán vốn đầu tư dự án làm cơ sở trích và điều chỉnh khấu hao TSCĐ đưa vào giá thành sản xuất phù hợp với quy định.

- Tình hình tài chính tại 31/12/2019:

Tính đến thời điểm 31/12/2019, lỗ lũy kế của Công ty là -406,4 tỷ đồng, vốn điều lệ 430 tỷ nên tổng VCSH chỉ còn 23,6 tỷ. Nợ ngắn hạn nhiều hơn tài sản ngắn hạn là 684 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu thanh toán: Khả năng thanh toán hiện hành: 0,48; khả năng thanh toán nhanh: 0,01 cho thấy Công ty đang rất khó khăn trong việc thanh toán các khoản công nợ đến hạn và kiểm soát dòng tiền đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Đề nghị Công ty khi lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 cần lập và xem xét chi tiết về kế hoạch dòng tiền để tránh rủi ro hoạt động sản xuất kinh doanh bị gián đoạn, đình trệ.

#### **1.4. Hoạt động khác của BKS**

- Tiến hành xem xét các báo cáo tài chính theo quý do Ban Điều hành cung cấp.

- Đánh giá tình hình công nợ, tình hình hàng tồn kho.

#### **2. Thù lao và chi phí hoạt động của BKS**

- Trong năm 2019, các thành viên BKS đã nỗ lực trong việc thực thi dựa trên chức năng và nhiệm vụ được giao.

- Về thù lao và chi phí hoạt động của BKS

+ Thù lao theo NQ ĐHCĐ năm 2019 thông qua: 70,8 triệu.

### 3. Kết luận và kiến nghị:

Các thành viên trong Ban Kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đã thể hiện được tính trung thực, khách quan trong công việc. Tuy nhiên, trong điều kiện môi trường kinh doanh luôn thay đổi, kinh tế vĩ mô chưa ổn định thì công tác kiểm soát cũng không tránh khỏi những tồn tại mà Ban Kiểm soát cần phải quan tâm, nỗ lực và hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới. Để đảm bảo công tác quản lý điều hành của Công ty được tốt hơn, cần tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo và các phòng ban Công ty.

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu Báo cáo tài chính năm 2019 do Công ty CP gang thép Cao Bằng lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh: Như đã trình bày tại Thuyết minh số 29 – Thông tin về hoạt động liên tục: Tính đến thời điểm 31/12/2019, lỗ lũy kế của Công ty là 406.400.900.129 đồng, tại ngày này nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 687.210.042.873 đồng làm nghi ngờ đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai gần. Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên giả định hoạt động liên tục do Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng hoạt động của Công ty trong tương lai sẽ có nguồn thu từ hoạt động kinh doanh và tiếp tục nhận được cung cấp tài chính từ các tổ chức tín dụng cũng như các cổ đông và nhà đầu tư.

Để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, đảm bảo lợi ích cho cổ đông, BKS có một số kiến nghị như sau:

- Bám sát các mục tiêu kế hoạch năm 2020 và kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2019-2023.

- Kiểm soát sử dụng dòng tiền, đáp ứng kịp thời nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Thường xuyên phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thu xếp vốn vay đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh với mức lãi suất thấp nhất.

- Xây dựng phương án tiêu thụ sản phẩm về giá cả, kiểm soát chất lượng, đẩy mạnh công tác tiêu thụ thành phẩm tồn kho, đảm bảo hiệu quả SXKD và thời gian thu hồi vốn nhanh nhất.

- Công tác quản lý chi phí đầu vào: Kiểm soát tiêu hao NVL; Phân tích, dự báo giá nguyên vật liệu, lập kế hoạch dự trữ tồn kho hợp lý; Thực hiện công tác chào hàng cạnh tranh, đấu thầu mua bán các loại vật tư hàng hóa để tìm được các

nhà cung ứng có giá thấp, đảm bảo chất lượng nhất là đối với các loại vật tư, nhiên liệu có giá trị lớn, như: than cốc, quặng, vật tư công nghệ luyện kim...kiểm soát chặt chẽ nguyên liệu tồn kho tại nhà máy.

- Hoàn thành việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng tại Nhà máy gang thép Cao Bằng, dự án khai thác mỏ sắt Nà Rạ

## **II. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2020**

Căn cứ vào tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020, Ban kiểm soát xin đề ra Kế hoạch hoạt động của Ban năm 2020 như sau:

- Giám sát tính tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020; Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước; Giám sát tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm giai đoạn 2019-2023.

- BKS tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong việc xem xét báo cáo kiểm toán của kiểm toán độc lập và giám sát việc thực thi các vấn đề được kiểm toán đưa ra.

Thay mặt BKS, chúng tôi xin chân thành cảm ơn HĐQT, Ban lãnh đạo, các phòng ban đơn vị, các cổ đông và cán bộ CNV Công ty đã hỗ trợ và tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ.

Trên đây là toàn bộ nội dung BKS báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Kính mong Quý vị đóng góp ý kiến để BKS làm tốt chức năng, nhiệm vụ cổ đông giao phó và kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**TM BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



**Nguyễn Thanh Hương**

Số: 49/TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 05 tháng 6 năm 2020

**TỜ TRÌNH**  
**V/v miễn nhiệm, bổ nhiệm thành viên HĐQT**  
**Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng nhiệm kỳ 2017 - 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 11 tháng 10 năm 2006; Sửa đổi bổ sung lần 3 ngày 27 tháng 4 năm 2018;

Căn cứ thông báo số 1350/VIMICO-TCLĐ, ngày 11/6/2019 của Tổng công ty Khoáng sản – TKV về việc thay đổi nhân sự đại diện quản lý vốn, tham gia HĐQT Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng; Quyết định số 302/QĐ-VIMICO, ngày 08/4/2020 của Tổng công ty Khoáng sản – TKV về việc thay đổi nhân sự đại diện quản lý vốn, tham gia HĐQT, BKS Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Theo đó cổ đông Tổng công ty khoáng sản – TKV đã có quyết định thay đổi người đại diện phần vốn, tham gia HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng:

1. Ông Vương Thanh Giang – Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng thôi làm người đại diện quản lý 7.000.000 cổ phần của Tổng công ty Khoáng sản - TKV tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng, thôi tham gia HĐQT và thôi giữ chức vụ Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng. Tổng công ty Khoáng sản - TKV cử ông Nguyễn Văn Phương làm người đại diện quản lý 7.000.000 cổ phần của Tổng công ty Khoáng sản - TKV tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng, giới thiệu tham gia HĐQT và ứng cử chức vụ Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

2. Ông Nông Minh Huyền - Phó chánh Văn phòng Tổng công ty, thành viên HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng, thôi tham gia HĐQT và thôi giữ chức vụ Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng. Tổng công ty Khoáng sản - TKV cử ông Tô Xuân Thanh - Phó trưởng phòng Tuyển khoáng Luyện kim Tổng công ty làm người đại diện quản lý 7.000.000 cổ phần của Tổng công ty Khoáng sản - TKV tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng, giới thiệu tham gia HĐQT và ứng cử chức vụ Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Trên cơ sở ý kiến của cổ đông Tổng công ty khoáng sản – TKV, ngày 18/6/2019 và ngày 29/4/2020, HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã họp và thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Phương và ông Tô Xuân Thanh

tham gia HĐQT và giữ chức vụ thành viên HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng nhiệm kỳ 2017 - 2022.

HĐQT Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 chấp thuận việc miễn nhiệm, bổ nhiệm thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2017 - 2022 nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng !

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu: VP, HĐQT. *Hết*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Bùi Tiến Hải**

Số: 50/TTr-HĐQT

Cao Bằng, ngày 05 tháng 6 năm 2020

## TỜ TRÌNH

**V/v miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát (BKS)  
Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng nhiệm kỳ 2017 - 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng đương nhiệm, nhiệm kỳ 2017 - 2022, gồm 3 thành viên

1. Bà Nguyễn Thanh Hương – Trưởng BKS công ty.
2. Bà Đào Vân Anh – Thành viên BKS công ty.
3. Ông Lê Văn Lưỡng – Thành viên BKS công ty.

Trên cơ sở thông báo ý kiến cử đại diện theo ủy quyền của cổ đông Tổng công ty khoáng sản – TKV tại Quyết định số 302/QĐ-VIMICO ngày 08/4/2020 về việc thay đổi nhân sự đại diện quản lý vốn, tham gia HĐQT, BKS Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng và cổ đông Công ty CP Xây lắp điện I tại Quyết định số .../PCCI ngày .../.../ về việc thay đổi nhân sự tham gia BKS Công ty CP Gang thép Cao Bằng về cử nhân sự tham gia Ban kiểm soát Công ty. Để đảm bảo thực hiện tốt công tác quản trị, kiểm soát hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sau:

### **1. Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát:**

1. Bà Nguyễn Thanh Hương - Trưởng phòng Quản trị Tổng hợp – Công ty CP Xây lắp điện I thôi tham gia BKS và thôi giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

2. Bà Đào Vân Anh – Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán VIMICO thôi tham gia BKS và thôi giữ chức vụ thành viên BKS Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

### **2. Bầu bổ sung thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2017 - 2022.**

Để đảm bảo đủ số lượng thành viên BKS (03 thành viên) theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2017-2022:

Số lượng bầu bổ sung BKS: 02 người.

Ứng viên bầu vào BKS: Thực hiện thủ tục cho việc bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2017-2022, Công ty đã thực hiện gửi thông báo tới các cổ đông, đăng công bố

thông tin liên quan trên Website của Công ty và nhận Đơn đề cử, ứng cử ứng viên để bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2017 - 2022.

**3. Danh sách ứng viên đủ tiêu chuẩn được các cổ đông giới thiệu để bầu bổ sung thành viên BKS như sau:**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, nơi công tác
	<b>Ứng viên BKS</b>				
1	Nguyễn Hữu Cường	13/05/1978	SN 11, Ngõ 34/232/18 Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trung, Hà Nội	Cử nhân kinh tế	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán- VIMICO
2	Hoàng Văn Sáng	05/12/1991	Số 37 Tô Hiệu, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Cử nhân kinh tế	Trưởng nhóm Kiểm toán nội bộ Công ty CP Xây lắp điện I

Thông tin ứng viên được công bố tại địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Cổ đông (website cty);
- HĐQT, BGĐ;
- Lưu: VP, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Bùi Tiến Hải**



**LÝ LỊCH TRÍCH NGANG ỨNG VIÊN BẦU BỔ SUNG VÀO BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG NHIỆM KỲ 2017-2022**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-HDQT ngày 05/6/2020)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty và đơn vị khác (nếu có)	Tóm tắt quá trình công tác	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu	Cổ đông/nhóm cổ đông đề cử
II	<b>Ứng viên Ban kiểm soát</b>							
1	Nguyễn Hữu Cường	13/5/1978	Cử nhân kinh tế	Chuyên viên phòng TCKT VIMICO	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ năm 2001 đến năm 2002 Chuyên viên tại XN than Hồng Thái-UB-QN</li> <li>- Từ năm 2002 đến năm 2006 Chuyên viên tại Công ty Than Ưông Bi;</li> <li>- Từ năm 2006 đến năm 2007 Phó phòng TCKT Công ty Than Nam Mẫu;</li> <li>- Từ năm 2007 đến năm 2009 Chuyên viên Tổng công ty Khoáng sản - TKV;</li> <li>- Từ năm 2009 đến năm 2015 Kế toán trưởng Công ty vận tải và Thương mại Liên Việt;</li> <li>- Từ năm 2015 đến nay Chuyên viên Tổng công ty Khoáng sản - TKV.</li> </ul>	/	/	Tổng công ty Khoáng sản - TKV (VIMICO)
2	Hoàng Văn Sáng	05/12/1991	Cử nhân kinh tế	Trưởng nhóm Kiểm toán nội bộ Công ty CP Xây lắp điện I	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ tháng 07/2013-03/2017 Kiểm toán viên Công ty TNHH Hằng Kiểm toán AASC.</li> <li>- Từ tháng 03/2017 đến nay Trưởng nhóm Kiểm toán nội bộ Công ty CP Xây lắp điện I</li> </ul>	/	/	Công ty CP Xây lắp điện I



Số: 51/TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 05 tháng 6 năm 2020

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 11/10/2006; Sửa đổi, bổ sung lần thứ ba ngày 27/4/2018.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã kiểm toán, các chỉ tiêu chính bao gồm:

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>I. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100-BCĐKT</b>	<b>620.319</b>	<b>855.569</b>
<b>II. Tài sản dài hạn</b>	<b>200-BCĐKT</b>	<b>1.575.287</b>	<b>1.697.695</b>
<b>III. Nợ phải trả</b>	<b>300-BCĐKT</b>	<b>2.171.943</b>	<b>2.396.235</b>
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	1.304.302	1.290.147
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT	867.641	1.106.088
<b>IV. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400-BCĐKT</b>	<b>23.663</b>	<b>157.028</b>
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	23.663	157.028
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT	430.064	430.064
<b>V. Kết quả kinh doanh</b>		<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
1. Tổng doanh thu		2.377.127	1.803.985
2. Tổng chi phí		2.510.492	1.785.160
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	(133.365)	18.825
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60-BCKQKD	(133.365)	18.825
<b>VI. Chỉ tiêu khác</b>			
1. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách		68.652	32.466
2. Lợi nhuận trước thuế/vốn CSH (%)		(563,60)	11,99
3. Lợi nhuận sau thuế/vốn CSH (%)		(563,60)	11,99
4. Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản (%)		(6,07)	0,74
5. Tổng số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)		91,79	15,26

Báo cáo tài chính năm 2019 sau kiểm toán đã được đăng tải trên Website của Công ty <http://gtcb.com.vn>.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Bùi Tiến Hải



Số: 52/TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 05 tháng 6 năm 2020

## TỜ TRÌNH

V/v phân phối lợi nhuận năm 2019  
và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 11/10/2006; Sửa đổi, bổ sung lần thứ ba ngày 27/4/2018;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã kiểm toán.

- Do kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty lỗ 133,365 tỷ đồng, nên Công ty sẽ không có cổ tức và không trích lập các quỹ trong năm 2020.

- Theo kế hoạch trình thông qua, dự kiến lợi nhuận trước thuế năm 2020 của Công ty là 32,968 tỷ đồng. Năm 2020 công ty không chia cổ tức, không trích lập các quỹ, toàn bộ lợi nhuận dùng để bù đắp khoản lỗ lũy kế những năm trước.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên; *HTT*
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH *HTT*



Bùi Tiên Hải



Số: 53/TTr-HĐQT

Cao Bằng, ngày 05 tháng 6 năm 2020

## TỜ TRÌNH

### Về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu chi phí Tổng mức đầu tư Dự án Khu liên hợp gang thép Cao Bằng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư dự án số 11121000029 của UBND tỉnh Cao Bằng cấp ngày 28/6/2007; điều chỉnh lần thứ tư: Ngày 09/7/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 11/10/2006; sửa đổi bổ sung ngày 08/7/2016;

Căn cứ tình hình thực tế quá trình triển khai thực hiện dự án Khu liên hợp gang thép Cao Bằng công suất đạt 221.600 tấn phôi thép/năm. HĐQT Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt điều chỉnh cơ cấu chi phí Tổng mức đầu tư dự án Khu liên hợp gang thép Cao Bằng công suất đạt 221.600 tấn phôi thép/năm như sau:

#### **1. Sự cần thiết phải điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư:**

Dự án Khu liên hợp gang thép Cao Bằng công suất 221.600 tấn phôi thép/năm do Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng làm Chủ đầu tư đã triển khai thực hiện đến nay đã hoàn thành và đi vào vận hành sản xuất thương mại. Trong hơn 08 năm thực hiện đầu tư xuất hiện một số yếu tố khách quan làm tăng giảm chi phí nằm ngoài khả năng kiểm soát của chủ đầu tư, cụ thể như sau:

- Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, tỷ giá giữa đồng VND và USD biến động rất lớn. Tỷ giá thời điểm lập tổng mức đầu tư là 17.000 VND/USD (được quy đổi theo tỷ giá bình quân của Liên Ngân hàng), tại thời điểm dự kiến hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng gói thầu số 01 - EPC tỷ giá bình quân giữa đồng VND và USD là: 21.096 VND/USD. Gói thầu số 01-EPC được ký với nhà thầu EPC (Trung Quốc) bằng đồng tiền VND và USD trong đó USD chiếm tỷ trọng lớn, với nguồn vốn vay của Ngân hàng ChinaEximbank là 42,6 triệu USD.

- Lãi suất phần vốn vay thương mại dài hạn để đầu tư cho dự án tăng do thời gian thực hiện dự án kéo dài. Vì vậy, chi phí lãi vay trong thời gian đầu tư tăng.

- Trong quá trình triển khai thực hiện gói thầu số 01-EPC xét thấy một số phần kỹ thuật trong dây truyền cần tối ưu hóa so với dự án đã lập để đảm bảo tính hiệu quả cho sản xuất. Chủ đầu tư thống nhất để nhà thầu thực hiện việc tối ưu hóa trên và tăng thêm chi phí cho phần việc này.

- Chi phí quản lý dự án, một số chi phí tư vấn và một số khoản chi phí khác được chuẩn xác theo giá trị thực hiện.

Ngoài các nhân tố ảnh hưởng như một số nguyên nhân nêu ở trên, bên cạnh đó là thời gian thực hiện dự án kéo dài, cơ chế chính sách thay đổi; đặc biệt là sự kiện bất ổn, diễn biến phức tạp liên quan đến khu vực Biển Đông, căng thẳng quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Trung Quốc. Để việc đầu tư, quản lý dự án đảm bảo chất lượng và hiệu quả kinh tế, xã hội thì việc thay đổi cơ cấu chi phí trong tổng mức đầu tư của dự án là rất cần thiết và đảm bảo theo các quy định hướng dẫn của Luật Xây dựng, Nghị định về quản lý dự án đầu tư hiện hành.

## 2. Tổng hợp điều chỉnh cơ cấu chi phí tổng mức đầu tư như sau:

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Nội dung	Giá trị (triệu đồng)		
		QĐ phê duyệt (72/QĐ-HĐQT ngày 11/7/2008)	Điều chỉnh cơ cấu chi phí Tổng mức đầu tư	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5 = 4-3)
1	Chi phí xây dựng	691.498	524.186	(167.312)
2	Chi phí thiết bị	729.240	1.020.071	+ 290.831
3	Chi phí bồi thường GPMB, tái định cư	32.544	27.861	(4.683)
4	Chi phí quản lý dự án	18.768	25.568	+ 6.800
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	43.088	51.981	+ 8.893
6	Chi phí khác	213.464	243.428	+ 29.964
7	Chi phí dự phòng phát sinh(10%)	172.860	18.395	(154.465)
8	Dự phòng trượt giá tỷ giá ngoại tệ USD	10.030	0	(10.030)
	<b>Tổng số</b>	<b>1.911.492</b>	<b>1.911.492</b>	<b>-</b>

(Nội dung chi tiết được trình bày tại Thuyết minh phương án do Tổ chuyên gia tư vấn Công ty CP Gang thép Cao Bằng lập tháng 5/2020).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc điều chỉnh cơ cấu chi phí Tổng mức đầu tư dự án Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng để có cơ sở triển khai thực hiện việc quyết toán dự án hoàn thành và các công việc tiếp theo./.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Bùi Tiến Hải**



TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV  
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

# THUYẾT MINH

## ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU CHI PHÍ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

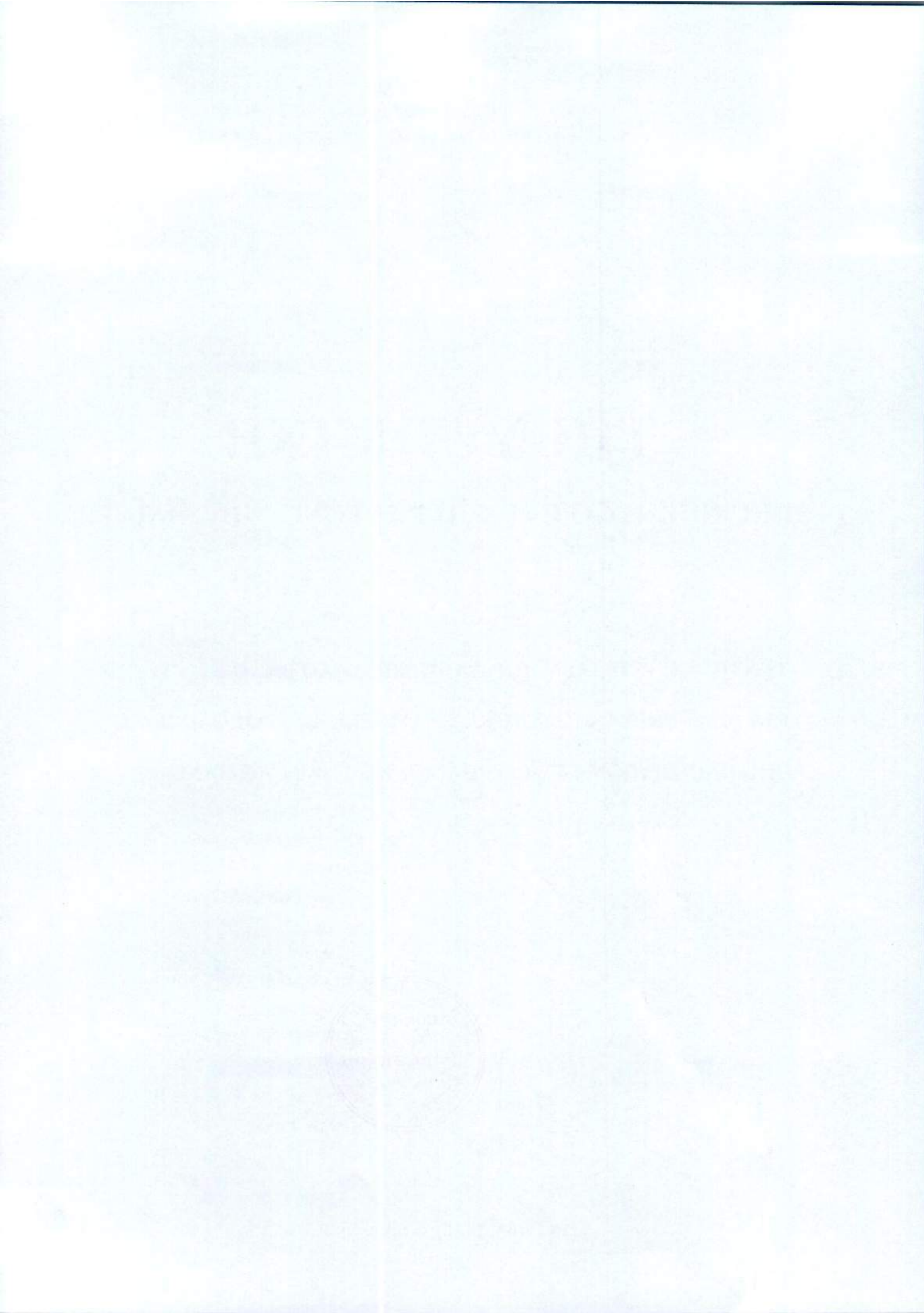
TÊN DỰ ÁN: KHU LIÊN HỢP GANG THÉP CAO BẰNG

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ CHU TRINH, TP. CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG



Cao Bằng, tháng 5 năm 2020



## I- CÁC CĂN CỨ :

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Quyết định số 134/2001/QĐ-TTg ngày 10/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ V/v Quy hoạch tổng thể ngành thép đến năm 2010;
- Văn bản số 745/CP-CN ngày 31/5/2004 của Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Tấn Dũng chấp thuận đầu tư xây dựng Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng;
- Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;
- Thông tư 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Văn bản hướng dẫn số 900/BXD-KTXD ngày 01/6/2012 của Bộ Xây dựng V/v Hướng dẫn điều chỉnh tổng mức đầu tư các dự án ĐTXDXT ;
- Giấy chứng nhận đầu tư dự án số 11121000029 của UBND tỉnh Cao Bằng cấp ngày 28/6/2007; điều chỉnh lần thứ tư: Ngày 09/7/2014;
- Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/2/2017 của Bộ Xây dựng V/v Công bố định mức chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 11/10/2006; sửa đổi bổ sung ngày 08/7/2016;
- Quyết định số 88/QĐ-HĐQT ngày 29/8/2007 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng V/v Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng;
- Quyết định số 72/QĐ-HĐQT ngày 11/7/2008 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng V/v Phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng;
- Giấy phép Xây dựng số 819/GPXD ngày 18/8/2008 của Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng cấp phép xây dựng công trình thuộc dự án: Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng.
- Quyết định số 221/QĐ- GTCB ngày 06 /3 /2020 của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng V/v Thành lập tổ lập Phương án điều chỉnh cơ cấu chi phí Tổng mức đầu tư Dự án: Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng.

## II. TÓM TẮT NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN:

- 1, *Tên dự án:* Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng
- 2, *Quy mô đầu tư, quy mô sản xuất, phương án sản phẩm và tổng mức đầu tư của dự án:*

### a, *Quy mô đầu tư:*

*h*

*lu*

- Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng gồm các nhà máy chính: Nhà máy thiêu kết (Máy thiêu kết kiểu băng tải diện tích  $36m^2$ ) Sản lượng quặng thiêu kết 399.200 tấn/năm; Nhà máy luyện gang ( Lò cao dung tích  $179 m^3$  (bao gồm thiết bị phun than) Sản lượng nước gang 219.300 tấn/năm; Nhà máy luyện thép (Lò trộn nước gang 300t, Lò chuyển thổi khí Ôxy đỉnh lò 20 tấn/mẻ, Lò tinh luyện LF 30 tấn/mẻ, 01 Máy đúc phôi liên tục R6m 2 động cơ 2 dòng công, suất 1.000 t/d) Công suất nhà máy 221.600 tấn phôi thép/năm; Trạm sản xuất Ôxy  $3.800Nm^3/h$  và một số công trình hạ tầng kỹ thuật, phụ trợ khác.

- Dự án nhóm A; Công trình luyện kim cấp 3.

**b, Quy mô sản xuất:**

- Sau khi dự án Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng hoàn thành, sản phẩm cuối cùng là phôi đúc liên tục, sản lượng 221.600 t/năm.

- Sản phẩm trung gian đồng độ của công trình là quặng thiêu kết nguội sản lượng  $39,92 \times 10^4$  t/năm, nước gang luyện thép sản lượng  $21,93 \times 10^4$  t/ năm.

**c, Phương án sản phẩm:**

- Sản phẩm của phân xưởng thiêu kết là quặng thiêu kết nguội, cỡ hạt 5mm-150mm, độ kiềm 1,3 -1,6.

- Sản phẩm của phân xưởng luyện gang là nước gang luyện thép, thổi gang đúc.

- Chủng loại thép luyện kim của phân xưởng luyện thép bao gồm: thép Cacbon thông thường và thép hợp kim thấp, mã số thép tiêu biểu là: Q235,20MnSi.

- Kích thước sản phẩm của phân xưởng luyện thép là phôi đúc liên tục 3m, 6m; mặt cắt phôi đúc liên tục là 130x130(mm), 150x150 (mm).

**d, Tổng mức đầu tư dự án (Quyết định số 72/QĐ-HDQT ngày 11/7/2008):**

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Giá trị sau thuế
1	Chi phí xây dựng	628.634	62.863	691.498
2	Chi phí thiết bị	712.119	17.121	729.240
3	Chi phí bồi thường GPMB, tái định cư	32.000	544	32.544
4	Chi phí quản lý dự án	17.221	1.547	18.768
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	39.401	3.687	43.088
6	Chi phí khác	205.083	8.381	213.464
7	Chi phí dự phòng phát sinh (10%)	163.446	9.414	172.860
8	Dự phòng trượt giá tỷ giá ngoại tệ USD	10.030	0	10.030
	<b>Tổng mức đầu tư</b>	<b>1.807.934</b>	<b>103.557</b>	<b>1.911.492</b>

(Số tiền bằng chữ: Một ngàn, chín trăm mười một tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu đồng).

**3, Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

4, Địa điểm xây dựng: Xã Chu Trinh, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng.

5, Diện tích sử dụng đất: 79,54ha

6, Đơn vị lập Phương án: Tổ chuyên gia tư vấn – Công ty CP Gang thép Cao Bằng, thành lập tại Quyết định số 221/QĐ- GTCB ngày 06 /3 /2020 .

### III, TÓM TẮT QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ SỰ CẢN THIẾT ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU CHI PHÍ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN:

#### 1, Tóm tắt quá trình thực hiện dự án:

- Dự án được UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt cấp địa điểm xây dựng tại Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 01/12/2006. Sau khi được cấp địa điểm xây dựng, Công ty đã tiến hành triển khai lập dự án và các thủ tục xin thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng, thuê đất theo quy định.


- Năm 2007, Công ty tập trung thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng, đồng thời tiến hành khảo sát địa chất, địa hình phục vụ thiết kế lập dự án phần kiến trúc và phần công nghệ dự án Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng.

- Năm 2008, tổ chức đấu thầu, lựa chọn được nhà thầu thi công các hạng mục: San nền, kè nội bộ, mương nước và hạng mục xây dựng Khu tái định cư Khu liên hợp Gang thép. Riêng gói thầu số 01-EPC: Dây chuyền công nghệ sản xuất gang thép và các hạng mục phụ trợ, kết quả lựa chọn nhà thầu được HĐQT Công ty phê duyệt từ tháng 7/2008 nhưng do thời gian đàm phán hợp đồng kéo dài đến tháng 01/2009 mới ký được hợp đồng.

- Năm 2009, triển khai thực hiện các gói thầu: Tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt thiết bị gói thầu số 01-EPC; Giám định thiết bị gói thầu EPC; Tư vấn khảo sát, lập thiết kế Trạm biến áp 110/10 KV cấp điện Khu liên hợp; Xây dựng đường dây 35 KV và trạm biến áp 35/0,4 KV cấp điện thi công; công trình cấp nước thi công; Tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng Trụ sở văn phòng Công ty và gói thầu kiểm toán, đồng thời thuê tư vấn thiết kế công trình Hệ thống cấp nước ngoài hàng rào Khu liên hợp và thực hiện các công việc chuyển tiếp của gói thầu san nền và Khu tái định cư.

- Từ năm 2010 đến năm 2014, cơ bản đã hoàn thành các gói thầu như: Thi công xây dựng Trạm biến áp 110/10KV cấp điện khu liên hợp; xây dựng trụ sở văn phòng Công ty; xây dựng bãi nguyên liệu; xây dựng hệ thống cấp nước ngoài hàng rào; Đường vào nhà máy, công tường rào bảo vệ và các gói thầu phụ trợ khác.

- Riêng gói thầu số 01 - EPC, sau khi ký Hợp đồng nhà thầu đã tiến hành khởi công xây dựng công trình và thi công các hạng mục phụ trợ như: Nhà sửa chữa cơ khí và kho vật tư dự phòng, nhà điều hành khu liên hợp, nhà ăn ca, nhà tắm, nhà vệ sinh. Sau khi thi công được khoảng 40% khối lượng công việc của các hạng mục trên nhà thầu đã dừng thi công. Công ty đã rất nhiều lần đôn đốc, yêu cầu nhà thầu tiếp tục thi công hoàn thiện các hạng mục này nhưng nhà thầu không hợp tác, Nhà thầu EPC đưa ra rất nhiều lý do, yêu cầu Chủ đầu tư tăng giá gói thầu, như: Biến động về tỷ giá, tổn thất do giá nguyên vật liệu tăng, tiền lương nhân công tăng cao, ... Sau nhiều lần đàm phán, thương thảo hai bên mới giải quyết xong các vấn đề này.



- Đến tháng 9/2012 nhà thầu EPC bắt đầu triển khai thi công phần thử cọc, thí nghiệm cọc và ngày 05/10/2012 nhà thầu bắt đầu thi công hạng mục xử lý nền móng công trình. Sau khi thi công xong hạng mục xử lý nền móng công trình Nhà thầu tiếp tục triển khai thi công các hạng mục xây dựng của gói thầu, đến hết tháng 4/2014 việc thực hiện gói thầu đã hoàn thành đến 80% giá trị xây dựng và 40% giá trị lắp đặt thiết bị, nhập khẩu thiết bị đến 90% giá trị thiết bị.

- Tuy nhiên, những diễn biến phức tạp liên quan đến khu vực Biển Đông và các vụ biểu tình xảy ra bạo loạn ở Bình Dương, Hà Tĩnh đã làm ảnh hưởng đến tâm lý của lao động phía nhà thầu. Kể từ ngày 20/5/2014 Nhà thầu đã tạm ngừng công việc thi công và đưa phần lớn lao động về nước (trên 400 người), chỉ duy trì một số ít công nhân ở lại công trường tiếp tục thực hiện các công việc gia công lắp đặt thiết bị đang thi công dở dang (20 - 30 người). Đến đầu tháng 9/2014 thì số lao động còn lại của Nhà thầu đã rút hết về nước. Và đến giữa tháng 12/2014 Nhà thầu mới bắt đầu đưa lao động trở lại công trường để tiếp tục thi công xây dựng dự án.

- Đến đầu tháng 9/2015 nhà thầu mới hoàn thành toàn bộ phần xây dựng và lắp đặt thiết bị và chuyển sang công tác chạy thử nhà máy. Toàn bộ dây chuyền đã được đưa vào chạy thử và nâng dần công suất thiết bị, thực hiện công tác sát hạch các chỉ tiêu kỹ thuật để nghiệm thu và bàn giao.

- Đến thời điểm Quý II/2016 dây chuyền sản xuất bắt đầu đi vào vận hành ổn định, đảm bảo đáp ứng các chỉ tiêu công nghệ, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế xã hội, đủ điều kiện để đánh giá, quyết toán dự án hoàn thành.

- Đến thời điểm hết năm 2019 Nhà máy đã sản xuất đi vào ổn định đảm bảo đạt 100% công suất theo thiết kế.

## ***2, Các nhân tố ảnh hưởng và sự cần thiết phải điều chỉnh cơ cấu chi phí tổng mức đầu tư dự án:***

Dự án "Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng công suất 221.000 tấn phôi thép/năm do Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng làm Chủ đầu tư đã triển khai thực hiện đến nay đang bước vào giai đoạn cuối cùng. Chủ đầu tư cùng Nhà thầu EPC đang tiến hành chạy thử, dự kiến việc chạy thử sẽ hoàn tất và bàn giao đưa vào sử dụng trong tháng 12/2015.

Trong hơn 08 năm thực hiện, đã xuất hiện một số yếu tố khách quan ngoài khả năng kiểm soát của Chủ đầu tư, cụ thể như sau:

a) Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, tỷ giá giữa đồng VND và USD biến động rất lớn. Tỷ giá thời điểm lập tổng mức đầu tư là 17.000 VND/USD (được quy đổi theo tỷ giá bình quân của Liên Ngân hàng), tại thời điểm dự kiến hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng gói thầu số 01 - EPC tỷ giá bình quân giữa đồng VND và USD là: 21.104 VND/USD. Đặc biệt là gói thầu số 01-EPC được ký với nhà thầu EPC (Trung Quốc) bằng đồng tiền VND và USD trong đó USD chiếm tỷ trọng lớn, với nguồn vốn vay của Ngân hàng ChinaEximbank là: 42,6 triệu USD.

b) Lãi suất phần vốn vay thương mại dài hạn để đầu tư cho dự án tăng do thời gian thực hiện dự án kéo dài. Vì vậy, chi phí lãi vay trong thời gian đầu tư tăng.



c) Trong quá trình triển khai thực hiện gói thầu số 01-EPC xét thấy một số phần kỹ thuật trong dây truyền cần tối ưu hóa so với dự án đã lập để đảm bảo tính hiệu quả cho sản xuất. Sau khi xin ý kiến người quyết định đầu tư, Chủ đầu tư đã thống nhất để nhà thầu thực hiện việc tối ưu hóa trên và tăng thêm chi phí cho phần việc này.

d) Chí phí quản lý dự án, một số chi phí tư vấn và một số khoản chi phí khác được chuẩn xác theo giá trị thực hiện.

Ngoài các nhân tố ảnh hưởng như một số nguyên nhân nêu ở trên, bên cạnh đó là thời gian thực hiện dự án kéo dài, cơ chế chính sách thay đổi; đặc biệt là sự kiện bất ổn, diễn biến phức tạp liên quan đến khu vực Biển Đông, căng thẳng quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Trung Quốc. Để việc đầu tư, quản lý dự án đảm bảo chất lượng và hiệu quả kinh tế, xã hội thì việc thay đổi cơ cấu chi phí trong tổng mức đầu tư của dự án là rất cần thiết, phù hợp với diễn biến thời gian thực hiện dự án, đảm bảo theo các quy định hướng dẫn của Luật Xây dựng, Nghị định về quản lý dự án đầu tư hiện hành.

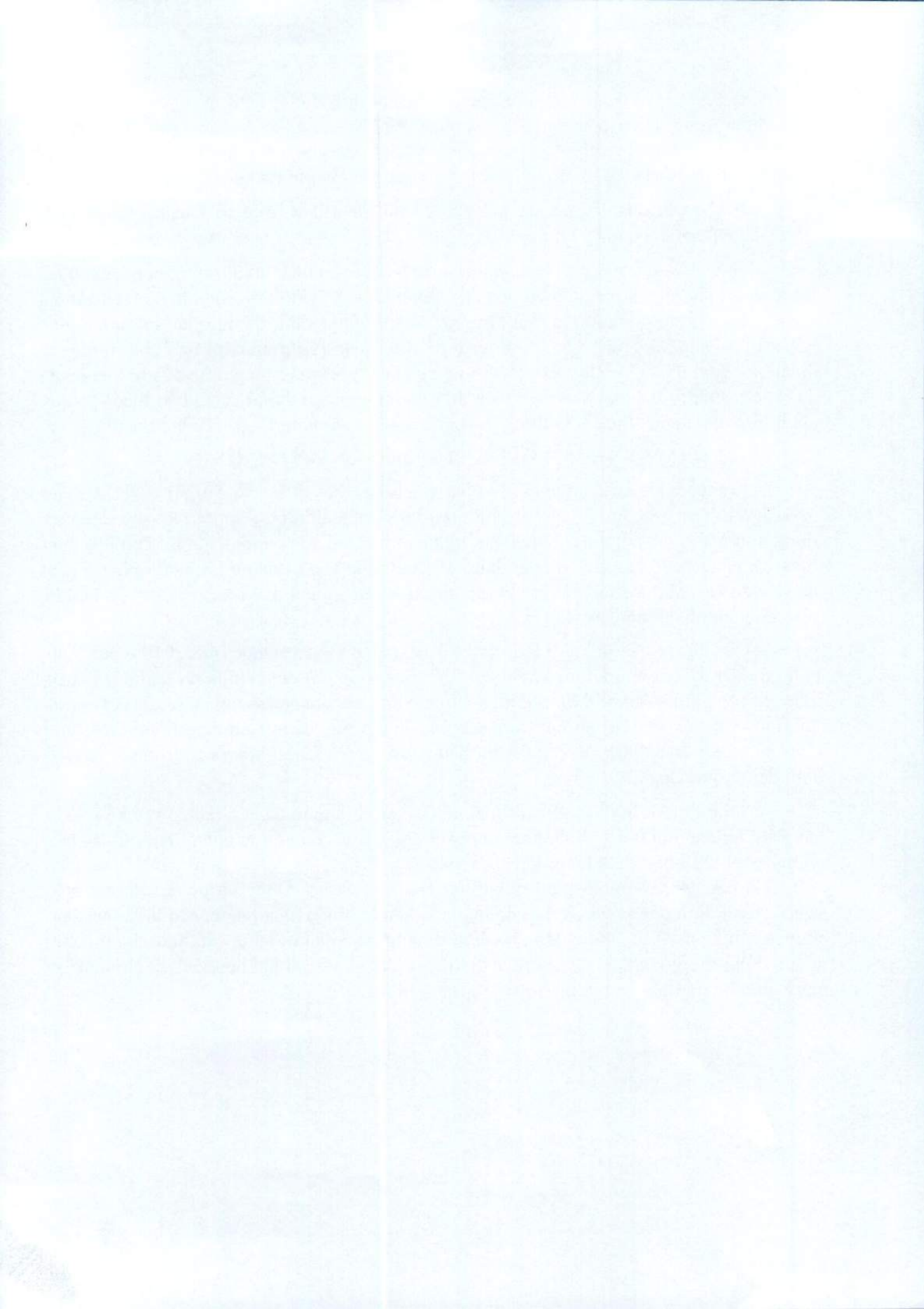
#### **IV, PHẠM VI VÀ NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH:**

- Căn cứ khoản a, b mục 1, điều 61 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội “ Các trường hợp được điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước gồm: a) Do ảnh hưởng của thiên tai, sự cố môi trường, dịch họa, hỏa hoạn và các yếu tố bất khả kháng khác; b) Xuất hiện yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án khi đã được chủ đầu tư chứng minh về hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội do việc điều chỉnh dự án mang lại”;

- Căn cứ mục 3, điều 7 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng “ Trường hợp chỉ điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí gồm cả chi phí dự phòng do điều chỉnh giá theo chỉ số giá tăng so với chỉ số giá tính trong chi phí dự phòng trượt giá của Tổng mức đầu tư nhưng không làm vượt tổng mức đầu tư đã phê duyệt thì Chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh và trình người quyết định đầu tư phê duyệt”.

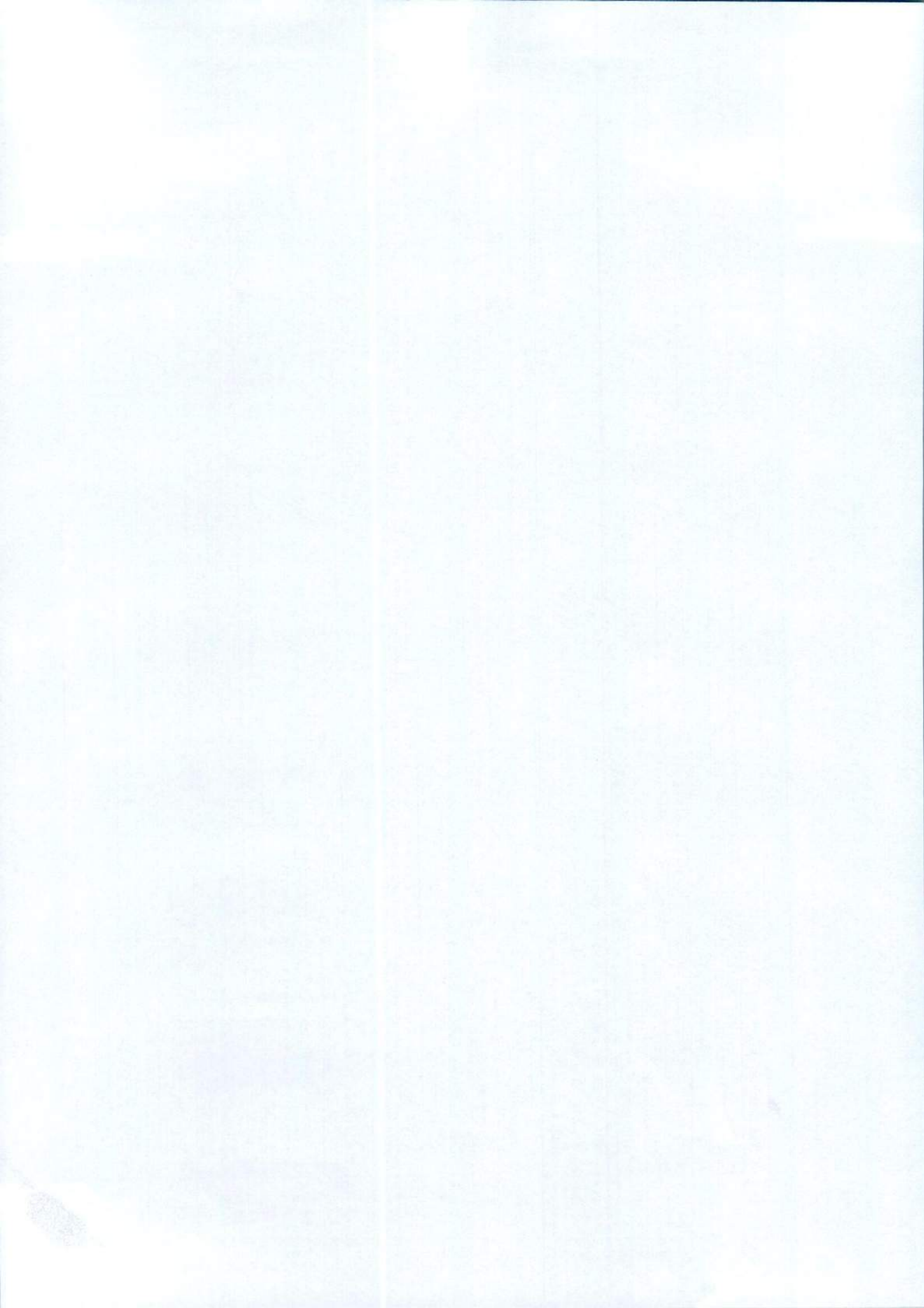
- Trong quá trình triển khai thực hiện dự án thời gian đã kéo dài so với kế hoạch ban đầu; một số nội dung chưa được xem xét đầy đủ và chưa được phân tích, dự báo hết những phát sinh bất khả kháng khi thời gian của dự án kéo dài và chịu ảnh hưởng của tình hình căng thẳng ngoại giao giữa Việt Nam và Trung Quốc; được sự đồng ý của người quyết định đầu tư về tối ưu hóa một số phần kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả dây chuyền sản xuất. Việc điều chỉnh cơ cấu các hạng mục đầu tư nâng cao tính khả thi cho dự án, đồng thời tuân thủ các hướng dẫn, quy định của Pháp luật, cụ thể điều chỉnh tăng giảm từng hạng mục được tổng hợp theo Bảng như sau:







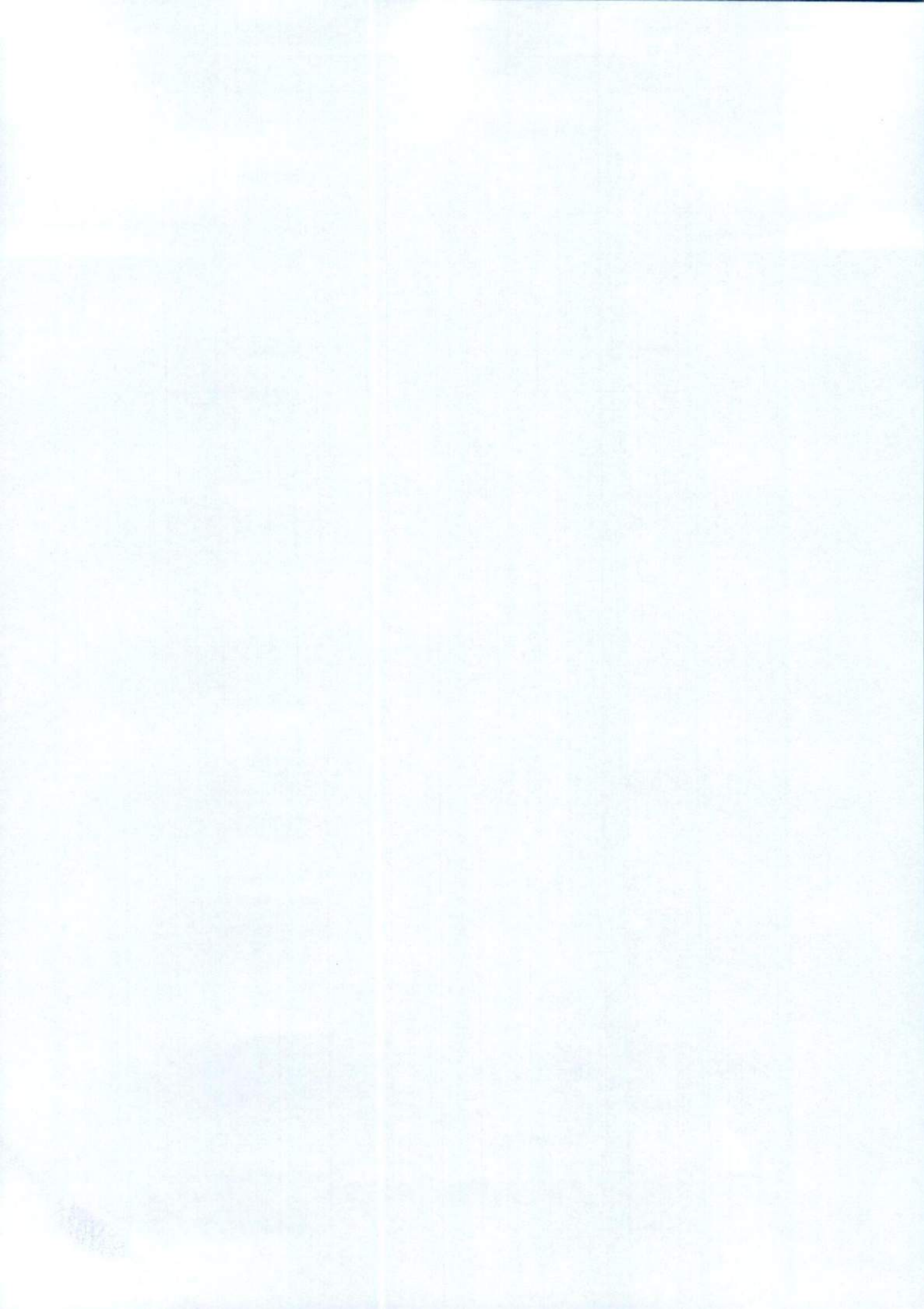
STT	Nội dung	ĐVT	Tăng	Giảm	Tổng điều chỉnh	Ghi chú
I	Bồi thường, hỗ trợ, TĐC		505.826.579	(5.188.806.164)	(4.682.979.585)	
1	CP di chuyển đường cáp bur điện	đồng		(1.000.000)	(1.000.000)	
2	CP đền bù GPMB Khu LH	đồng		(491.441.244)	(491.441.244)	
3	CP ban giải phóng mặt bằng	đồng		(88.178.000)	(88.178.000)	
4	CP thi công XD Khu TĐC, cấp nước sinh hoạt Khu TĐC	đồng	95.509.812		95.509.812	
5	Di chuyển vị trí đoạn dây 35kV trạm biến áp 35/0,4kV Khu liên hợp gang thép Cao Bằng	đồng	70.000.000			
6	CP bồi thường GPMB Khu nhà ở CBCNV	đồng		(4.608.186.920)	(4.608.186.920)	
7	CP sửa chữa tái định cư	đồng	5.500.000		5.500.000	
8	Đền bù tuyến đường ống gói cấp nước ngoài hàng rào	đồng	334.816.767		334.816.767	
II	Xây dựng	đồng	11.505.568.068	(178.817.051.985)	(167.311.483.917)	
1	Gói EPC	đồng		(108.440.014.583)	(108.440.014.583)	
2	Gói số 4 san nền và phá đá	đồng		(17.440.000.511)	(17.440.000.511)	
3	Thi công xây dựng hạng mục mương nước - Bỏ sung phân kết nối giữa mương nước 10.5 và mương nước 26, kê rọ đá chắn đất - KLHGTCB	đồng	399.256.000		399.256.000	
4	XD, lắp đặt đường dây 35KV và trạm biến áp 35/0,4 KV	đồng	1.729.467.312		1.729.467.312	
5	Xây lắp công, tường rào rãnh đình, nhà trạm BA dự phòng	đồng	2.558.006.176		2.558.006.176	
6	Xây lắp khu chung cư CBCNV	đồng		(45.000.000.000)	(45.000.000.000)	
7	Xây dựng nhà trụ sở VP	đồng		(441.260.937)	(441.260.937)	
8	XD trạm biến áp 110KV	đồng		(6.946.909.354)	(6.946.909.354)	



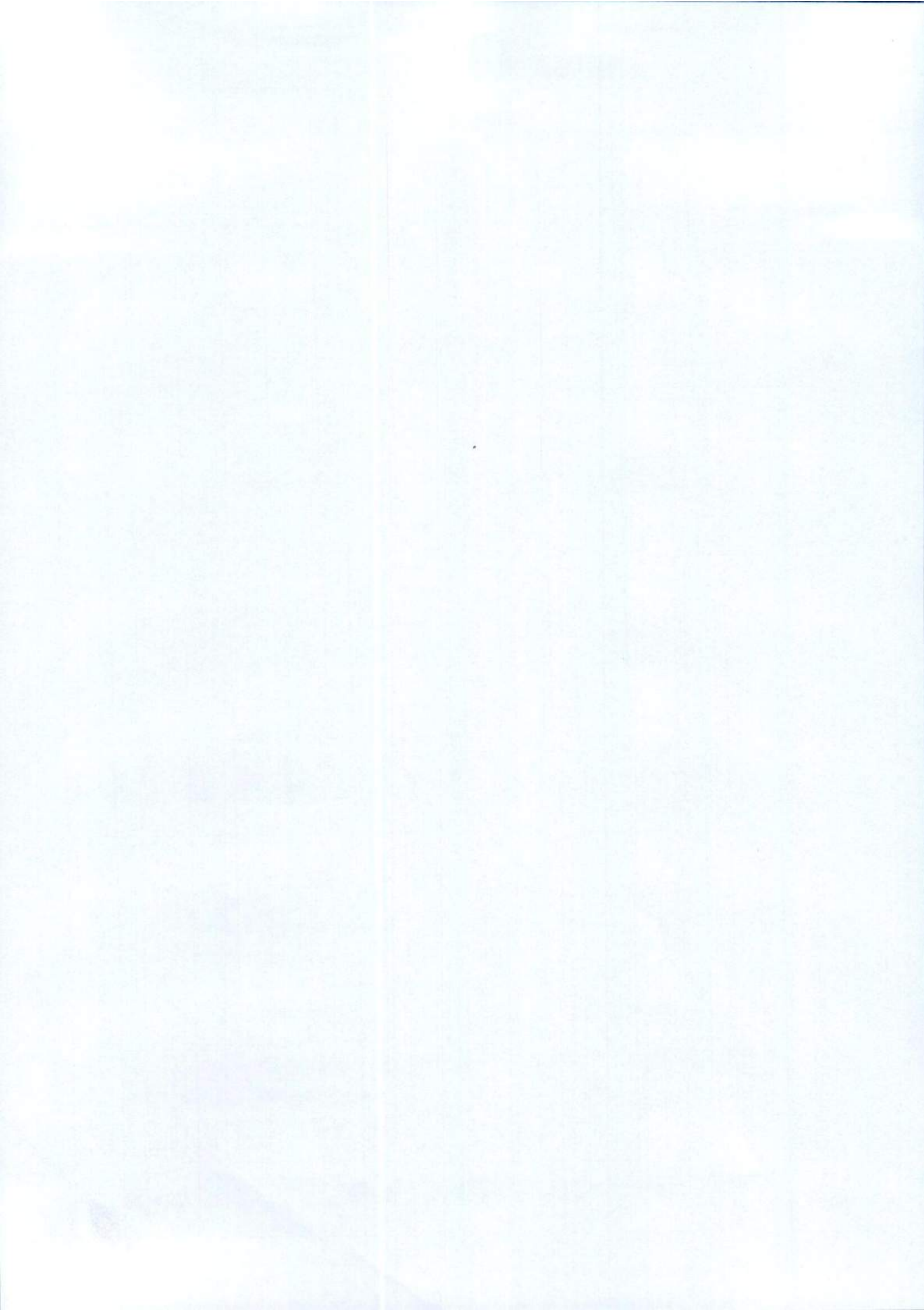
9	XD hệ thống cấp nước ngoài hàng rào	đồng	3.235.911.697		3.235.911.697
10	Bãi nguyên liệu	đồng		(548.866.600)	(548.866.600)
11	Xử lý thoát nước tạm thời bãi nguyên liệu chính	đồng	11.683.883		11.683.883
12	Thờ cọc	đồng	2.800.000.000		2.800.000.000
13	Nhà điều hành văn phòng ban quản lý	đồng	499.900.000		499.900.000
14	Thuê nạo vét mương	đồng	130.414.000		130.414.000
15	Cấp nước tạm cho thi công	đồng	140.929.000		140.929.000
III	Thiết bị	đồng	<b>314.802.671.763</b>	(23.971.290.068)	<b>290.831.381.695</b>
1	Xe ô tô Pajero 11K - 2949	đồng		(133.573.450)	(133.573.450)
2	Xe ô tô Toyota 11K - 3553	đồng	6.149.100		6.149.100
3	Xe u oát 11K - 1801	đồng	35.000.000		35.000.000
4	Xe ô tô Camry 4 chỗ 11K - 9858	đồng	383.950.000		383.950.000
5	Thiết bị gói EPC (bao gồm cả chi phí đào tạo)	đồng	308.086.219.462		308.086.219.462
6	Thiết bị trạm biến áp 110 KV	đồng		(1.190.793.181)	(1.190.793.181)
7	Cung cấp dịch vụ kỹ thuật, tính toán tham số chỉnh định rơ le, XD quy định phối hợp vận hành TBA 110KV	đồng	1.381.770.000		1.381.770.000
8	Lập hồ sơ thỏa thuận hệ thống Rơ-le bảo vệ tự động; Cung cấp lắp đặt thiết bị, thí nghiệm hiệu chỉnh hệ thống truyền dẫn thông tin Rơ-le bảo vệ công trình TBA 110	đồng	1.210.000.000		1.210.000.000
9	Cung cấp dịch vụ kỹ thuật tổ chức đào tạo trạm 110KV	đồng	482.552.000		482.552.000
10	Dịch vụ truyền số liệu 110KV	đồng	58.234.000		58.234.000
11	Mua sắm thiết bị VP	đồng		(1.659.163.437)	(1.659.163.437)
12	Cung cấp thiết bị hệ thống cấp nước ngoài hàng rào	đồng	2.346.308.500		2.346.308.500



13	Mua sắm thiết bị kho bãi nguyên liệu và TB vận tải Khu LH	đồng		(15.855.200.000)	(15.855.200.000)
14	Mua máy phát điện dự phòng 1000KVA	đồng		(13.860.000)	(13.860.000)
15	Mua sắm một xe 7 chỗ ngồi	đồng		(1.020.000.000)	(1.020.000.000)
16	Mua sắm một xe 15 chỗ ngồi	đồng		(639.200.000)	(639.200.000)
17	Mua sắm một xe 4 chỗ ngồi	đồng		(868.700.000)	(868.700.000)
18	Mua 02 xe ca 30 chỗ ngồi	đồng		(897.600.000)	(897.600.000)
19	Mua 02 xe tải nhẹ phục vụ nội bộ	đồng		(938.400.000)	(938.400.000)
20	Mua 01 xe cứu thương	đồng		(754.800.000)	(754.800.000)
21	Máy toàn đặc điện từ	đồng	297.990.000		297.990.000
22	Hệ thống thông tin thoại, mạng trụ sở VP	đồng	188.259.701		188.259.701
23	Thiết bị nhà ăn công nghiệp	đồng	326.239.000		326.239.000
<b>IV</b>	<b>Quản lý dự án</b>	đồng	<b>10.388.635.030</b>	<b>(3.588.506.679)</b>	<b>6.800.128.351</b>
1	CP quản lý dự án (Quản lý công ty đến 2011)	đồng	10.325.978.030		10.325.978.030
2	CP lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định	đồng		(1.078.982.837)	(1.078.982.837)
3	CP hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của Nhà thầu	đồng		(33.000.000)	(33.000.000)
4	Lệ phí thẩm định thiết kế kỹ thuật	đồng		(100.559.615)	(100.559.615)
5	Lệ phí thẩm định tổng dự toán	đồng		(75.964.227)	(75.964.227)
6	CP động thổ khởi công, khánh thành công trình	đồng		(150.000.000)	(150.000.000)
7	CP tuyên truyền, quảng cáo	đồng		(550.000.000)	(550.000.000)
8	Làm pa nô nhà máy	đồng	62.657.000		62.657.000
9	CP tổ chức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán	đồng		(200.000.000)	(200.000.000)
10	CP tổ chức nghiệm thu bàn giao công trình	đồng		(200.000.000)	(200.000.000)

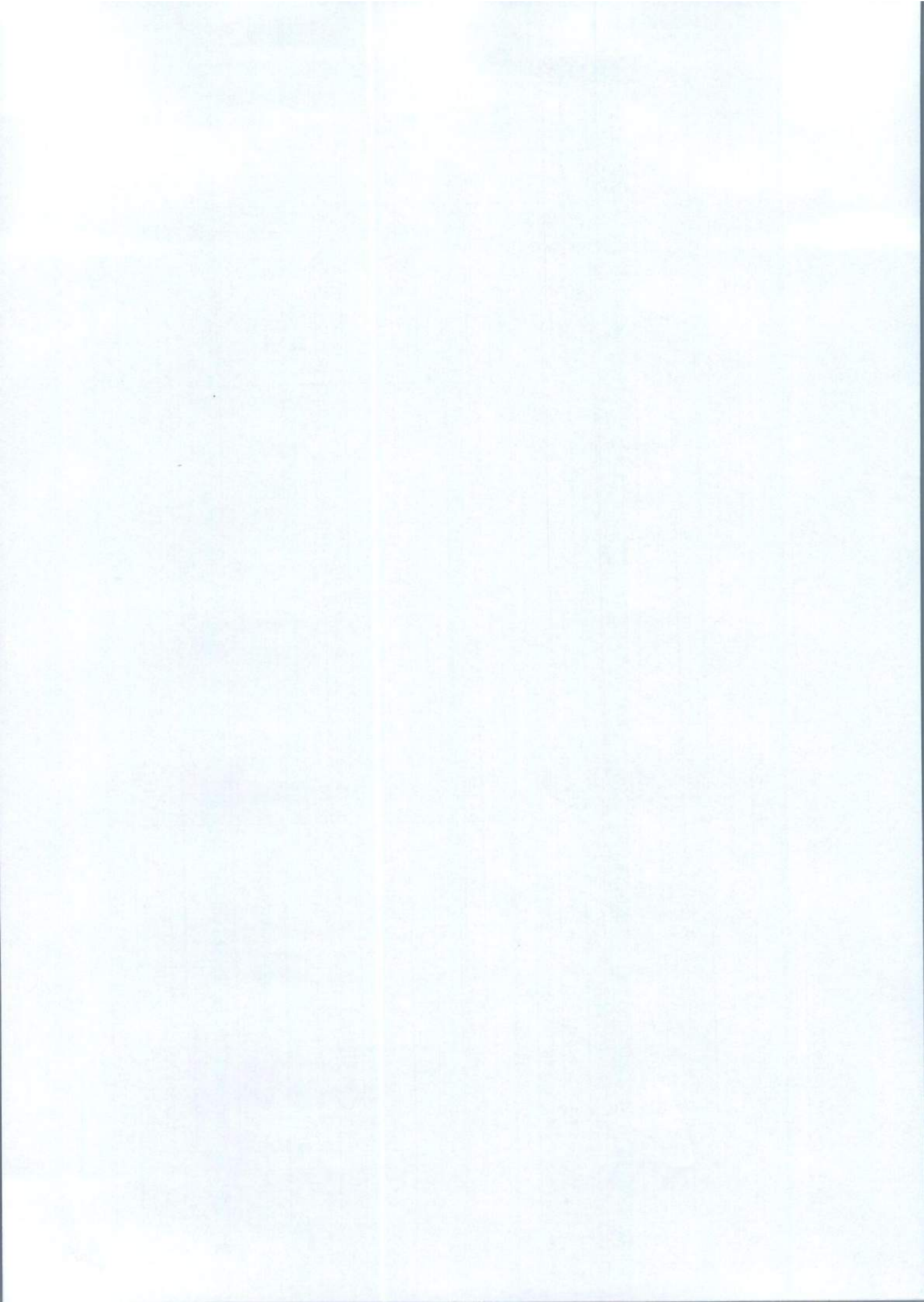


11	CP tổ chức, XD hệ thống quản lý chất lượng	đồng			(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
12	CP tổ chức đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường của ctrinh	đồng			(200.000.000)	(200.000.000)
V	Tư vấn	đồng	16.998.103.817		(8.104.608.346)	8.893.495.471
1	Chi phí thiết kế gói EPC	đồng	4.735.259.800			4.735.259.800
2	CP khảo sát lập dự án XD Khu LH (phần công nghệ)	đồng			(3.428.861.537)	(3.428.861.537)
3	CP khảo sát lập dự án XD Khu LH (phần kiến trúc)	đồng	420.888.000			420.888.000
4	CP thẩm định dự án ĐT XD Khu LH	đồng			(5.343.000)	(5.343.000)
5	CP thẩm định dự án thiết kế cơ sở XD Khu LH	đồng			(11.017.453)	(11.017.453)
6	CP lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	đồng			(3.700.000)	(3.700.000)
7	CP lập dự án, lập HSMST gói thi công trụ sở VP	đồng	559.693.412			559.693.412
8	CP lập đề án, khảo sát ĐC công trình Khu LH	đồng	123.442.424			123.442.424
9	CP khảo sát địa chất công trình	đồng			(1.032.637.000)	(1.032.637.000)
10	Thẩm tra phương án KT khảo sát ĐC CT Khu LH	đồng	3.337.700			3.337.700
11	CP giám sát thi công gói khảo sát Đ/C CT	đồng	30.053.000			30.053.000
12	CP khảo sát địa hình công trình Khu TĐC	đồng	44.899.999			44.899.999
13	CP lập TKKT, TKBVTC công trình Khu TĐC	đồng	3.300.000			3.300.000
14	CP khảo sát ĐH Khu LH	đồng			(19.857.000)	(19.857.000)
15	CP khảo sát TK di chuyển đường điện 35KV	đồng	36.149.443			36.149.443





16	CP thiết kế TC kè nội bộ Khu Liên hợp	đồng	-	-	-
17	CP thiết kế TC thoát nước trong nhà máy Khu Liên hợp	đồng	-	-	-
18	CP thiết kế TC mương nước Khu Liên hợp	đồng	-	-	-
19	CP thiết kế TC san nền Khu Liên hợp	đồng	-	-	-
20	CP giám sát thi công XD công trình san nền Khu liên hợp	đồng	-	(240.000.000)	(240.000.000)
21	Thiết kế XD công trình trường tiểu học	đồng	-	-	-
22	Thẩm tra thiết kế nhà trụ sở VP	đồng	52.459.450	-	52.459.450
23	T.kế cấp điện nhà trụ sở VP	đồng	32.024.243	-	32.024.243
24	Tư vấn giám sát thi công nhà trụ sở	đồng	-	(318.463.141)	(318.463.141)
25	Lập HS MT các gói thầu thuộc dự án trụ sở VP	đồng	-	-	-
26	CP khảo sát TK XD đường điện 35KV	đồng	-	(882.200.000)	(882.200.000)
27	Dịch vụ tư vấn pháp lý và dịch thuật	đồng	-	-	-
28	Cp thiết kế sửa đổi khu TĐC	đồng	30.888.000	-	-
29	Thẩm tra TKBVTC- tổng dự toán trạm điện 110KV	đồng	25.636.737	-	30.888.000
30	Khảo sát TK trạm 110KV	đồng	63.821.909	-	25.636.737
31	Tư vấn giám sát thi công lắp đặt TB trạm 110KV	đồng	-	(156.313.300)	63.821.909
32	T. vấn lập bổ sung quy hoạch phát triển điện GD 2011-2015	đồng	162.000.000	-	(156.313.300)
33	Khảo sát, TKKT lập dự toán gói cấp nước ngoài hàng rào	đồng	196.833.896	-	162.000.000
34	Giám sát XD, lắp đặt TB hệ thống cấp nước ngoài hàng rào	đồng	263.760.000	-	196.833.896
35	Khảo sát, TK công tường rào rãnh đĩnh	đồng	132.660.281	-	263.760.000
		đồng			132.660.281



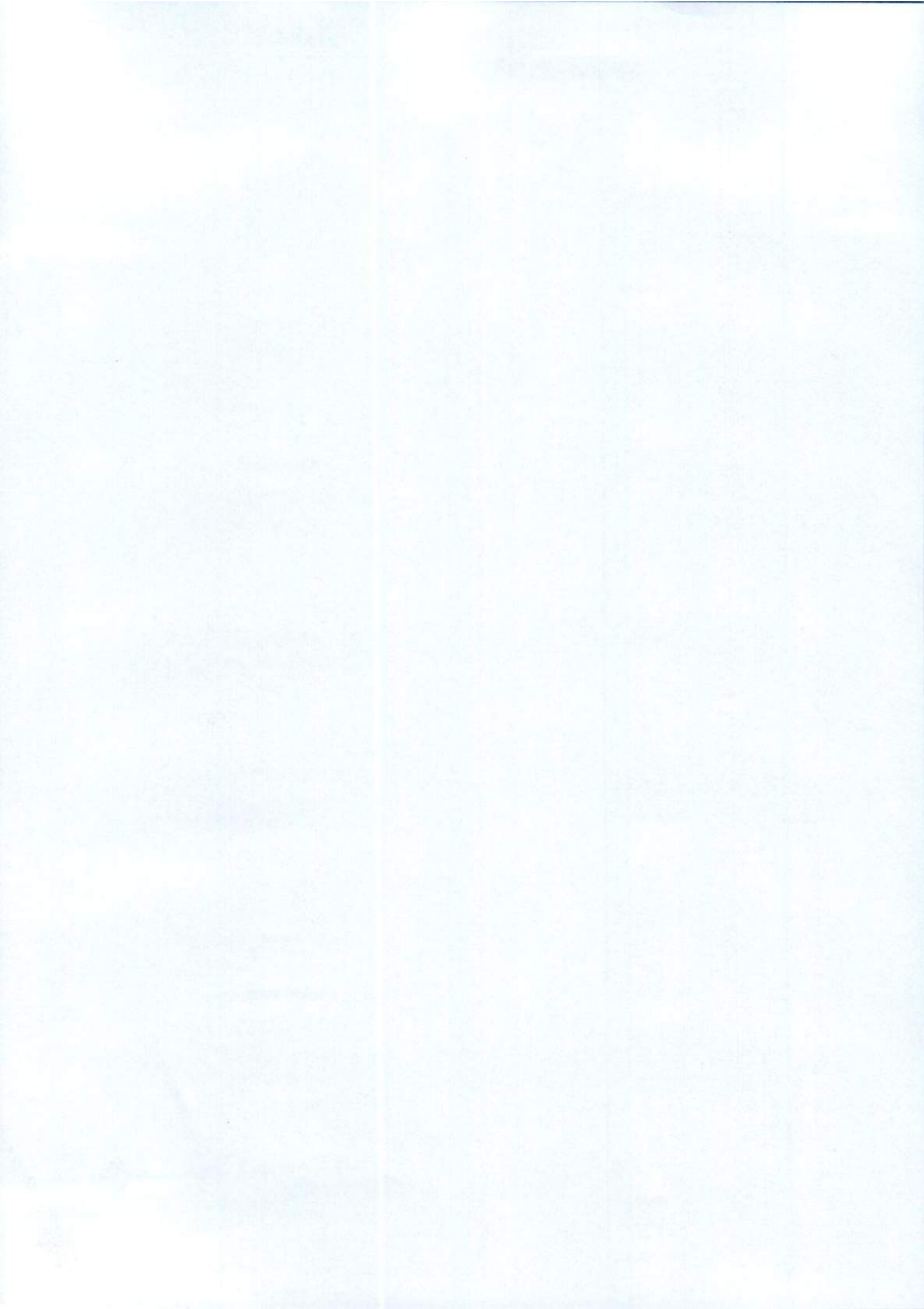
36	T. vắn giám sát XD công, tường rào rãnh đỉnh	đồng	80.436.118		80.436.118
37	Lập dự án, Tké, giám sát XD nhà ở CBCNV	đồng		(168.485.950)	(168.485.950)
38	Thiết kế nhà ở CBCNV	đồng		(661.208.818)	(661.208.818)
39	Tư vắn giám sát XD nhà ở CBCNV	đồng		(781.540.909)	(781.540.909)
40	Chi phí lập HSMT gói thầu EPC	đồng	413.198.500		413.198.500
41	Tư vắn thẩm tra TKKT, BVTC dự toán gói EPC	đồng		(394.980.238)	(394.980.238)
42	Tư vắn giám sát gói số 1	đồng	4.454.653.800		4.454.653.800
43	Giám định thiết bị	đồng	2.989.933.000		2.989.933.000
44	Tư vắn giám sát 1 số gói thầu ngoài gói EPC	đồng	-		-
45	Lập HS TKBVTC dự toán bổ sung gói 4	đồng	196.597.000		196.597.000
46	Khảo sát, lập BCTC, dự toán, lập HSMT bãi nguyên liệu	đồng	274.077.000		274.077.000
47	Thiết kế sửa đổi gói số 4	đồng	79.145.611		79.145.611
48	Thẩm tra TK BVTC hạng mục móng cọc	đồng	55.523.000		55.523.000
49	Thẩm tra TK BVTC hạng mục xử lý nền móng	đồng	116.829.000		116.829.000
50	TK bản vẽ nhà VP Ban QL	đồng	12.966.357		12.966.357
51	Lập lưới không chế và đo đạc lập bản đồ địa hình	đồng	374.085.000		374.085.000
52	Trích đo bản đồ đường ống dẫn nước gói cấp nước	đồng	20.900.880		20.900.880
53	Tư vắn thẩm tra quyết toán hoàn thành gói thầu số 04	đồng	500.000.000		500.000.000



54	Tư vấn đánh giá kết thúc, đánh giá tác động của dự án Khu LH GT CB theo quy định của pháp luật về giám sát và đánh giá đầu tư.							
<b>VI</b>	<b>Chi phí khác</b>	đồng	512.650.257					512.650.257
1	Chi phí đào tạo	đồng	<b>104.158.511.300</b>					<b>29.964.629.795</b>
2	CP chạy thử dây truyền (trong gói EPC)	đồng						-
3	CP đào tạo	đồng						-
4	Chi phí rà phá bom mìn vật liệu nổ Khu LH	đồng				(220.519.000)		(220.519.000)
5	Chi phí rà phá bom mìn vật liệu nổ Khu TĐC	đồng	128.068.439					128.068.439
6	BH gói XD Khu TĐC	đồng	26.000.000					26.000.000
7	BH gói số 4 san nền	đồng	315.000.000					315.000.000
8	BH gói EPC	đồng				(757.789.237)		(757.789.237)
9	BH gói XD trụ sở VP (TSCĐ ngoài gói EPC)	đồng				71.926.732		71.926.732
10	Dịch vụ tư vấn pháp lý và dịch thuật	đồng	929.632.000					929.632.000
11	Hỗ trợ xi măng cho trường Chu Trình	đồng	6.391.600					6.391.600
12	Chi phí thẩm tra - phê duyệt quyết toán	đồng	646.026.530					646.026.530
13	Hỗ trợ pháp lý trong quá trình thực hiện quyết toán dự án hoàn thành	đồng	275.000.000					275.000.000
14	Chi phí kiểm toán quyết toán	đồng	498.284.700					498.284.700
15	Lãi vay trong thời gian XD	đồng	18.169.264.068					18.169.264.068
16	Vốn lưu động cho sản xuất	đồng				(73.287.500.000)		(73.287.500.000)
17	Chi phí chạy thử	đồng	57.594.832.241					57.594.832.241
18	Đường và hàng rào tạm phục vụ thi công	đồng	303.597.000					303.597.000
19	Kiểm định chất lượng công trình gói số 4	đồng	7.502.000					7.502.000
	Phí quản lý khoản vay China	đồng	9.651.180.000					9.651.180.000



20	Phi cam kết và phí cho vay lại của khoản vay China	đồng	14.518.368.722		14.518.368.722
21	Lệ phí XD Khu liên hợp	đồng	1.089.364.000		1.089.364.000
<b>VII</b>	<b>Dự phòng phát sinh</b>	<b>đồng</b>		<b>(154.465.171.812)</b>	<b>(154.465.171.812)</b>





**V. ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU CHI PHÍ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN:**

TT	Nội dung	Giá trị (triệu đồng)		
		Quyết định phê duyệt (72/QĐ-HĐQT ngày 11/7/2008)	Điều chỉnh cơ cấu chi phí Tổng mức đầu tư	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5 = 4-3)
1	Chi phí xây dựng	691.498	524.186	(167.312)
2	Chi phí thiết bị	729.240	1.020.071	+ 290.831
3	Chi phí bồi thường GPMB, tái định cư	32.544	27.861	(4.683)
4	Chi phí quản lý dự án	18.768	25.568	+ 6.800
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	43.088	51.981	+ 8.893
6	Chi phí khác	213.464	243.428	+ 29.964
7	Chi phí dự phòng phát sinh(10%)	172.860	18.395	(154.465)
8	Dự phòng trượt giá tỷ giá ngoại tệ USD	10.030	0	(10.030)
	<b>Tổng số</b>	<b>1.911.492</b>	<b>1.911.492</b>	<b>-</b>

(Có các Phụ lục chi tiết kèm theo)

**\* Nguyên nhân, lý do chính cần điều chỉnh cơ cấu TMDT:**

**- Chi phí xây dựng giảm 167.312 triệu đồng do nguyên nhân chủ yếu sau:**

+ Do không thực hiện đầu tư xây dựng hạng mục nhà ở CBCNV.

+ Do giảm giá trị thực hiện gói thầu EPC: sau khi trúng thầu và nhà thầu bóc tách chi tiết giá hợp đồng, phần xây dựng giảm và phần thiết bị tăng.

+ Do thay đổi mặt bằng (điều chỉnh thu hẹp tổng mặt bằng) dẫn đến giảm giá trị gói thầu số 04.

+ Do giảm giá trị xây dựng trạm biến áp 110KVA.

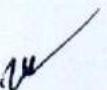
**- Chi phí thiết bị tăng 290.831 triệu đồng do nguyên nhân chủ yếu sau:**

+ Do tăng phần thiết bị gói EPC: sau khi trúng thầu và nhà thầu bóc tách chi tiết giá hợp đồng, phần xây dựng giảm và phần thiết bị tăng; việc thay đổi chịu một phần ảnh hưởng của việc thời gian dự án kéo dài, qua nhiều lần đàm phán thống nhất giữa 02 bên dẫn đến tăng do chênh lệch tỷ giá USD/VND.

+ Do tăng thêm một số gói thầu theo quy định của Nhà nước theo thời điểm như: Cung cấp dịch vụ kỹ thuật, tính toán tham số chỉnh định rơ le, XD quy định phối hợp vận hành TBA 110KV; Lập hồ sơ thỏa thuận hệ thống Rơ le bảo vệ tự động, cung cấp lắp đặt thiết bị, thí nghiệm hiệu chỉnh hệ thống Rơ le bảo vệ công trình TBA 110KV...

**- Chi phí bồi thường GPMB giảm 4.683 triệu đồng do nguyên nhân chủ yếu sau:**

+ Do không đầu tư khu nhà ở CBCNV nên giảm chi phí bồi thường GPMB khu đất này.

**- Chi phí quản lý dự án tăng 6.800 triệu đồng do nguyên nhân chủ yếu sau:**

+ Do thời gian thực hiện dự án kéo dài so với Quyết định số 88/QĐ-HĐQT ngày 29/8/2007 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khu LHGT Cao Bằng dẫn đến chi phí quản lý dự án tăng. Chi phí QLDA này hàng năm đã được HĐQT phê duyệt và đưa vào chi phí QLDA.

**- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng tăng 8.893 triệu đồng do nguyên nhân chủ yếu sau:**

+ Do tăng chi phí thiết kế gói thầu EPC, Chi phí khảo sát lập dự án xây dựng các gói thầu tại Khu LHGT.

+ Bổ sung chi phí giám định thiết bị gói thầu số 01-EPC do quá trình lập dự án chưa xem xét và tính toán đến.

+ Tăng chi phí tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị Gói thầu số 01-EPC do tiến độ thực hiện hợp đồng gói thầu EPC bị chậm và kéo dài.

+ Bổ sung chi phí thẩm tra thiết kế BVTC, dự toán hạng mục móng cọc do thay đổi phương án xử lý nền móng công trình.

+ Tăng chi phí thẩm tra quyết toán gói thầu số 04 và đánh giá kết thúc, đánh giá tác động của dự án Khu LHGT CB theo quy định của pháp luật về giám sát và đánh giá đầu tư.

**- Chi phí khác tăng 29.964 triệu đồng do nguyên nhân chủ yếu sau:**

+ Phát sinh tăng các chi phí: Phí cam kết và cho vay lại khoản vay China, phí quản lý khoản vay, lệ phí xây dựng, dịch vụ tư vấn pháp lý và dịch thuật,... do quá trình lập Tổng mức đầu tư chưa tính toán đến.

+ Tăng chi phí chạy thử do trong Tổng mức đầu tư chỉ tạm tính là 13 tỷ đồng theo tư vấn của Chuyên gia Trung Quốc, mặt khác do trượt giá vì dự án kéo dài đến tháng 10/2015 mới đưa dự án vào chạy thử.

+ Tăng chi phí lãi vay do dự án bị chậm và kéo dài.

**- Chi phí Dự phòng phát sinh giảm 154.465 triệu đồng do nguyên nhân chủ yếu sau:**

+ Phân bổ chi phí dự phòng vào các gói thầu do các yếu tố làm tăng, phát sinh giá trị các gói thầu và bổ sung thêm một số gói thầu khi lập Dự án chưa tính hết.

**- Chi phí Dự phòng trượt giá tỷ giá ngoại tệ USD giảm 10.030 triệu đồng do nguyên nhân chủ yếu sau:**

+ Thời gian thực hiện gói thầu 01- EPC kéo dài dẫn đến chênh lệch tỷ giá USD/VND, chi phí Dự phòng đã phân bổ vào gói thầu 01-EPC.

**VI. KẾT LUẬN:**

- Sự cần thiết điều chỉnh cơ cấu chi phí trong Tổng mức đầu tư của dự án đảm bảo theo quy định tại điều 61, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Điều 7, Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015.

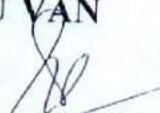
- Việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo quy định của Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu

tư xây dựng và Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.


- Căn cứ vào khoản 3, điều 7, Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 thì: "Trường hợp chỉ điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí gồm cả chi phí dự phòng nhưng không làm thay đổi giá trị tổng mức đầu tư xây dựng đã phê duyệt thì chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh, báo cáo người quyết định đầu tư và chịu trách nhiệm về việc điều chỉnh của mình".

Tổ tư vấn xin báo cáo Giám đốc Công ty xem xét, báo cáo cấp quyết định đầu tư xem xét và phê duyệt điều chỉnh cơ cấu chi phí Tổng mức đầu tư Dự án Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng để làm cơ sở quyết toán dự án hoàn thành./.

**THÀNH VIÊN TỔ TƯ VẤN**

- Khúc Thanh Hằng ..... 

- Chu Đức Ngọc ..... 

- Nguyễn Trung Thành ..... 

- Thân Văn Tùng ..... 

**TỔ TRƯỞNG**



**Nguyễn Văn Tuấn**



Số: 54/TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 05 tháng 6 năm 2020

## TỜ TRÌNH

Về việc **Tổng công ty khoáng sản-TKV (Vimico) và các đối tác liên danh thực hiện khai thác quặng sắt tại khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa từ năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện chủ trương xã hội hóa đầu tư khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa Cao Bằng đã được thông qua tại Đại hội thường niên năm 2018 (Nghị quyết số 648/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2018). Công ty CP Gang thép Cao Bằng đã phát hành hồ sơ mời hợp tác đầu tư, cụ thể Đợt 1 từ ngày 05/11/2018 đến 26/11/2018 và đợt 2 từ ngày 19/12/2018 đến 09/01/2019. Tuy nhiên không có đơn vị nào tham gia nộp hồ sơ.

Tháng 4/2019 Công ty đã điều chỉnh Phương án hợp tác đầu tư Khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua tại Nghị quyết số 646/NQ-CISCO ngày 22/4/2019; Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị hợp tác đầu tư.

Sau khi Phương án hợp tác đầu tư khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa (điều chỉnh) được thông qua, Công ty tiếp tục phát hành hồ sơ mời hợp tác đầu tư đợt 3 từ ngày 09/5/2019 đến 30/5/2019 và đợt 4 từ ngày 12/6/2019 đến 15/7/2019. Đến thời điểm kết thúc nhận hồ sơ đề xuất của các đợt phát hành hồ sơ mời hợp tác đầu tư nêu trên, không có đơn vị nào quan tâm nhận hồ sơ.

Căn cứ kế hoạch sản xuất và nhu cầu sử dụng quặng sắt của Nhà máy Gang thép Cao Bằng trong năm 2020, để đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho Nhà máy Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hợp tác với Tổng công ty Khoáng sản – TKV (Vimico) và các đối tác liên danh thực hiện khai thác quặng sắt tại khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa từ năm 2020 để kịp thời đáp ứng nguồn nguyên liệu quặng sắt phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ủy quyền cho HĐQT công ty triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH   
  
Bùi Tiên Hải



Số: 55 /TTr-BKS

Cao Bằng, ngày 05 tháng 6 năm 2020

## TỜ TRÌNH

### VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính của Công ty như sau:

#### 1. Các tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

Ban kiểm soát đề xuất với Đại hội đồng cổ đông tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- Là đơn vị hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2020.
- Việc kiểm toán phải tuân thủ các quy định của chuẩn mực kế toán, hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS).
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Công ty.

#### 2. Đề xuất về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các tiêu chí lựa chọn đơn vị Kiểm toán thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty như trên;

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Giám đốc Công ty thống nhất và phối hợp với Ban kiểm soát lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội xem xét và thông qua./.

Trân trọng cảm ơn!

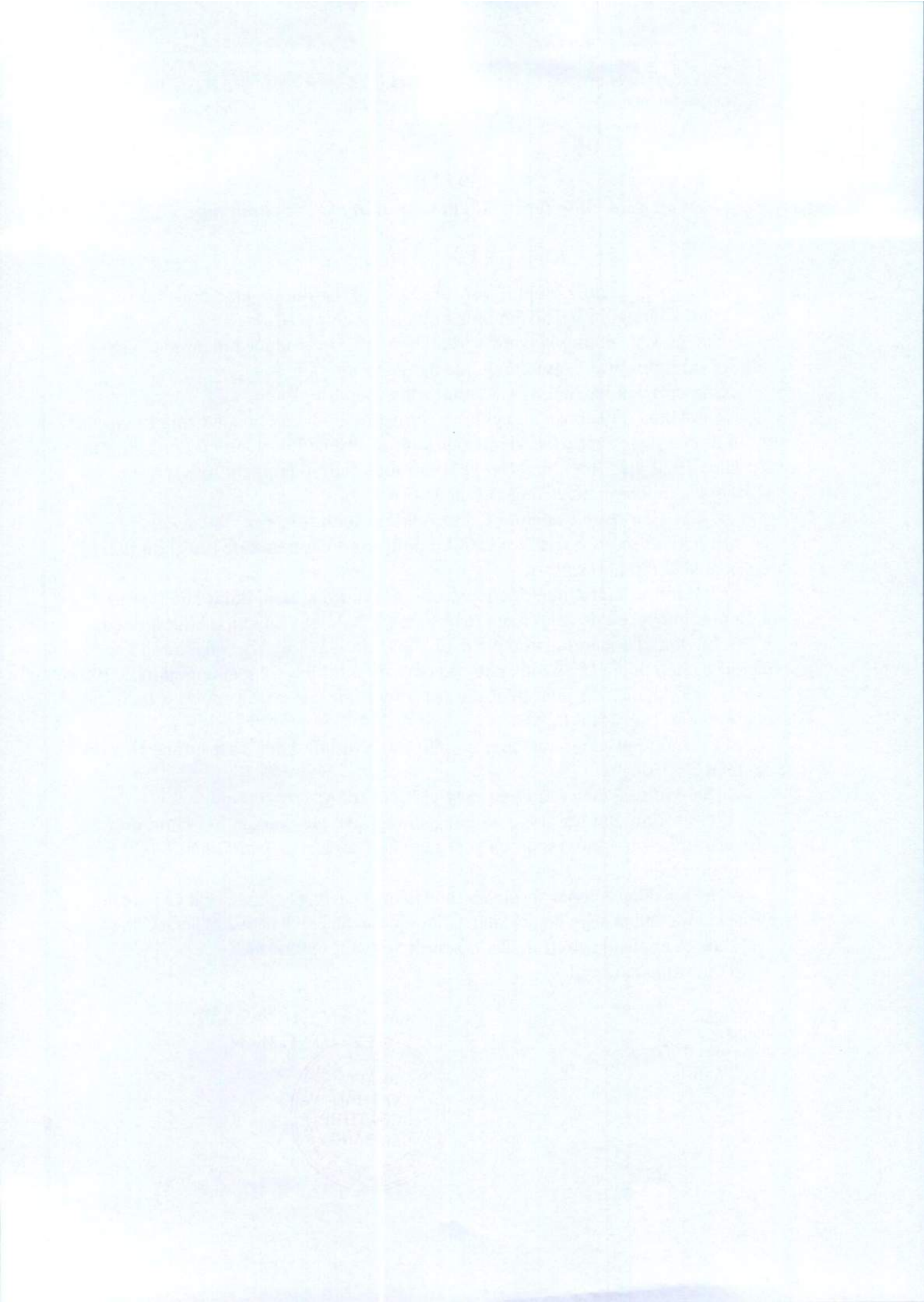
#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Lưu: VP, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thanh Hương





Số: 56/TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 05 tháng 6 năm 2020

## TỜ TRÌNH

### Về việc thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019 Và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2020

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 11/10/2006; Sửa đổi, bổ sung lần thứ ba ngày 27/4/2018.

Thực hiện Nghị quyết số 646/NQ-DHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên thường niên năm 2019 thông qua mức thù lao đối với các thành viên HĐQT, BKS và Thư ký năm 2019.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thực hiện việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2020, cụ thể như sau:

#### 1. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019:

TT	Chức danh	Số lượng	Tiền thù lao đồng/người/tháng	Số tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	2.400.000	12	28.800.000
2	Thành viên HĐQT	4	2.100.000	12	100.800.000
3	Trưởng BKS	1	2.100.000	12	25.200.000
4	Thành viên BKS	2	1.900.000	12	45.600.000
	<b>Cộng</b>	<b>9</b>			<b>200.400.000</b>

(Bằng chữ: Hai trăm triệu, bốn trăm nghìn đồng)

#### 2. Kế hoạch mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức lương cơ bản Tr.đ/ng/th	Tiền thù lao đồng/ng/tháng	Số tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	24,0	2.400.000	12	28.800.000
2	Thành viên HĐQT	4	21,0	2.100.000	12	100.800.000
3	Trưởng BKS	1	21,0	2.100.000	12	25.200.000
4	Ủy viên BKS	2	19,0	1.900.000	12	45.600.000
	<b>Cộng</b>					<b>200.400.000</b>

(Bằng chữ: Hai trăm triệu, bốn trăm nghìn đồng)

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung nêu trên.

Trân trọng cảm ơn!

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu: VP, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Bùi Tiến Hải**

**DỰ THẢO**

Cao Bằng, ngày tháng năm 2020

**BIÊN BẢN**

**HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Hôm nay, vào hồi 7h30 ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại phòng họp tầng 2, Văn phòng Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Địa chỉ: Km7, QL4A, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty được tiến hành với các nội dung sau:

**A. Tên, địa chỉ, trụ sở chính, mã số Doanh nghiệp**

1. Tên: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

2. Địa chỉ: Số 052, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

3. Mã số Doanh nghiệp: 4800162247 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 18/10/2016, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 21/6/2019.

**B. Thành phần tham dự, tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội**

**I. Thành phần tham dự**

1. Cổ đông hoặc người được ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 27/5/2020 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam xác nhận.

2. Các ông/bà là thành viên HĐQT, thành viên BKS; Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

**II. Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội**

1. Đại hội nghe ông Thân Văn Tùng - Phó phòng Đầu tư Xây dựng, Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội trình bày Báo cáo kết quả kiểm tra thông tin cổ đông tham dự Đại hội.

- Tính đến thời điểm 17h00' ngày 27/5/2020, số cổ đông của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng có quyền tham dự Đại hội là 260 cổ đông (tổ chức, cá nhân) đại diện cho 43.006.366 cổ phần của Công ty có quyền biểu quyết theo xác nhận của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

- Tính đến thời điểm 08h00' ngày 22/6/2020, số cổ đông và người được ủy quyền đại diện đến tham dự Đại hội là .... người, đại diện cho ..... cổ phần,

đạt tỷ lệ .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông có mặt đều có đủ tư cách tham dự Đại hội.

2. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

### **C. Nội dung và diễn biến Đại hội**

#### **I. Phần khai mạc đại hội**

1. Ông Nguyễn Bá Sinh - Trưởng phòng TCHC Công ty thay mặt cho Ban tổ chức Đại hội tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, trình bày toàn văn Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ tán thành đạt 100%.

2. Theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức Đại hội, Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Ông Bùi Tiến Hải mời ông Nguyễn Văn Phương - Giám đốc Công ty và ông Trịnh Văn Tuấn - Thành viên HĐQT Công ty cùng tham gia làm đồng chủ tọa Đại hội.

Ông Bùi Tiến Hải phát biểu khai mạc Đại hội.

3. Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tọa Đại hội giới thiệu Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu Đại hội và đề nghị Đại hội biểu quyết thông qua gồm:

3.1. Thành phần Ban thư ký:

- Ông Nông Đình Nghĩa - Phó phòng KHVT, Thư ký Công ty.
- Bà Lê Thị Linh Đa - CV phòng TCHC;

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ tán thành đạt 100%.

3.2. Thành phần Ban kiểm phiếu:

- Ông Thân Văn Tùng - PP Đầu tư Xây dựng Trưởng ban;
- Ông Vũ Duy Tín - PP Kế hoạch Vật tư Ủy viên;
- Ông Nguyễn Văn Dưỡng - PP KT Mỏ Ủy viên;
- Ông Huỳnh Cao Thái - PP An toàn Môi trường Ủy viên;
- Bà Bùi Thị Hoa - CV Phòng Kế toán Tài chính Ủy viên;
- Bà Nguyễn Thị Huệ - CV Phòng Kế hoạch Vật tư Ủy viên;
- Bà Đàm Thị Thư - CV Phòng Kế toán Tài chính Ủy viên;

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ tán thành đạt 100%.

4. Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tọa Đại hội công bố chương trình Đại hội (chương trình của Đại hội đã được công bố thông tin theo quy định). Đề nghị Đại hội biểu quyết. Kết quả Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ tán thành đạt 100% (có chương trình đại hội kèm theo).

## II. Nội dung chính Đại hội

### 1. Trình bày các dự thảo Báo cáo và Tờ trình

1.1. Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tịch HĐQT Công ty thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày Báo cáo số 810/BC-HĐQT ngày 05/6/2020 về việc bổ nhiệm Giám đốc Công ty.

1.2. Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tịch HĐQT Công ty thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày Tờ trình số 49/TTr-HĐQT ngày 05/6/2020 về việc thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022.

1.3. Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tịch HĐQT Công ty thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày Tờ trình số 50/TTr-HĐQT ngày 05/6/2020 về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2017-2022.

1.4. Ông Thân Văn Tùng - Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu đã trình bày trước Đại hội về Quy chế bầu cử bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2017-2022. Đại hội đã biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2017-2022. Tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Ban kiểm phiếu đã hướng dẫn Cổ đông thực hiện quyền bầu cử. Đại hội đã tiến hành thủ tục bỏ phiếu bầu cử bổ sung thay thế thành viên BKS nhiệm kỳ 2017-2022.

1.5. Ông Nguyễn Văn Phương - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày Báo cáo số 811/BC-HĐQT ngày 05/6/2020 về kết quả SXKD thực hiện NQ ĐHĐCĐ năm 2019, kế hoạch SXKD năm 2020 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

a) Kết quả SXKD, ĐTXD thực hiện nghị quyết Đại hội ĐCĐ năm 2019:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ %
<b>I</b>	<b>Sản phẩm, bán thành phẩm sản xuất</b>				
1	<i>Khai tuyến</i>				
-	Đất, đá bóc thải	M3	750.000	206.375	27,52
-	Quặng sắt nguyên khai	Tấn	250.000	225.066	90,03
	<i>Trong đó: Quặng hợp cách</i>	<i>Tấn</i>	<i>150.000</i>	<i>154.335</i>	<i>102,89</i>
-	Quặng 0-8mm	Tấn	94.000	89.651	95,37
-	Quặng 8-38mm	Tấn	76.000	70.499	92,76
-	Tinh quặng	Tấn	50.000	54.205	108,41
2	<i>Luyện kim</i>				
-	Phôi thép	Tấn	220.000	220.368	100,17
-	Quặng thiêu kết	Tấn	328.297	325.307	99,09
-	Gang lỏng	Tấn	224.400	213.402	95,10
<b>II</b>	<b>Sản phẩm tiêu thụ</b>				
-	Phôi thép	Tấn	240.000	229.375	95,57
<b>III</b>	<b>Các chỉ tiêu giá trị</b>				
-	Tổng doanh thu	Tr.đồng	2.797.043	2.377.127	84,99
-	Nộp ngân sách	Tr.đồng	58.486	55.435	94,78

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ %
-	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	58.339	(133.365)	/
-	Chi phí quản lý + bán hàng	Tr.đồng	31.993	35.822	111,97
-	Lãi vay + CP tài chính	Tr.đồng			
<b>IV</b>	<b>Chế độ người lao động</b>				
-	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	80.305	73.941	92,08
-	Lao động sử dụng bình quân	người	900	873	97,00
-	Tiền lương bình quân	Trđ/ng/th	7,43	7,06	94,93
<b>V</b>	<b>ĐTXD, SCL, SCTX, ATMT</b>				
-	Đầu tư xây dựng	Tr.đồng	15.823	4.800	30,33
-	Sửa chữa lớn	Tr.đồng	20.943	17.540	83,75
-	Sửa chữa thường xuyên	Tr.đồng	30.186	35.016	116,00
-	An toàn - Bảo hộ lao động	Tr.đồng	7.697	7.370	95,75
-	Môi trường thường xuyên	Tr.đồng	2.380	923	38,78

b) Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2020:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ %
<b>I</b>	<b>Sản phẩm, bán thành phẩm sản xuất</b>				
<b>1</b>	<b>Khai tuyển</b>				
-	Đất, đá bóc thải	M3	206.375	600.000	290,73
-	Quặng sắt nguyên khai	Tấn	225.066	200.000	88,86
	<i>Trong đó: Quặng hợp cách</i>	<i>Tấn</i>	<i>154.335</i>	<i>100.000</i>	<i>64,79</i>
-	Quặng 0-8mm	Tấn	89.651	50.000	55,77
-	Quặng 8-38mm	Tấn	70.499	50.000	70,92
-	Tinh quặng	Tấn	54.205	93.000	138,36
<b>2</b>	<b>Luyện kim</b>				
-	Phôi thép	Tấn	220.368	220.000	99,83
-	Quặng thiêu kết	Tấn	325.307	328.800	105,38
-	Gang lỏng	Tấn	213.402	215.600	100,41
<b>II</b>	<b>Sản phẩm tiêu thụ</b>				
-	Phôi thép	Tấn	229.375	220.000	95,91
<b>III</b>	<b>Các chỉ tiêu giá trị</b>				
-	Tổng doanh thu	Tr.đồng	2.377.127	2.356.800	99,14
-	Nộp ngân sách	Tr.đồng	55.435	45.020	75,07
-	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	(133.365)	32.968	/
-	Chi phí quản lý + bán hàng	Tr.đồng	35.822	37.563	106,59
-	Lãi vay + CP tài chính	Tr.đồng	98.771	101.458	102,72
<b>IV</b>	<b>Chế độ người lao động</b>				
-	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	73.941	76.943	104,06
-	Lao động sử dụng bình quân	người	873	870	99,66
-	Tiền lương bình quân	Trđ/ng/th	7,06	7,370	104,39
<b>V</b>	<b>ĐTXD, SCL, SCTX, ATMT</b>				
-	Đầu tư xây dựng	Tr.đồng	4.800	36.034	750,74
-	Sửa chữa lớn	Tr.đồng	17.540	30.290	172,69
-	Sửa chữa thường xuyên	Tr.đồng	35.016	32.964	94,14
-	An toàn - Bảo hộ lao động	Tr.đồng	7.370	6.316	85,70
-	Môi trường thường xuyên	Tr.đồng	923	2.395	259,48

(Có báo cáo chi tiết kèm theo)

**1.6.** Ông Bùi Tiến Hải, Chủ tịch HĐQT Công ty thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày Báo cáo số 812/BC-HĐQT ngày 05/6/2020 về việc báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 (có báo cáo kèm theo).

**1.7.** Ông Lê Văn Lương - Thành viên Ban kiểm soát Công ty thay mặt Ban kiểm soát trình bày Báo cáo số 813/BC-BKS ngày 05/6/2020 về việc báo cáo hoạt động của BKS 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 (có báo cáo kèm theo).

**1.8.** Ông Đỗ Ngọc Hải - Kế toán trưởng Công ty thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày các nội dung:

- Tờ trình số 51/TTr-HĐQT ngày 05/6/2020 về việc thông qua BC tài chính năm 2019 đã được kiểm toán (có tờ trình kèm theo).

- Tờ trình số 52/TTr-HĐQT ngày 05/6/2020 về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 (có tờ trình kèm theo).

**1.9.** Ông Trịnh Văn Tuấn - Thành viên HĐQT Công ty thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày Tờ trình số 53/TTr-HĐQT ngày 05/6/2020 về việc thông qua việc điều chỉnh cơ cấu chi phí Tổng mức đầu tư Dự án Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng (có tờ trình kèm theo).

**1.10.** Ông Trịnh Văn Tuấn - Thành viên HĐQT Công ty thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày Tờ trình số 54/TTr-HĐQT ngày 05/6/2020 thông qua việc Tổng công ty khoáng sản - TKV (Vimico) và các đối tác liên danh thực hiện khai thác quặng sắt tại khu Bắc mỏ sắt Nà Rạ từ năm 2020 (có tờ trình kèm theo).

**1.11.** Ông Lê Văn Lương - Thành viên Ban kiểm soát Công ty thay mặt Ban kiểm soát trình bày Tờ trình số 55/TTr-HĐQT ngày 05/6/2020 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 (có tờ trình kèm theo).

**1.12.** Ông Nguyễn Văn Phương - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày Tờ trình số 56/TTr-HĐQT ngày 05/6/2020 thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2019 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2020 (có tờ trình kèm theo).

## **2. Đại hội tiến hành nghỉ giải lao 15 phút**

## **3. Phần thảo luận**

Dưới sự chủ trì của Chủ tọa, Đại hội chuyển sang phần thảo luận. Các cổ đông thảo luận, đóng góp ý kiến về các nội dung được trình bày tại Đại hội. Các ý kiến tập trung vào các nhóm nội dung sau:.....

Sau khi nghe các ý kiến giải đáp của Ban chủ tọa các Cổ đông không có ý kiến gì thêm.

**4. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng thẻ biểu quyết thông qua nội dung các Báo cáo và Tờ trình (mục 1.2 và từ mục 1.5 đến mục 1.12)**

Ông Thân Văn Tùng - Trưởng ban kiểm phiếu phổ biến thể lệ biểu quyết bằng thẻ biểu quyết và triển khai các công việc của Ban kiểm phiếu.

Đại hội tiến hành biểu quyết bằng thẻ biểu quyết theo từng nội dung đã được quy định tại Chương trình Đại hội. Ban kiểm phiếu làm việc.

### **5. Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu**

- Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tọa đại hội mời Ban kiểm phiếu lên công bố Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 và kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung, tờ trình nêu trên.

- Ông Thân Văn Tùng - Trưởng ban kiểm phiếu trình bày Biên bản kiểm phiếu bầu cử bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2017-2022 và trình bày Biên bản kết quả kiểm phiếu biểu quyết. Những nội dung đã được Đại hội biểu quyết, tỷ lệ biểu quyết theo thứ tự tán thành, không tán thành, không có ý kiến được công bố chi tiết đầy đủ theo từng nội dung (*có biên bản kiểm phiếu kèm theo*).

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; Căn cứ kết quả ghi tại Biên bản kiểm phiếu biểu quyết. Chủ tọa Đại hội kết luận những vấn đề đã được Đại hội thông qua và không thông qua.

### **6. Các nội dung được Đại hội thông qua gồm:**

**6.1.** Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022.

Theo quy định tại khoản 8 Điều 26 Điều lệ Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 955/NQ-HĐQT ngày 17/6/2019 và Nghị quyết số 616/NQ-HĐQT ngày 29/04/2020 về việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT đối với Ông Vương Thanh Giang và Ông Nông Minh Huyền đồng thời bầu bổ sung chức vụ thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Văn Phương và Ông Tô Xuân Thanh.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thống nhất thông qua:

- Miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT đối với Ông Vương Thanh Giang và Ông Nông Minh Huyền;

- Bổ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 đối với Ông Nguyễn Văn Phương và Ông Tô Xuân Thanh.

Tỷ lệ biểu quyết: Tán thành 100 %; không tán thành 0%; không có ý kiến 0%.

**6.2.** Thông qua việc bầu cử bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2017-2022

**6.2.1.** Thông qua Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2017-2022:

- Miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS đối với Bà Nguyễn Thanh Hương và Bà Đào Vân Anh;

- Thông qua Danh sách ứng viên bầu cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2017-2020: Ông Nguyễn Hữu Cường và Ông Hoàng Văn Sáng;



- Thông qua quy chế bầu cử bổ sung BKS Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết: Tán thành 100 %; không tán thành 0%; không có ý kiến 0%.

**6.2.2. Kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022:**

Căn cứ kết quả kiểm phiếu bầu cử và Quy chế bầu cử đã được ĐHĐCĐ thông qua, Ông Hoàng Văn Sáng - Trưởng nhóm Kiểm toán nội bộ Công ty CP Xây lắp điện I trúng cử thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng nhiệm kỳ 2017-2022; Ông Nguyễn Hữu Cường – Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng công ty Khoáng sản TKV đã trúng cử thành viên BKS Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng nhiệm kỳ 2017-2022.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã họp và thống nhất bầu Ông Hoàng Văn Sáng giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng nhiệm kỳ 2017-2022.

**6.3. Thông qua báo cáo kết quả SXKD thực hiện NQ ĐHĐCĐ năm 2019, kế hoạch SXKD năm 2020.**

Tỷ lệ biểu quyết: Tán thành 100 %; không tán thành 0%; không có ý kiến 0%.

**6.4. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020.**

Tỷ lệ biểu quyết: Tán thành 100 %; không tán thành 0%; không có ý kiến 0%.

**6.5. Thông qua báo cáo hoạt động của BKS 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020.**

Tỷ lệ biểu quyết: Tán thành 100 %; không tán thành 0%; không có ý kiến 0%.

**6.6. Thông qua báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.**

Tỷ lệ biểu quyết: Tán thành 100 %; không tán thành 0%; không có ý kiến 0%.

**6.7. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020.**

Tỷ lệ biểu quyết: Tán thành 100 %; không tán thành 0%; không có ý kiến 0%.

**6.8. Thông qua việc Điều chỉnh cơ cấu chi phí Tổng mức đầu tư Dự án Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng.**

Tỷ lệ biểu quyết: Tán thành 100 %; không tán thành 0%; không có ý kiến 0%.

**6.9. Thông qua việc Tổng công ty khoáng sản - TKV (Vimico) và các đối tác liên danh thực hiện khai thác quặng sắt tại khu Bắc mỏ sắt Nà Rạ từ năm 2020.**

Tỷ lệ biểu quyết: Tán thành 100 %; không tán thành 0%; không có ý kiến 0%.

**6.10. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.**

Tỷ lệ biểu quyết: Tán thành 100 %; không tán thành 0%; không có ý kiến 0%.

**6.11. Thông qua Kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2020.**

Tỷ lệ biểu quyết: Tán thành 100 %; không tán thành 0%; không có ý kiến 0%.

**7. Các nội dung không được Đại hội thông qua gồm:**

**7.1.** Không thông qua thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2019.

Tỷ lệ biểu quyết: Tán thành .....%; không tán thành .....%; không có ý kiến .....%.

**C. Trình bày và biểu quyết thông qua biên bản, nghị quyết Đại hội**

1. Ông Nông Đình Nghĩa - Thay mặt Ban thư ký trình bày trước Đại hội toàn văn dự thảo biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

2. Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tọa Đại hội đề nghị Đại hội cho ý kiến với nội dung dự thảo biên bản, nghị quyết Đại hội. Đại hội không có ý kiến gì thêm.

3. Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tọa Đại hội đề nghị Đại hội biểu quyết thông qua biên bản, nghị quyết Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ: Tán thành 100%; không tán thành 0 %; không có ý kiến 0 %.

**D. Bế mạc Đại hội**

Ông Bùi Tiến Hải - Chủ tọa Đại hội đọc diễn văn bế mạc Đại hội, cảm ơn các Quý vị cổ đông đã tới tham dự Đại hội.

Đại hội kết thúc vào lúc 12h00' ngày 22 tháng 06 năm 2020./.

**TM. BAN THƯ KÝ**

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT - CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

**Nông Đình Nghĩa**

**Bùi Tiến Hải**

Số: /NQ-DHĐCĐ

Cao Bằng, ngày 22 tháng 6 năm 2020

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 11/10/2006; Sửa đổi, bổ sung lần 3 ngày 27/4/2018;

Căn Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng ngày 22/6/2020,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội và chương trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (có văn bản kèm theo).

**Điều 2.** Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2017-2022.

- Miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT đối với Ông Vương Thanh Giang và Ông Nông Minh Huyền.

- Bổ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 đối với Ông Nguyễn Văn Phương và Ông Tô Xuân Thanh.

**Điều 3.** Thông qua Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2017-2022:

- Miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS đối với Bà Nguyễn Thanh Hương và Bà Đào Văn Anh;

- Thông qua Danh sách ứng viên bầu cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2017-2020: Ông Nguyễn Hữu Cường và Ông Hoàng Văn Sáng;

- Thông qua quy chế bầu cử bổ sung BKS Công ty.

**Điều 4.** Kết quả bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm Công ty kỳ 2017-2022.

Ông Hoàng Văn Sáng - Trưởng nhóm Kiểm toán nội bộ Công ty CP Xây lắp điện I trúng cử thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng nhiệm kỳ 2017-2022.

Ông Nguyễn Hữu Cường - Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng công ty Khoáng sản - TKV trúng cử thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng nhiệm kỳ 2017-2022.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã họp và thống nhất bầu Ông Hoàng Văn Sáng giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng nhiệm kỳ 2017-2022.

**Điều 5.** Thông qua Báo cáo kết quả SXKD, ĐTXD thực hiện nghị quyết Đại hội ĐCĐ năm 2019, Kế hoạch SXKD năm 2020 với các chỉ tiêu chính như sau:

**1. Kết quả thực hiện SXKD, ĐTXD, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ %
<b>I</b>	<b>Sản phẩm, bán thành phẩm sản xuất</b>				
<i>1</i>	<i>Khai tuyển</i>				
-	Đất, đá bóc thải	M3	750.000	206.375	27,52
-	Quặng sắt nguyên khai	Tấn	250.000	225.066	90,03
	<i>Trong đó: Quặng hợp cách</i>	<i>Tấn</i>	<i>150.000</i>	<i>154.335</i>	<i>102,89</i>
-	Quặng 0-8mm	Tấn	94.000	89.651	95,37
-	Quặng 8-38mm	Tấn	76.000	70.499	92,76
-	Tinh quặng	Tấn	50.000	54.205	108,41
<i>2</i>	<i>Luyện kim</i>				
-	Phôi thép	Tấn	220.000	220.368	100,17
-	Quặng thiêu kết	Tấn	328.297	325.307	99,09
-	Gang lỏng	Tấn	224.400	213.402	95,10
<b>II</b>	<b>Sản phẩm tiêu thụ</b>				
-	Phôi thép	Tấn	240.000	229.375	95,57
<b>III</b>	<b>Các chỉ tiêu giá trị</b>				
-	Tổng doanh thu	Tr.đồng	2.797.043	2.377.127	84,99
-	Nộp ngân sách	Tr.đồng	58.486	55.435	94,78
-	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	58.339	(133.365)	/
-	Chi phí quản lý + bán hàng	Tr.đồng	31.993	35.822	111,97
-	Lãi vay + CP tài chính	Tr.đồng			
<b>IV</b>	<b>Chế độ người lao động</b>				
-	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	80.305	73.941	92,08
-	Lao động sử dụng bình quân	người	900	873	97,00
-	Tiền lương bình quân	Trđ/ng/th	7,43	7,06	94,93
<b>V</b>	<b>ĐTXD, SCL, SCTX, ATMT</b>				
-	Đầu tư xây dựng	Tr.đồng	15.823	4.800	30,33
-	Sửa chữa lớn	Tr.đồng	20.943	17.540	83,75
-	Sửa chữa thường xuyên	Tr.đồng	30.186	35.016	116,00
-	An toàn - Bảo hộ lao động	Tr.đồng	7.697	7.370	95,75
-	Môi trường thường xuyên	Tr.đồng	2.380	923	38,78

**2. Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2020:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ %
<b>I</b>	<b>Sản phẩm, bán thành phẩm sản xuất</b>				
<b>1</b>	<b>Khai tuyển</b>				
-	Đất, đá bóc thải	M3	206.375	600.000	290,73
-	Quặng sắt nguyên khai	Tấn	225.066	200.000	88,86
	<i>Trong đó: Quặng hợp cách</i>	<i>Tấn</i>	<i>154.335</i>	<i>100.000</i>	<i>64,79</i>
-	Quặng 0-8mm	Tấn	89.651	50.000	55,77
-	Quặng 8-38mm	Tấn	70.499	50.000	70,92
-	Tinh quặng	Tấn	54.205	93.000	138,36
<b>2</b>	<b>Luyện kim</b>				
-	Phôi thép	Tấn	220.368	220.000	99,83

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ %
-	Quặng thiêu kết	Tấn	325.307	328.800	105,38
-	Gang lỏng	Tấn	213.402	215.600	100,41
<b>II</b>	<b>Sản phẩm tiêu thụ</b>				
-	Phôi thép	Tấn	229.375	220.000	95,91
<b>III</b>	<b>Các chỉ tiêu giá trị</b>				
-	Tổng doanh thu	Tr.đồng	2.377.127	2.356.800	99,14
-	Nộp ngân sách	Tr.đồng	55.435	45.020	75,07
-	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	(133.365)	32.968	/
-	Chi phí quản lý + bán hàng	Tr.đồng	35.822	37.563	106,59
-	Lãi vay + CP tài chính	Tr.đồng	98.771	101.458	102,72
<b>IV</b>	<b>Chế độ người lao động</b>				
-	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	73.941	76.943	104,06
-	Lao động sử dụng bình quân	người	873	870	99,66
-	Tiền lương bình quân	Trđ/ng/th	7,06	7,370	104,39
<b>V</b>	<b>ĐTXD, SCL, SCTX, ATMT</b>				
-	Đầu tư xây dựng	Tr.đồng	4.800	36.034	750,74
-	Sửa chữa lớn	Tr.đồng	17.540	30.290	172,69
-	Sửa chữa thường xuyên	Tr.đồng	35.016	32.964	94,14
-	An toàn - Bảo hộ lao động	Tr.đồng	7.370	6.316	85,70
-	Môi trường thường xuyên	Tr.đồng	923	2.395	259,48

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch, căn cứ vào tình hình thực tế, biến động giá cả của thị trường chủ động điều chỉnh kế hoạch phù hợp nhằm đảm bảo được mục tiêu kế hoạch lợi nhuận, duy trì sản xuất ổn định, bảo toàn, phát triển vốn.

**Điều 6.** Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và kế hoạch năm 2020.

**Điều 7.** Thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2019 và kế hoạch năm 2020.

**Điều 8.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.

**Điều 9.** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020, cụ thể:

Kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty lỗ 133,365 tỷ đồng, nên Công ty sẽ không có cổ tức và không trích lập các quỹ trong năm 2020.

Năm 2020 công ty không chia cổ tức, không trích lập các quỹ, toàn bộ lợi nhuận dùng để bù đắp khoản lỗ lũy kế những năm trước.

**Điều 10.** Thông qua việc điều chỉnh cơ cấu chi phí Tổng mức đầu tư dự án Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt điều chỉnh cơ cấu chi phí Tổng mức đầu tư dự án Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng, thực hiện quyết toán dự án hoàn thành và các công việc tiếp theo tuân thủ đúng các quy định hiện hành.

**Điều 11.** Thông qua việc hợp tác với Tổng công ty khoáng sản - TKV (Vimico) và các đối tác liên danh thực hiện khai thác quặng sắt tại khu Bắc mỏ sắt Nà Rạ từ năm 2020 để kịp thời đáp ứng nguồn nguyên liệu quặng sắt phục vụ sản

xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty triển khai thực hiện các bước công việc tiếp theo.

**Điều 12.** Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Giám đốc Công ty thống nhất và phối hợp với Ban kiểm soát Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty:

**Điều 13.** Thông qua Kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2020.

TT	Chức danh	Số lượng	Mức lương cơ bản Tr.đ/ng/th	Tiền thù lao đồng/ng/tháng	Số tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	24,0	2.400.000	12	28.800.000
2	Thành viên HĐQT	4	21,0	2.100.000	12	100.800.000
3	Trưởng BKS	1	21,0	2.100.000	12	25.200.000
4	Ủy viên BKS	2	19,0	1.900.000	12	45.600.000
	<b>Cộng</b>					<b>200.400.000</b>

Mức thù lao trên chỉ là dự kiến, mức thực tế chi trả cho HĐQT và BKS sẽ được xác định dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty.

#### **Điều 14. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông có mặt tại Đại hội.

2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ 12h00' ngày 22/6/2020.

3. Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể Cổ đông có trách nhiệm triển khai thực hiện theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

#### **Nơi nhận:**

- Các cổ đông Công ty (website);
- UBCKNN; HNX; VSD (đề B/c);
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD, Kế toán trưởng;
- Lưu: VP, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**Bùi Tiến Hải**